

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG VỀ ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG



Kết luận phiên họp của Ủy ban Quốc gia Đổi mới Giáo dục Đào tạo và Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển Nhân lực ngày 29/5/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đề nghị sớm đưa chương trình giảng dạy khởi nghiệp vào các trường đại học và phải coi khởi nghiệp là một mục tiêu của giáo dục đại học.

DANH SÁCH NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH



THÀNH VIÊN THAM GIA:

- 1) TS. Phạm Đình Tuyển, Bộ môn Kiến trúc Công nghệ, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch. Chủ nhiệm đề tài;
- 2) Th.S. KTS. Trần Hoàng Hà, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đại học Xây dựng (NUCETECH); Giám đốc Trung tâm Khởi nghiệp Xây dựng NUCETECH;
- 3) KTS. Phạm Văn Chinh, Bộ môn Kiến trúc Công nghệ, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch;
- 4) NCS. ThS. KTS. Nguyễn Văn Tuyên, Bộ môn Quy hoạch vùng và đô thị, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch.

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH:

- 1) Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Đại học Xây dựng;
- 2) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đại học Xây dựng (NUCETECH);
- 3) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Hà Nam (một trong những đơn vị tiếp nhận nội dung dự kiến đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng).

MỤC LỤC

1	PHẦN MỞ ĐẦU	10
1.1	KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP.....	10
1.2	TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI	11
1.3	MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI	13
1.4	ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	14
1.5	CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	15
2	NỘI DUNG	17
2.1	TỔNG QUAN VỀ ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM.....	17
2.1.1	Tổng quan chung.....	17
2.1.2	Một số xu hướng liên quan đến khởi nghiệp trên thế giới:	19
2.1.3	Tổng quan về đào tạo khởi nghiệp tại Việt Nam.....	21
2.1.4	Các vấn đề đặt ra cho việc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.....	28
2.2	CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG	29
2.2.1	Các cơ sở pháp lý có liên quan	29
2.2.2	Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	31
2.2.3	Doanh nghiệp và doanh nhân	33
2.2.4	Niềm tin khởi nghiệp và Kỹ năng mềm về khởi nghiệp	37
2.2.5	Chọn nghề và lập nghiệp.....	40
2.2.6	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.....	44
2.2.7	Kiến thức cơ bản về khởi sự doanh nghiệp	47
2.2.8	Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.....	55
2.2.9	Trường Đại học Xây dựng và đào tạo khởi nghiệp	60
2.3	ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG.....	61
2.3.1	Quan điểm, nguyên tắc	61
2.3.2	Đề xuất Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp.....	65
2.3.3	Đề xuất Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp tại các địa phương	75
2.3.4	Đào tạo giảng viên nguồn cho Đào tạo khởi nghiệp.....	84
2.3.5	Đề xuất Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu tại trường ĐHXD	84
2.4	TRIỂN KHAI TUYÊN TRUYỀN VÀ ĐÀO TẠO THỰC NGHIỆM KHỞI NGHIỆP TẠI ĐHXD.....	88
3	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	93
3.1	KẾT LUẬN.....	93
3.2	KIẾN NGHỊ.....	96
4	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98
5	CÁC SẢN PHẨM THEO THUYẾT MINH ĐÃ ĐĂNG KÝ.....	100

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Tổng hợp các sáng kiến khởi nghiệp tại 10 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH

Bảng 1.2: Tổng hợp nhu cầu về số lượng doanh nghiệp tại vùng ĐBSH

Bảng 2.1: Danh mục các chuyên đề thuộc tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bảng 2.2: Quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa

Bảng 2.3: 10 ngành nghề được xã hội quan tâm nhất hiện nay

Bảng 2.4: Ví dụ về khảo sát thị trường cho hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng

Bảng 2.5: Vai trò của các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường đại học

Bảng 3.1: Phân bố nội dung đào tạo, số tiết và đơn vị tham gia thực hiện đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên

Bảng 3.2: Nội dung của Chương trình đào tạo khởi nghiệp đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học.

Bảng 3.3: Phân bố nội dung đào tạo, số tiết và đơn vị tham gia thực hiện đào tạo khởi nghiệp cho cựu sinh viên

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Hình 1.1: Khái niệm về khởi nghiệp

Hình 1.2: Khởi nghiệp - Khởi sự doanh nghiệp tại Việt Nam

Hình 2.1: Nhu cầu về khởi sự doanh nghiệp; Mức độ quan tâm của SV với Chương trình đào tạo tinh thần khởi nghiệp và Mối tương quan giữa ngành XD với các ngành kinh tế VN

Hình 2.2: Niềm tin về khởi nghiệp đến từ tấm gương của những người khởi nghiệp thành công

Hình 2.3: Cộng đồng mạng xã hội là một trong những nơi cung cấp các kỹ năng mềm cho đào tạo khởi nghiệp

Hình 2.4: Nguyên tắc xây dựng Chương trình khung

Hình 2.5: Sơ đồ đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực XD cho sinh viên - ĐHXD

Hình 2.6: Sơ đồ đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực XD cho cựu sinh viên - ĐHXD và địa phương

Hình 2.7: Sơ đồ Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu tại trường ĐHXD

Hình 2.8: Bài báo về hoạt động khởi nghiệp đăng trên tạp chí chuyên ngành

Hình 2.9: Chuyên mục đào tạo khởi nghiệp trên WEB của Bộ môn KTCN – bmkctcn.com

Hình 2.10: WEB khoinghiexpxaydung.com của Trung tâm Khởi nghiệp Xây dựng NUCETECH

Hình 2.11: Hình ảnh trang WEB tuvanxaydungonline.vn

Hình 2.12: Một trong những kết quả Báo cáo chuyên đề Khởi nghiệp của sinh viên khóa 56KDE; F Khoa Kiến trúc - Quy hoạch, ĐHXD

Hình 2.13: Một trong những kết quả Báo cáo chuyên đề Khởi nghiệp của sinh viên khóa 58KD1;2
Khoa Kiến trúc - Quy hoạch, ĐHXD

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 - CMCN 4.0

Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo – Khởi nghiệp ĐMST

Trường Đại học Xây dựng – Trường ĐHXD

Khu công nghiệp – KCN

Khoa học công nghệ - KHCN

Đồng bằng sông Hồng – ĐBSH

Hạ tầng kỹ thuật - HTKT

Bộ môn Kiến trúc Công nghệ - Bộ môn KTCN

Sinh viên – SV

Xây dựng – XD

Việt Nam – VN

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng; Mã số: 128-2017/KHXD - TĐ

- Chủ nhiệm: TS. Phạm Đình Tuyển, Khoa Kiến trúc - Quy hoạch, trường ĐHXD

- Thời gian thực hiện: 4/2017- 4/2018

2. Mục tiêu:

- Góp phần thực hiện Chương trình Quốc gia Khởi nghiệp; trước hết là khởi nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, nhằm đến năm 2020 tạo thêm 0,5 triệu doanh nghiệp mới, cùng với đó là tạo thêm nhiều việc làm mới.

- Thúc đẩy và cụ thể hóa việc Đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên phù hợp với Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học; góp phần bổ sung, đổi mới nội dung chương trình đào tạo và KHCN của trường ĐHXD.

- Thông qua Đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên và cựu sinh viên muốn khởi nghiệp; doanh nhân muốn tái khởi nghiệp, trường đại học có thể: i) Mở rộng thêm các nguồn tuyển sinh; ii) Tăng cường kết nối với doanh nghiệp và thị trường rộng lớn bên ngoài, qua đó tìm được đầu vào các hướng nghiên cứu và tạo điều kiện cho việc thương mại hóa các sản phẩm KHCN; iii) Hình thành nguồn động lực mới cho quá trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm của trường.

- Hình thành được Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp: i) Có nội dung đáp ứng được nhu cầu và điều kiện đào tạo khởi nghiệp trong nhà trường; ii) Có mô hình tổ chức và quản lý đào tạo phù hợp điều kiện thực tiễn; iii) Có khả năng thu hút được đông đảo người học và góp phần lan truyền Phong trào khởi nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu tới từng địa phương.

3. Tính mới và sáng tạo:

- Đào tạo khởi nghiệp nói chung và đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng nói riêng tại Việt Nam là những vấn đề mới và cấp thiết. Vì vậy, nội dung nghiên cứu của đề tài về Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là hoàn toàn mới.

- Việc đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp với nhiều vấn đề chuyên ngành và đa ngành về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm là không hề đơn giản. Đề tài đã tiến hành nghiên cứu: Chương trình khởi sự doanh nghiệp đã được Nhà nước chấp thuận; Kinh nghiệm đào tạo khởi nghiệp của các quốc gia, tổ chức trên thế giới; Chương trình đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam... để đưa vào Chương trình đào tạo các nội dung cơ bản, mang tính tích hợp, được bố cục theo các bước của tiến trình khởi nghiệp. Chương trình đào tạo là sự cân bằng giữa học lý thuyết và thực hành khởi sự doanh nghiệp; Để tạo niềm tin cho sinh viên và học viên về khởi nghiệp, trong Chương trình khuyến khích sự tham gia của các chuyên gia và tổ chức bên ngoài đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo.

- Đề tài không chỉ đề xuất nội dung của Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp mà còn đề xuất Hệ sinh thái khởi nghiệp, là môi trường thúc đẩy việc học và hành trong hoạt động khởi nghiệp; Kế

hoạch đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp, thúc đẩy sớm triển khai đào tạo khởi nghiệp trong nhà trường.

- Toàn bộ nội dung Phần 2.2 Cơ sở khoa học xây dựng Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, được trình bày như một tài liệu phục vụ đào tạo giảng viên nguồn cho hoạt động khởi nghiệp.

4. Kết quả nghiên cứu:

a) Chương trình khung về đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

b) Mô hình Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu tại trường ĐHXD; Kế hoạch đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp tại trường ĐHXD.

c) Tập hợp các tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy đào tạo khởi nghiệp.

5. Sản phẩm:

- Chương trình khung về đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Mô hình Hệ sinh thái khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng tại trường ĐHXD.

- Các hoạt động ban đầu về tuyên truyền và đào tạo khởi nghiệp.

6. Hiệu quả, phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu và khả năng áp dụng:

a) Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, sau khi được nghiệm thu, sẽ được chuyển giao cho trường làm luận cứ cho việc bổ sung đổi mới Chương trình đào tạo và KHCN.

b) Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp là tài liệu để các khoa, bộ môn chuyên ngành tham khảo, hình thành Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp cụ thể phù hợp với từng chuyên ngành; Đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp.

c) Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở cho trường ĐHXD nghiên cứu hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp và thành lập các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

d) Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở cho việc hình thành chương trình kết hợp với các địa phương đào tạo khởi nghiệp ngoài trường.

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

TS. Phạm Đình Tuyên

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Startup framework training program in Construction sector

Code number: 128-2017/KHXD - TĐ

Coordinator: Dr. Pham Dinh Tuyen, Faculty of Architecture and Planning

Duration: from April 2017 to April 2018

2. Objective(s):

- To contribute to the National Startup Program, first of all, startups in the manufacturing and service sectors, with the aim of creating 0.5 million new businesses by 2020 along with creating more new jobs.
- To promote and specify the startup training for students in accordance with the University's graduation standard; contribute to supplement and renovate the content of the training and science and technology program of the National University of Civil Engineering.
- Through startup training for students and alumni who want to start a career; Businessmen who want to re-start a business, the university can: i) expand enrollment sources; ii) strengthen connectivity with businesses and large external markets, thereby finding inputs for research direction and facilitating the commercialization of science and technology products; iii) Establish a new source of motivation for the school's autonomy and self-responsibility.
- To form the startup framework training program: i) Having content to meet the demand and conditions for start-up training in the school; ii) Having appropriate training and organization models; iii) It is capable of attracting large numbers of learners and contributing to the spread of the entrepreneurial movement in both quality and quantity aspects to each locality.

3. Creativeness and innovativeness:

- Startup training in general and startup training in the field of construction in particular in Vietnam are new and urgent issues. Therefore, the content of the research on the start-up framework training program is totally new.
- Startup or entrepreneurship training with many specialized and multi-disciplinary issues in knowledge, skills, autonomy and self-responsibility level is not easy. This research studied: Entrepreneurship program approved by the State; Experience of start-up training of countries and organizations in the world; Innovative startup training programs of the Vietnamese startup community ... to incorporate in the training program the basic, integrated contents and structure in the steps of the startup process. The training program is a balance between theoretical study and business startup practice; to make students and learners confident to start a business, encourages the participation of outside experts and organizations in training and evaluating training outcomes.

- The research not only proposes the Start-up framework training program, but also a Startup Ecosystem, which promotes learning and practising in entrepreneurship; Startup training for trainers plan, accelerating startup training in schools.

4. Research results:

- a) Startup framework training program in Construction sector;
- b) Pilot Startup Ecosystem Model; Startup training for trainers plan of the National University of Civil Engineering;
- c) A set of reference materials for start-up teaching activities.

5. Products:

- Startup framework training program in Construction sector;
- Startup Ecosystem Model in the National University of Civil Engineering;
- Initial activities on start-up training and promotion.

6. Effects, transfer alternatives of reserach results and applicability:

- a) The startup framework training program in construction sector will be transferred to the school as a justification for the renovation of the curriculum and science and technology after being accepted.
- b) The startup framework training program is a document for specialized departments and faculties to refer to, formulate a specific framework training program for each major of study; to train trainers for startup training.
- c) The research results will serve as a basis for the National University of Civil Engineering has further studies to develop a pilot startup ecosystem and establish start-up support organizations.
- e) The research results are the basis for the formation of other startup training programs in combination with the locals.

1 PHẦN MỞ ĐẦU

1.1 KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP

1) Khởi nghiệp:

Khởi nghiệp (Start –up) là khái niệm khi ban đầu du nhập vào Việt Nam chỉ các công ty khởi đầu một sự nghiệp mới của: i) Sinh viên đang học hay vừa mới ra trường; ii) Người làm công ăn lương muốn có sự nghiệp mới; iii) Doanh nhân muốn mình và doanh nghiệp tái khởi nghiệp. Mô hình này bao gồm: Công ty khởi nghiệp (Start – up); Tổ chức và người thúc đẩy (Accelerator) – là các cá nhân, tổ chức giúp lập và đưa các Công ty khởi nghiệp vào hoạt động nhờ thu hút và tập hợp các nhà đầu tư (Nhà đầu tư thiên thần - Angel Investor) và các nhà tư vấn dẫn dắt (Mentor).

Mục tiêu và kết quả làm việc giữa các thành viên trong mô hình là tạo ra một **khóa huấn luyện** trong một khoảng thời gian nhất định, giúp Công ty khởi nghiệp lên sàn chứng khoán cho Quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital) và các nhà đầu tư độc lập đầu tư...

Hiện tại, khái niệm về khởi nghiệp được mở rộng: Đô thị khởi nghiệp, Thủ đô khởi nghiệp, Quốc gia khởi nghiệp; Khởi nghiệp trong lĩnh vực quản trị quốc gia, liên quan người lãnh đạo, cơ quan quản lý và thể chế; Khởi nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ liên quan đến doanh nhân và doanh nghiệp, nhà khoa học và tổ chức KHCN; Khởi nghiệp trong xã hội, liên quan đến công dân, cộng đồng, hiệp hội; Khởi nghiệp có thể diễn ra trong từng lĩnh vực chuyên ngành, như khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng...

Khởi nghiệp là sự nghiệp sáng tạo ra sản phẩm mới, tổ chức mới nhằm tạo ra vị thế mới cho mỗi cá nhân, tổ chức, cộng đồng và quốc gia. Khởi nghiệp không chỉ là thiết lập mô hình kinh doanh với thành công về tài chính mà còn là khởi nghiệp hướng tới phục vụ cộng đồng, quốc gia, giải quyết các vấn đề liên quan đến con người, phát triển bền vững, gắn với tạo lập các giá trị mới về xã hội và văn hóa.

Trên thế giới, khởi nghiệp thường là **Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ**, gắn với các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0).

Trong điều kiện đặc thù Việt Nam, khởi nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ có hai dạng:

- Khởi nghiệp kế thừa: Là dạng khởi nghiệp mang tính tiếp nối giai đoạn trước của nền kinh tế, trước hết là khởi nghiệp **tạo lập doanh nghiệp mới**, để bổ sung số lượng rất lớn doanh nghiệp còn thiếu; là dạng khởi nghiệp chủ yếu tại Việt Nam.

- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Là dạng khởi nghiệp liên quan đến việc ĐMST để **tạo lập sản phẩm mới** cho xã hội trong bối cảnh CMCN 4.0 và hội nhập. (Theo số liệu về doanh nghiệp thành lập mới, số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST chỉ chiếm khoảng 1% số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới).

2) Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng:

Ngành xây dựng là một trong những ngành kinh tế quan trọng trong giai đoạn công nghiệp hóa, đô thị hóa tại Quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là một dạng khởi nghiệp trong sản xuất, dịch vụ liên quan đến doanh nhân, nhà KHCN chuyên ngành xây dựng, bao gồm cả Khởi nghiệp kế thừa và Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3) Đào tạo khởi nghiệp tại các trường đại học:

Đào tạo khởi nghiệp là một trong nội dung mới trong đào tạo đại học, trước hết đáp ứng Chuẩn đầu ra với các yêu cầu về kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp. Ngoài ra, đào tạo khởi nghiệp còn là đào tạo gắn với các hoạt động ĐMST, phù hợp với giai đoạn của cuộc CMCN 4.0, qua đó thúc đẩy các hoạt động liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp, thị trường và xã hội. Đào tạo khởi nghiệp là một trong những động lực để đổi mới đào tạo, nghiên cứu khoa học và tạo vị thế mới cho mỗi trường đại học.

1.2 TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trên thế giới, đào tạo khởi nghiệp đang trở thành chương trình đào tạo bắt buộc đối với bất kỳ trường đại học xuất sắc nào. Sinh viên dù đang học nhưng đã nghĩ đến sau tốt nghiệp và nhận thức được rằng kỹ năng khởi nghiệp sẽ giúp ích cho sự nghiệp mà họ theo đuổi.

Năm 2016, Việt Nam mong muốn trở thành Quốc gia khởi nghiệp.

Khởi nghiệp hiện đang trở thành tầm nhìn, yêu cầu cho nhiều địa phương, nhiều ngành và nhiều lĩnh vực, nhằm tạo ra nhiều doanh nghiệp, nhiều việc làm cho xã hội, đáp ứng nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập.

Theo Nghị quyết 35/NQ-CP ban hành ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp (1), Chính phủ đã đặt mục tiêu tới năm 2020, Việt Nam phải tạo ra được tối thiểu 1 triệu doanh nghiệp (hiện tại có khoảng 0,5 triệu), đương nhiên trong đó có doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

Nói chuyện với các sinh viên tại Đại học Hải Phòng, ngày 8/5/2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cho biết, cả nước chung tay phát triển kinh tế với tinh thần khởi nghiệp thì **“Chính các sinh viên phải là người khởi nghiệp đầu tiên”**; **“Sinh viên phải luôn có tinh thần khởi nghiệp”**. Ngày 16/10/2016, tại buổi làm việc với lãnh đạo Đại học Quốc gia Hà Nội, Thủ tướng cho rằng: **“Một trong những thước đo thành công của một trường đại học là bao nhiêu sinh viên khởi nghiệp và thành danh từ mái trường này, chứ không chỉ là có bao nhiêu sinh viên kiếm được việc làm”**.

Theo Khung trình độ quốc gia, được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 (2), trong đó **Chuẩn đầu ra** của người tốt nghiệp đại học, bậc trình độ 6, ngoài kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp, phải có **kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác...**

Ngày 6/2/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết 19-2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ,

giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 (3), trong đó, ***Đào tạo khởi nghiệp cũng chính là đào tạo trang bị các kiến thức chuyên ngành và các kiến thức có liên quan về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh*** đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và hội nhập quốc tế.

Những năm trước đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đã ra Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014 hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó có việc đào tạo theo 3 cấp: i) ***Đào tạo khởi sự doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa***; ii) Đào tạo quản trị doanh nghiệp cho các chủ doanh nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa; iii) Đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu cho chủ doanh nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa trong một số lĩnh vực, địa bàn theo định hướng ưu tiên phát triển của Nhà nước. Nội dung đào tạo được xây dựng trên cơ sở Bộ giáo trình tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên việc triển khai xây dựng các Chương trình đào tạo chưa được thực hiện, đặc biệt là thực hiện theo từng ngành chuyên môn, và giai đoạn đó chưa xuất hiện các khái niệm mới liên quan đến khởi nghiệp, cuộc CMCN 4.0...

Tại các trường đại học tại Việt Nam, việc đào tạo doanh nhân hay đào tạo khởi nghiệp chưa được chú ý đúng mức:

- Mục tiêu và nội dung đào tạo để trở thành doanh nhân khác xa với đào tạo người làm công ăn lương, đặc biệt trong giai đoạn CMCN 4.0 và toàn cầu hóa. Các trường đại học hiện chủ yếu quan tâm đến đào tạo người làm công ăn lương bậc cao (ra trường có nhiều cơ hội việc làm), ít quan tâm tới đào tạo doanh nhân.
- Các kỹ sư khi ra trường thiếu ý chí, khát vọng khởi nghiệp, cho dù có cơ hội và hầu như không có mối liên hệ chuyên môn với cơ sở đào tạo, KHCN...
- Các doanh nhân, đặc biệt là tại doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa thiếu các kiến thức cần thiết về môi trường kinh doanh, liên kết phối hợp với các doanh nghiệp lớn theo chuỗi sản xuất hàng hóa, với các tổ chức hỗ trợ... để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh và tăng năng suất lao động...
- Chưa nhận thức rõ việc đào tạo khởi nghiệp là cơ hội gắn kết các tổ chức đào tạo, KHCN với thực tiễn thị trường, với doanh nghiệp, qua đó tìm được đầu vào các hướng nghiên cứu và tạo điều kiện cho việc thương mại hóa các sản phẩm KHCN.
- Thị trường xây dựng, dịch vụ cho các dòng chảy kinh tế (Hàng hóa và nhân lực; Công nghệ và tài chính; Tri thức và văn hóa) rất rộng và có nhu cầu rất lớn về doanh nghiệp; Cụ thể như trong lĩnh vực xây dựng: Hệ thống HTKT; Khu công nghiệp, khu công nghệ, khu kinh tế, trung tâm tài chính;

Khu đô thị; Nhà ở xã hội; Công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển... Cần thiết phải đào tạo doanh nhân thế hệ mới để đáp ứng nhu cầu mới và ngày càng lớn của thị trường xây dựng trong nước và tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Hoạt động khởi nghiệp hiện đã lan rộng ra cả nước, bao gồm 2 dạng: i) Tuyên truyền, quảng bá về khởi nghiệp cho thanh niên, doanh nhân và xã hội, thông qua: Hội thảo, diễn đàn, tổ chức thi, hội chợ triển lãm, mạng xã hội...; ii) Hoạt động đào tạo thông qua các khóa đào tạo:

+ Đào tạo khởi nghiệp (khởi sự doanh nghiệp) cho sinh viên, cựu sinh viên, chủ hộ sản xuất kinh doanh tại cơ sở đào tạo nghề, trường đại học, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp;

+ Đào tạo tái khởi nghiệp cho doanh nhân tại cơ sở đào tạo đại học, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp ...

Hiện nay, trường Đại học Xây dựng (ĐHXD) cũng như các trường đại học khác trong lĩnh vực xây dựng đang từng bước hình thành Chương trình đào tạo khởi nghiệp, nhằm đáp ứng các yêu cầu chung của quốc gia nêu trên và phù hợp với nhu cầu đào tạo cụ thể của từng trường.

Vì vậy, đề tài Nghiên cứu Chương trình khung về đào tạo Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là cấp thiết. Đây là một trong những luận cứ góp phần hình thành và định hình Chương trình đào tạo khởi nghiệp tại trường ĐHXD; qua đó thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, mang lại hiệu quả thiết thực cho nhà trường và xã hội.

1.3 MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI

1) Mục tiêu chung:

- Tăng cường nhận thức mới về Khởi nghiệp với quan điểm: Khởi nghiệp không phải là phong trào có tính nhất thời mà là một phần cụ thể của tầm nhìn phát triển, một nguồn động lực cho đổi mới để Việt Nam trở nên thịnh vượng và hội nhập mạnh mẽ.

- Cụ thể hóa hệ thống lý luận về khởi nghiệp, bắt nguồn từ thực tiễn khởi nghiệp, trong đó làm rõ các vấn đề như: Niềm tin chiến lược về khởi nghiệp; Tư duy và tầm nhìn khởi nghiệp; Quyền lợi quốc gia, cộng đồng và cá nhân trong quá trình khởi nghiệp; Giá trị mới về xã hội và văn hóa từ khởi nghiệp...

- Góp phần thực hiện Chương trình Quốc gia khởi nghiệp; trước hết là khởi nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ, nhằm đến năm 2020 tạo thêm 0,5 triệu doanh nghiệp mới, cùng với đó là tạo thêm nhiều việc làm mới.

2) Mục tiêu cụ thể:

- Thúc đẩy và cụ thể hóa việc Đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên phù hợp với Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học; góp phần bổ sung, đổi mới nội dung chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

- Thông qua Đào tạo khởi nghiệp cho kiến trúc sư, kỹ sư muốn khởi nghiệp; doanh nhân muốn tái

khởi nghiệp, trường đại học có thể: i) Mở rộng thêm các nguồn tuyển sinh đại học và sau đại học; ii) Tăng cường sự kết nối với doanh nghiệp và thị trường rộng lớn bên ngoài, qua đó tìm được đầu vào các hướng nghiên cứu và tạo điều kiện cho việc thương mại hóa các sản phẩm KHCN; iii) Hình thành nguồn động lực mới cho quá trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Đua tranh của các trường đại học trong tương lai có thể là cuộc đua tranh về Đào tạo khởi nghiệp gắn với CMCN 4.0.

- Hình thành được Chương trình Đào tạo khởi nghiệp: i) Có nội dung đáp ứng được nhu cầu và điều kiện Đào tạo khởi nghiệp trong nhà trường; ii) Có các mô hình tổ chức và quản lý đào tạo phù hợp điều kiện thực tiễn; iii) Có khả năng thu hút được đông đảo người học và góp phần lan truyền Phong trào khởi nghiệp theo cả chiều rộng và chiều sâu tới từng địa phương...

- Góp phần đổi mới Chương trình đào tạo và KHCN của trường ĐHXD.

1.4 ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

1) Đối tượng nghiên cứu: Chương trình khung về đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng bao gồm nhiều đối tượng cũng như nội dung nghiên cứu:

a) Liên quan đến khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp: Nhận thức về khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng;

b) Liên quan đến Đào tạo khởi nghiệp: Đối tượng đào tạo; Người, tổ chức đào tạo; Nội dung đào tạo và chuẩn đầu ra; Thời gian đào tạo; Tổ chức và quản lý đào tạo;

c) Liên quan đến Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp: Là những nội dung cơ bản của phần b.

d) Liên quan đến giải pháp tổ chức thực hiện, thông qua ví dụ tại trường ĐHXD, trước hết là: Đơn vị tổ chức và chịu trách nhiệm đào tạo; Hệ sinh thái khởi nghiệp và các vấn đề liên quan khác.

2) Phạm vi nghiên cứu:

- Các vấn đề thực tiễn, nhận thức, lý luận có liên quan, vừa đảm bảo tính phổ quát của thế giới vừa phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030.

- Đề tài tập trung vào việc nghiên cứu Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng cho sinh viên theo Chương trình đào tạo và cho cựu sinh viên có mong muốn khởi nghiệp. Khởi nghiệp trong đề tài liên quan chủ yếu đến **tạo lập doanh nghiệp mới**, không phải việc khởi sự doanh nghiệp liên quan đến việc **mua một doanh nghiệp** đang hoạt động hoặc **nhận quyền thương mại**.

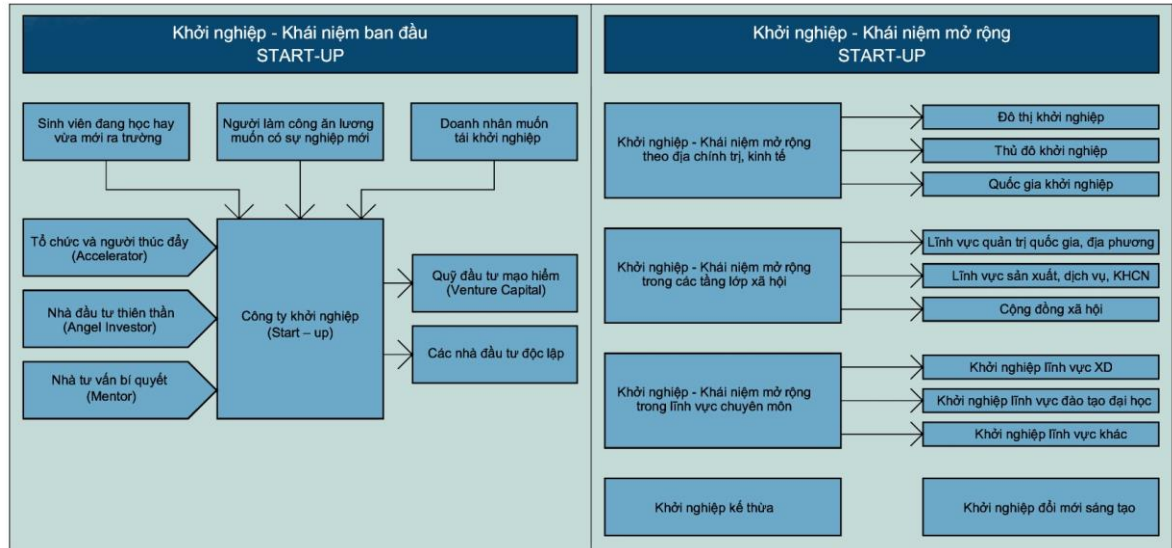
- Để việc đào tạo khởi nghiệp có hiệu quả, đề tài nghiên cứu và đề xuất mô hình Hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường đại học, là môi trường hình thành và thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp.

- Các ví dụ minh họa trong nước phục vụ cho việc nghiên cứu chủ yếu trong phạm vi vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) bao gồm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình. Đây cũng

là vùng dự kiến sẽ triển khai Chương trình Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Các nội dung nghiên cứu trong đề tài được làm rõ qua ví dụ tại trường ĐHXD.

Hình 1.1 : KHÁI NIỆM VỀ KHỞI NGHIỆP



1.5 CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1) Cách tiếp cận: Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là một vấn đề mới, mang tính liên ngành, vì vậy cách tiếp cận trong đề tài theo hướng:

- Nghiên cứu các Chương trình đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp đã được Nhà nước chấp thuận. Đây được coi là Chương trình khung cơ bản cho việc lập Chương trình khung khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

- Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp phải kết hợp được các kinh nghiệm đào tạo khởi nghiệp của các quốc gia, tổ chức trên thế giới; của cộng đồng khởi nghiệp Việt Nam và phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế, đặc biệt là CMCN 4.0.

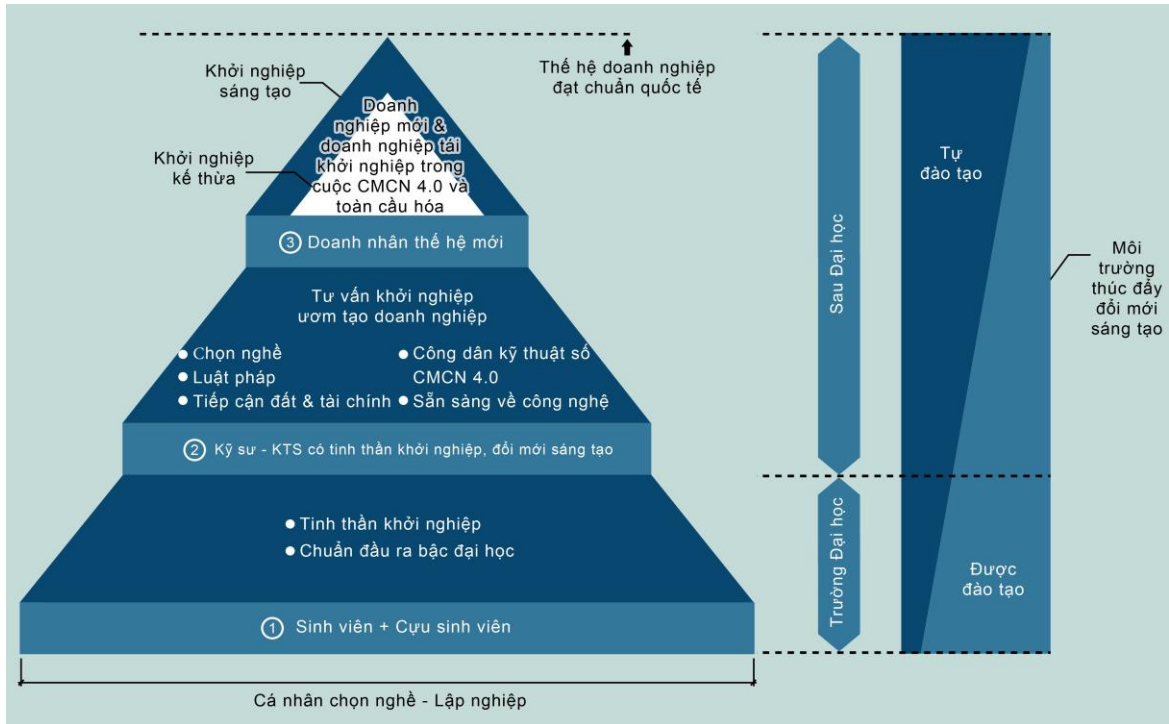
- Phải tiến hành đồng thời từ việc nhận thức, lý luận đến mô hình, giải pháp; đảm bảo khả năng tích hợp mang tính liên ngành và phù hợp với chương trình đào tạo, năng lực đào tạo hiện tại của các trường đại học trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, trước hết là ĐHXD.

- Việc nghiên cứu tạo lập Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp không chỉ đơn thuần là kết quả của một nghiên cứu KHCN mà còn phải là một luận cứ cho việc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp giai đoạn tiếp theo.

2) Phương pháp nghiên cứu: Khảo sát các tài liệu có liên quan trong và ngoài nước; Khảo sát

điều tra xã hội học; Các phương pháp khác.

Hình 1.2 : KHỞI NGHIỆP – KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM



2 NỘI DUNG

2.1 TỔNG QUAN VỀ ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠI VIỆT NAM

2.1.1 Tổng quan chung

1) Bối cảnh chung của nền kinh tế:

Khởi nghiệp Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh:

- Việt Nam là quốc gia với 95,4 triệu dân, đứng thứ 14 trên thế giới, GDP bình quân đầu người 2305 USD, đứng thứ 129 trên thế giới (năm 2017), thuộc nhóm các Quốc gia đang phát triển. Trọng tâm của nền kinh tế đang dịch chuyển từ khai thác tài nguyên thiên nhiên giản đơn sang sản xuất, dịch vụ và liên kết số gắn với cuộc CMCN 4.0; dịch chuyển từ nền kinh tế tiêu dùng sang nền kinh tế sản xuất. Sự sáng tạo, đổi mới KHCV và văn hoá trở thành động lực quan trọng hàng đầu cho quốc gia phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Theo Báo cáo Việt Nam 2035 – Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ (5) Việt Nam đang thực hiện 6 chuyển đổi để trở thành một nền kinh tế thu nhập trung bình cao: i) Hiện đại hóa nền kinh tế đồng thời với nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân (tạo thêm nhiều doanh nghiệp và việc làm); ii) Phát triển năng lực ĐMST, lấy khu vực kinh tế tư nhân làm trung tâm; iii) Nâng cao hiệu quả của quá trình đô thị hóa, tăng cường kết nối giữa các thành phố và khu vực nông thôn; iv) Phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu; v) Đảm bảo công bằng và hòa nhập xã hội cho các nhóm yếu thế cùng với sự phát triển của xã hội trung lưu; vi) Xây dựng một Nhà nước pháp quyền hiện đại với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hội nhập...

2) Bối cảnh chung về Khởi nghiệp tại Việt Nam:

Trong hai năm, năm 2016 – 2017, phong trào Khởi nghiệp đã lan rộng ra cả nước, hình thành nhiều sáng kiến của Nhà nước và cộng đồng xã hội cho khởi nghiệp:

- Thành lập Quỹ: Quỹ đầu tư của Nhà nước như Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) hỗ trợ, tài trợ tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp; Quỹ đầu tư tư nhân ngoài nước như CyberAgent, 500 Startups, Golden Gate Ventures... Quỹ đầu tư tư nhân trong nước như Quỹ FPT Venture...

- Đề án thương mại hóa công nghệ theo mô hình Thung lũng Silicon tại Việt Nam, tạo Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, đào tạo, hỗ trợ để nâng cấp các sản phẩm, hỗ trợ truyền đạt bí quyết kinh doanh, tư vấn nhằm thu hút vốn đầu tư mạo hiểm.

- Đề án “Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025” với mục tiêu đến năm 2025 hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ phát triển 600 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST...

- Chương trình Tăng tốc khởi nghiệp Kickstart, bắt đầu từ năm 2017, mỗi đợt kéo dài trong 3

tháng, dành cho các doanh nghiệp khởi nghiệp Việt Nam trong giai đoạn phát triển sản phẩm. Chương trình nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp có sản phẩm ĐMST hoàn thiện năng lực cạnh tranh và tăng tốc phát triển...

- Hình thành Cổng thông tin khởi nghiệp quốc gia - startup.gov.vn

- Tổ chức các ngày hội khởi nghiệp quốc gia hàng năm (Techfest), là sự kiện quốc gia có quy mô quốc tế, là nơi quy tụ cộng đồng khởi nghiệp, hỗ trợ, đầu tư cho khởi nghiệp trong và ngoài nước, qua đó quảng bá hình ảnh của khởi nghiệp ĐMST Việt Nam. Đặc biệt, đây còn là nơi để các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa đã có những thành công nhất định trên thị trường có thể tìm thấy những giải pháp sáng tạo từ các start-up.

- Mạng xã hội về hoạt động khởi nghiệp, bao gồm các trang mạng chính thống (baodientuchinhphu.vn; daibieunhandan.vn; nhandan.com.vn...) đến các trang mạng xã hội đều có các chuyên mục và đăng các bài báo về khởi nghiệp.

- Tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) cũng xuất hiện nhiều sáng kiến khởi nghiệp, bắt nguồn từ chính quyền tỉnh, hội doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, cộng đồng, đặc biệt là tổ chức Đoàn thanh niên, Hội doanh nghiệp.

Bảng dưới đây tổng hợp một số sáng kiến thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp tại 10 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH. Trong đó, thành phố Hà Nội là địa phương đi đầu.

Song, các sự kiện của phong trào khởi nghiệp nêu trên mới chỉ diễn ra tại trung ương và các thành phố lớn, chưa lan tỏa tới được các vùng của từng địa phương. Nếu coi Khởi nghiệp là một sản phẩm sáng tạo quốc gia, thì “sản phẩm Khởi nghiệp” Việt Nam hiện tại mới chỉ trong giai đoạn xây dựng ý tưởng, đang hoàn thiện, chưa định hình và chưa tạo lập được thị trường của sản phẩm.

Mặt khác, hoạt động khởi nghiệp hiện nay quá tập trung vào Khởi nghiệp ĐMST (tương tự như tại các Quốc gia phát triển) mà chưa quan tâm tới Khởi nghiệp kế thừa nhằm tạo lập doanh nghiệp mới, đáp ứng nhu cầu còn rất thiếu tại Quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Bảng 1.1: TỔNG HỢP CÁC SÁNG KIẾN KHỞI NGHIỆP TẠI 10 TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐBSH

Sáng kiến	Hà Nội	Hải Phòng	Hải Dương	Bắc Ninh	Vĩnh Phúc	Hưng Yên	Thái Bình	Nam Định	Ninh Bình	Hà Nam
Tuyên truyền										
Cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo	X									
Biên soạn tài liệu về thị trường, hội nhập	X									x
Tổ chức hội thảo, diễn đàn về khởi nghiệp	X	x	x		x		x	x		
Thi Ý tưởng khởi nghiệp; Festival		x			x	x			x	
Huấn luyện, chuyển giao công nghệ										
Đào tạo GD điều hành doanh nghiệp	X								x	x
Bồi dưỡng kiến thức cho hộ kinh doanh	X									x
Chợ công nghệ	X	x								
Khởi nghiệp										
Vườn ươm doanh nghiệp	X									
Tổ chức										
CLB thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp	X	x	x	x	x		x	x	x	
Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp	X	x	x	x	x	x	x			

(Bảng được tổng hợp từ Phụ lục 1: Phong trào khởi nghiệp tại 10 tỉnh, thành phố vùng ĐBSH)

2.1.2 Một số xu hướng liên quan đến khởi nghiệp trên thế giới

1) Quốc gia và thành phố khởi nghiệp

a) Quốc gia khởi nghiệp:

Một số nước đã tạo môi trường khởi nghiệp, hỗ trợ, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp của thế hệ trẻ. Quốc gia được biết đến với tên gọi quốc gia khởi nghiệp là Israel (6). Bằng ý chí khởi nghiệp Israel, một quốc gia không có tài nguyên thiên nhiên, hai phần ba diện tích là hoang mạc, thiếu nước ngọt và chỉ với khoảng 8 triệu dân lại trở thành một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Một trong những nguyên nhân thành công của Israel chính là tinh thần và ý chí khởi nghiệp, từ chính thể (chính sách phù hợp của Chính phủ), cộng đồng xã hội (liên quan đến môi trường kỷ luật như quân đội) đến từng cá nhân (sự năng động của công dân).

Một trong những nguyên nhân thành công của quốc gia Singapore cũng được cho là bắt nguồn từ tinh thần khởi nghiệp, được khơi dậy mạnh mẽ nhờ các chính sách ủng hộ của Chính phủ về tạo lập môi trường khởi nghiệp, bắt đầu từ các cơ sở giáo dục đại học giảng dạy tinh thần khởi nghiệp, thúc đẩy gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp (7).

Hàn Quốc, nền kinh tế thứ tư châu Á đang có kế hoạch thành lập 250 trung tâm khởi nghiệp ở các khu vực trên cả nước trước năm 2022 để hỗ trợ các doanh nghiệp do thanh niên lập ra, và định hướng phát triển dựa trên sự sáng tạo. Theo kế hoạch, Hàn Quốc thiết lập một quỹ trị giá 3.000 tỷ won (khoảng 2,7 tỷ USD) giúp thanh niên lập ra khoảng 50.000 doanh nghiệp khởi nghiệp. Đáng

chú ý, Hàn Quốc sẽ giúp đỡ các doanh nhân quốc tế trên khắp thế giới phát triển ý tưởng làm ăn tại nước này (8).

b) Thành phố khởi nghiệp:

Ngay tại các quốc gia phát triển hàng đầu trên thế giới, xu hướng khởi nghiệp cũng được quan tâm, có thể không phải là mô hình quốc gia khởi nghiệp song là mô hình địa phương khởi nghiệp, ví dụ như thành phố Fukuoka được Chính phủ Nhật Bản chỉ định là đặc khu chiến lược quốc gia về khởi nghiệp. Tại đây có nhiều chính sách ưu đãi như nới lỏng điều kiện thủ tục visa, ứng dụng sản phẩm sáng tạo, hỗ trợ vốn vay, nhà ở, mở tài khoản ngân hàng... Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm khởi nghiệp này đã tạo điều kiện để hình thành và phát triển 150 doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ 2,5 tỷ Yên cho doanh nghiệp (25). Và còn có nhiều ví dụ tương tự như vậy.

2) Khởi nghiệp tại các cụm công nghiệp - Mô hình thung lũng Silicon:

Vào những năm cuối thế kỷ 20, xuất hiện mô hình Cụm Kinh tế (Economic Cluster) hay Cụm Công nghiệp (Industry Cluster). Đây là mô hình phát triển kinh tế dựa trên sự tập trung về mặt địa lý giữa các định chế có liên quan đến nhau: i) Các doanh nghiệp sản xuất; ii) Các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm (doanh nghiệp khởi nghiệp), doanh nghiệp cung ứng, cơ quan chính phủ; iii) Trung tâm nghiên cứu và trường đại học... trong một lĩnh vực cụ thể, ví dụ như công nghệ thông tin; iv) Hệ thống các công trình dịch vụ hạ tầng kinh tế và xã hội có liên quan...

Mô hình Cụm kinh tế đầu tiên là Thung lũng Silicon Mỹ, được hình thành năm 1971. Đây là nơi tập trung hay liên kết các mô hình KCN, Công viên công nghệ và Công viên thương mại trong lĩnh vực công nghệ cao; gắn liền với các trường đại học và các khu dân cư; nơi hình thành và phát triển lĩnh vực kinh tế mới – kinh tế số. Mô hình này dần được phổ biến trên toàn thế giới với gần 100 địa điểm. Riêng Châu Á có 9 Cụm kinh tế mang tên Silicon Valley.

3) Khởi nghiệp tại các trường đại học:

Nhiều trường đại học kỹ thuật tại các quốc gia phát triển trên thế giới thành lập Trung tâm ĐMST. Trung tâm ĐMST (Innovation Center) được cho là tổ chức trung gian có vai trò tư vấn, hỗ trợ, kết nối giữa các cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp trong các trường đại học với các quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, quỹ gọi vốn cộng đồng... nhằm tìm kiếm nguồn lực đầu tư vào các ý tưởng công nghệ có tiềm năng thương mại hóa.

Đây cũng là nơi cung cấp hạ tầng (văn phòng, phòng thí nghiệm) để hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp dựa trên công nghệ và bộ phận dịch vụ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu của trường đại học thông qua việc bán, chuyển giao tài sản trí tuệ...

Tỷ lệ không nhỏ sinh viên của các trường mong muốn mình sẽ là doanh nhân trong vòng 10- 15 tới. Vì vậy, trong nhiều trường đại học đã hình thành mạng lưới Câu lạc bộ doanh nhân là cựu sinh viên, để cùng chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

4) Các mô hình liên quan đến đào tạo khởi nghiệp

a) Khởi nghiệp tinh gọn:

Khái niệm tinh gọn, vốn xuất hiện trong sản xuất với cách tiếp cận theo chuỗi: Hình thành – Đánh giá - Hoàn thiện (Build – Measure – Learn), đã giúp các công ty tiết kiệm rất nhiều cho các dự án phát triển sản phẩm mới và hoạt động nghiên cứu phát triển. Đó cũng chính là lý do, Khởi nghiệp tinh gọn (Lean Startup) đang trở thành mô hình giúp các doanh nhân khởi nghiệp có hiệu quả.

b) Đại học sáng nghiệp:

Đại học sáng nghiệp – Đại học sáng tạo và khởi nghiệp (Entrepreneurial University) hoặc đại học định hướng ĐMST (Innovation-driven University) là mô hình được cho là sự lựa chọn tất yếu để thích ứng với giai đoạn của cuộc CMCN 4.0. Theo mô hình này, các trường đại học dù ở tầng cấp nào cũng cần định hướng theo yêu cầu ĐMST. Từ đầu thế kỷ 21 trở về trước, các trường đại học chủ yếu có vai trò đào tạo và nghiên cứu, vừa tạo ra tri thức mới vừa triển khai dịch vụ tư vấn. Ở mức độ này, các trường đại học nghiên cứu và phát triển một số công nghệ theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, theo dạng R&D (research & development) - nghiên cứu và phát triển. Vào thế kỷ 21, ngoài các chức năng chính kể trên, chức năng chuyển giao công nghệ và thúc đẩy khởi nghiệp tạo doanh nghiệp mới được các trường đại học chủ động thực hiện, tạo tiền đề cho các hoạt động kết nối, liên kết rộng lớn trong toàn xã hội.

Mô hình Đại học sáng nghiệp được cho là có 7 đặc trưng (9), đó là: i) Đào tạo định hướng khởi nghiệp; ii) Nghiên cứu hàn lâm và kết hợp ĐMST; iii) Hoạt động ĐMST gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp; iv) Đại học thông minh dựa trên khoa học dữ liệu và công nghệ kỹ thuật số; v) Cơ chế tự chủ đại học trong mối quan hệ với cơ quan quản lý và doanh nghiệp; vi) Quá trình quốc tế hóa trong bối cảnh hội nhập và ĐMST; vii) Phát triển hài hòa giữa mục tiêu vốn hóa tài sản tri thức và gia tăng giá trị kinh tế của đại học qua việc tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và cộng đồng xã hội.

Với xu hướng này, đào tạo đại học, sau đại học phải hướng đến cách tiếp cận về ngành nghề mới và chuẩn đầu ra mới; thể hiện cụ thể qua cơ cấu ngành nghề đào tạo, cấu trúc của từng chương trình đào tạo, giáo trình, phương thức và tổ chức đào tạo; hình thành giảng viên thế hệ mới.

2.1.3 Tổng quan về đào tạo khởi nghiệp tại Việt Nam

1) Nhu cầu đào tạo khởi nghiệp tại Việt Nam

a) Đào tạo khởi nghiệp góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp:

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Việt Nam hiện có khoảng 24 triệu thanh niên (chiếm khoảng 44% lực lượng lao động). Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp ở nhóm này lại cao gấp 3 lần mức chung của cả nước (17). Thất nghiệp của thanh niên trong độ tuổi 15 - 24 tuổi chiếm 51,3% tổng số thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên cả nước là 7,67% và đặc biệt cao ở khu

vực thành thị với mức 11,95%, tức là, cứ 100 thanh niên trong lực lượng lao động thì có 12 người thất nghiệp. (Khảo sát của Bản tin cập nhật thị trường lao động quý II.2017 cho thấy, số người thất nghiệp có trình độ đại học trở lên là 183.100 người, tăng 44.200 người so với quý I.2017).

Hiện đề tài chưa có số liệu thống kê có tính pháp lý về mức độ thất nghiệp có trình độ đại học trong lĩnh vực xây dựng, song chắc rằng số này cũng không nhỏ.

Với quan điểm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp có thể giảm được tỷ lệ thất nghiệp, nhiều cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đang tiến hành lập và triển khai nội dung này. Ví dụ như Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến 2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (26). Mục tiêu của đề án là: i) Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên; ii) Đào tạo bồi dưỡng kiến thức kỹ năng khởi nghiệp; iii) Tạo môi trường thúc đẩy ý tưởng cho các dự án khởi nghiệp. Một trong nội dung quan trọng của Đề án là hình thành Chương trình đào tạo khởi nghiệp với quan điểm: i) Chương trình cần đa dạng phù hợp với từng trường, từng địa phương; ii) Phải có sự liên kết, tham gia của doanh nghiệp; iii) Có khả năng thu hút được người học; iv) Học nghề ra phải có việc làm và có được thu nhập tương xứng; iii) Chương trình đào tạo phải được liên thông; iv) Chú ý đào tạo kỹ năng mềm gắn với cuộc CMCN 4.0.

Ngày 10/7/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có công văn số 2919/BGDĐT - GDĐH về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (27). Kết quả của khảo sát là căn cứ để các cơ sở đào tạo điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo...nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng yêu cầu từ năm 2018 trở đi, các cơ sở đào tạo phải công bố tỷ lệ khảo sát sinh viên chính quy có việc làm sau khi tốt nghiệp của 2 năm trước liền kề trên trang thông tin điện tử và trong đề án tuyển sinh. Kết quả của khảo sát cũng là cơ sở để xây dựng Bộ dữ liệu quốc gia về thực trạng việc làm sinh viên sau tốt nghiệp. Bộ dữ liệu này bao gồm các chỉ số: i) Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp; ii) Tỷ lệ sinh viên đi làm đúng chuyên ngành được đào tạo; iii) Mức thu nhập bình quân hiện nay; iv) Loại hình tổ chức/công ty đang làm việc; v) Mức độ hài lòng với công việc hiện tại.

Nhưng câu hỏi đặt ra là sinh viên xin việc tại đâu khi không có doanh nghiệp để xin việc. Vì vậy, việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp không chỉ phụ thuộc vào việc Xây dựng chương trình định hướng, tư vấn nghề nghiệp mà còn phải là việc đào tạo khởi nghiệp trong nhà trường và xã hội.

b) Đào tạo khởi nghiệp để tạo lập thêm các doanh nghiệp mới:

Theo Thông cáo báo chí về kết quả sơ bộ Tổng điều tra Kinh tế năm 2017 (18):

- Số lượng doanh nghiệp: Tính đến 01/01/2017 cả nước có 518 nghìn doanh nghiệp thực tế đang tồn tại; trong đó có 505 nghìn doanh nghiệp thực tế hoạt động. Khối doanh nghiệp thu hút 14,1

triệu lao động. Thời kỳ 2012 - 2017, bình quân hàng năm số lượng doanh nghiệp tăng 8,7%, lao động tăng 5,1%.

- Quy mô bình quân chung: Lao động bình quân một doanh nghiệp giảm từ 32 xuống 27 người.
- Với quy mô dân số khoảng 95,4 triệu người (2016), Việt Nam có khoảng 55,33 triệu lao động (số lao động chiếm 58% dân số). Với tỷ lệ lao động công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 60% và số lao động trung bình khoảng 27 lao động/doanh nghiệp thì ngay thời điểm hiện tại, Việt Nam cũng phải có khoảng 1 – 1,2 triệu doanh nghiệp. Việt Nam hiện còn thiếu khoảng 0,5 triệu doanh nghiệp. Những nguyên nhân chính của việc thiếu hụt một số lượng lớn doanh nghiệp tại Việt Nam được nhiều đánh giá cho là:
 - Hệ thống giáo dục chưa chú trọng khơi dậy tinh thần khởi nghiệp cho thế hệ trẻ; sinh viên chưa được trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi sự doanh nghiệp...;
 - Thiếu kết cấu hạ tầng hay hệ sinh thái khởi nghiệp;
 - Khó khăn về vốn, tiếp cận đất đai...

Chính vì vậy, nhu cầu đào tạo khởi nghiệp hay đào tạo khởi sự doanh nghiệp đã trở nên cấp bách.

Bảng 1.2 : TỔNG HỢP NHU CẦU VỀ SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP TẠI VÙNG ĐBSH

Loại	Đơn vị	Hà Nội	Hải Phòng	Hải Dương	Bắc Ninh	Vĩnh Phúc	Hưng Yên	Thái Bình	Nam Định	Ninh Bình	Hà Nam	Tổng cộng
Hiện trạng												
Dân số (triệu người)	Tr.ng	6,94	1,90	1,74	1,08	1,02	1,15	1,87	1,84	0,92	0,79	19,25
Số lao động (58%)	Tr.ng	4,03	1,10	1,01	0,63	0,59	0,67	1,08	1,07	0,53	0,46	11,17
Số doanh nghiệp hiện tại	Ngàn DN	223,95	41,6	15,35	15,85	11,78	11,12	10,12	11,25	7,34	6,55	354,91
Khả năng cung ứng lao động (27 người/DN)	Tr.ng	6,05	1,12	0,41	0,43	0,32	0,30	0,27	0,30	0,20	0,18	9,58
Số lao động phi CN và Dịch vụ, khác	Tr.ng	-2,02	-0,02	0,59	0,20	0,27	0,37	0,81	0,76	0,34	0,28	1,58
Tỷ lệ LĐ phi CN và DV theo số lao động	%			58,93	31,68	46,24	54,99	74,81	71,54	62,86	61,40	14,17
Dự báo số doanh nghiệp XD thành lập mới												
Dự báo số lao động nông nghiệp (30%)	Tr.ng			0,30	0,19	0,18	0,20	0,33	0,32	0,16	0,14	
Số lao động CN và Dịch vụ còn lại	Tr.ng			0,71	0,44	0,41	0,47	0,76	0,75	0,37	0,32	
Nhu cầu về số doanh nghiệp	Ngàn DN			26,16	16,24	15,34	17,29	28,12	27,67	13,83	11,88	
Số doanh nghiệp phải thành lập mới	Ngàn DN			10,81	0,39	3,56	6,17	18,00	16,42	6,49	5,33	67,18
Số doanh nghiệp XD thành lập mới (14%)	Ngàn DN			1,51	0,05	0,50	0,86	2,52	2,30	0,91	0,75	9,40

Nguồn: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; số lượng vào thời điểm 2016; 2017)

Bảng 1.2 trên đây cho thấy:

- Về hiện trạng:

+ Tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, nhu cầu bổ sung doanh nghiệp không cao mà chủ yếu là Khởi nghiệp sáng tạo, tạo ra các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc gia và quốc tế. Tại các địa danh này, nhu cầu chủ yếu là lao động có trình độ cao, để làm các việc phức tạp phù hợp với việc tạo ra các sản phẩm xuyên quốc gia.

+ Tại các tỉnh có quá trình công nghiệp hóa chưa rộng và sâu, lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn như Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam, số lượng doanh nghiệp mới chỉ đáp ứng được một nửa nhu cầu. Đối với các tỉnh này, cần chú trọng đào tạo khởi nghiệp tạo thêm nhiều doanh nghiệp và việc làm mới, qua đó giảm dòng người di cư ra đô thị lớn như Hà Nội (khoảng 2,02 triệu lao động hàng ngày); thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu lao động từ khai thác tài nguyên thiên nhiên giản đơn, nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

- Về dự báo số doanh nghiệp thành lập mới:

Với giả định đến giai đoạn 2020 - 2025, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp giảm xuống còn 30% trong cơ cấu lao động, thì số lượng doanh nghiệp phải thành lập mới tại vùng ĐBSH vào khoảng 67 ngàn doanh nghiệp. Trong đó, số doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (chiếm khoảng 14% - Xem phần phụ lục 4: Khảo sát số lượng doanh nghiệp xây dựng, kiến trúc tại vùng ĐBSH) tối thiểu phải lập mới khoảng 9,4 ngàn doanh nghiệp.

- Về nhu cầu đào tạo doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng:

Với giả định mỗi doanh nghiệp có một người được đào tạo về khởi sự doanh nghiệp, thì các trường đại học trong khu vực ĐBSH phải đào tạo được 9,4 ngàn doanh nhân xây dựng, từ sinh viên, hoặc cựu sinh viên, trong giai đoạn đến năm 2020 – 2025.

2) Thực trạng chung về đào tạo khởi nghiệp tại Việt Nam

a) Chỉ có 10% số doanh nghiệp khởi nghiệp thành công:

Cũng theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2016 có khoảng 110 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (tăng 16,2% so với năm 2015), đã tạo việc làm cho gần 1,3 triệu lao động. Nhưng cũng trong năm 2016, cả nước có 12.478 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Trong đó, Doanh nghiệp khởi nghiệp (loại khởi nghiệp ĐMST), hiện nay dựa trên kỹ thuật công nghệ cao, tri thức khoa học, với nhiều ý tưởng sáng tạo, phong phú nhưng lại thiếu kinh nghiệm, cho nên khả năng thành công tương đối thấp. Trong khoảng hơn 100 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, chỉ có khoảng hơn 1 nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

Song, cứ khoảng 100 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST thì có tới 90 doanh nghiệp đứng trước nguy cơ giải thể trong hai năm đầu hoạt động.

b) Đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp không hề đơn giản:

Hiện tại, việc Đào tạo khởi nghiệp tạo lập doanh nghiệp theo hình thức Khởi nghiệp sáng tạo, chủ yếu do một số tổ chức xã hội thực hiện; chưa chú ý đúng mức Khởi nghiệp kế thừa tạo lập doanh nghiệp mới có khả năng cạnh tranh và thâm nhập được thị trường.

Khởi nghiệp có thể bắt đầu ngay bằng việc sở hữu một ý tưởng kinh doanh, nhưng như vậy là chưa đủ. Để khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp phải hội tụ được những yếu tố cần thiết, bao gồm kiến thức và kỹ năng về: Công nghệ; Quản trị điều hành doanh nghiệp; Môi trường kinh doanh; Kết nối với hệ sinh thái khởi nghiệp gắn với các tổ chức dịch vụ, hỗ trợ khởi nghiệp... Các kiến thức, kỹ năng đó có thể đến từ việc tự học, song hiệu quả hơn là đến từ việc được đào tạo.

Năm 2012, Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch Đầu tư ban hành Tài liệu cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ giáo trình, tài liệu bao gồm 6 chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp và 23 chuyên đề đào tạo quản trị doanh nghiệp. Nội dung của các chuyên đề trên là một trong những cơ sở quan trọng cho các cơ sở đào tạo xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp phù hợp với lĩnh vực ngành nghề của mình.

3) Thực trạng đào tạo khởi nghiệp trong các trường đại học

a) Đào tạo khởi nghiệp đang bắt đầu:

Hiện tại, một số trường đại học bắt đầu tiến hành xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp và đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp.

Tuy nhiên, việc đào tạo khởi nghiệp trong trường đại học không chỉ liên quan đến kiến thức và kỹ năng lý thuyết mang tính nguyên lý mà còn liên quan đến tiềm lực KHCN hay còn được gọi là mức độ Sẵn sàng công nghệ của nhà trường.

Hiện tại, theo đánh giá chung, tiềm lực KHCN của các trường đại học cần thay đổi để bám sát thực tiễn (11). Lực lượng KHCN quá mỏng. Tỷ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ ở các trường đại học chưa đến 20%. Cách thức tổ chức hoạt động KHCN trong các trường đại học còn mang nặng tính thủ tục hành chính và quy trình, chưa gắn với sản phẩm đầu ra và đòi hỏi thực tiễn của doanh nghiệp.

b) Đào tạo khởi nghiệp là cơ hội và động lực để đổi mới đào tạo:

Trong giai đoạn CMCN 4.0 và hội nhập, đổi mới công nghệ là một tiêu chí quan trọng để doanh nghiệp định hình mô hình sản xuất và kinh doanh, đặc biệt trong điều kiện Việt Nam không còn dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ, cũng như doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Cách duy nhất là doanh nghiệp phải có cách thức tích tụ công nghệ.

Tại Việt Nam, khi mà các Khu công nghệ (Science Park), Khu kinh doanh (Business Park) hay Cụm kinh tế (Economic Cluster) theo mô hình Thung lũng Silicon còn chưa được hình thành và hoạt động hiệu quả, thì việc tích tụ công nghệ thông qua việc kết nối với các trường đại học là xu thế tất yếu.

Nhiều trường đại học cũng đã nhận thức: ĐMST chính là việc các cơ sở giáo dục giờ đây không chỉ dừng lại ở việc đào tạo truyền thống mà đào tạo phải theo định hướng khởi nghiệp. Theo đó, tinh thần khởi nghiệp phải được thấm sâu trong hệ thống ngành nghề đào tạo mới; Các sản phẩm KHCN phải có địa chỉ người dùng cùng với việc đổi mới trong cách quản trị; hình thành hệ sinh thái: Nhà trường - Doanh nghiệp - Cộng đồng xã hội - Nhà nước. Từ đây đã hình thành xu hướng: Chuyển đổi mô hình trường đại học hiện tại theo hướng **Trường đại học ĐMST**; Chuyển đổi mô hình nghiên cứu KHCN phục vụ đào tạo hiện tại theo hướng trở thành **Trung tâm tích tụ và sẵn sàng công nghệ** phục vụ cả đào tạo và doanh nghiệp.

3) Hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam

a) Hình thành thị trường KHCN và Chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ:

Việt Nam đang từng bước hình thành thị trường KHCN (12) với các mô hình hiện có: Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ, Vườn ươm công nghệ & doanh nghiệp KHCH và các mô hình mới: Sàn giao dịch công nghệ; Chợ công nghệ, thiết bị, kết nối cung cầu công nghệ (TechDemo), Ngày hội khởi nghiệp công nghệ...

Thị trường KHCH hay Thị trường sẵn sàng về KHCN có vai trò quan trọng cho các doanh nghiệp Việt Nam, là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, không có tiềm lực đầu tư cho hoạt động KHCN để đổi mới công nghệ, mà chỉ tập trung cho việc tận dụng các dây chuyền, máy móc thiết bị của công nghệ thậm chí đã trở nên lạc hậu để phục vụ sản xuất. Một số doanh nghiệp muốn đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng quy mô sản xuất song không biết phải bắt đầu từ đâu, định hướng công nghệ nào là phù hợp...

Để thị trường KHCH hoạt động hiệu quả, Việt Nam hiện đang xây dựng Đề án về “Phát triển nguồn tin KHCN phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”(13) với các nội dung chính: i) Xây dựng và phát triển nguồn tin KHCN trong nước, gồm: Cơ sở dữ liệu Công bố KHCN Việt Nam; Cơ sở dữ liệu về Tổ chức KHCN; Cơ sở dữ liệu trích dẫn khoa học Việt Nam; Cơ sở dữ liệu về sáng chế và sở hữu trí tuệ; Cơ sở dữ liệu KHCN của các bộ, ngành, địa phương; ii) Bổ sung, mua quyền truy cập các nguồn tin KHCN quốc tế; iii) Chia sẻ và khai thác các nguồn tin KHCN.

b) Mong muốn phát triển Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế số:

Hiện tại, cộng đồng doanh nghiệp tại APEC (Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, gồm 21 nền kinh tế thành viên), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) luôn coi hội nhập về thương mại và đầu tư là con đường tốt nhất cho phát triển kinh tế và sự thịnh vượng toàn cầu.

Một trong những giải pháp cơ bản để thúc đẩy hội nhập, bên cạnh việc chống lại chủ nghĩa bảo hộ, là việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế số, xoá bỏ sự chia cắt kỹ thuật số, xây dựng thương mại kỹ thuật số và khuyến khích phát triển dòng dữ liệu xuyên biên giới.

Mặt khác, với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế số, doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ có cơ hội tham gia trực tiếp vào hệ thống sản xuất, thương mại quốc gia và xuyên biên giới.

4) Đào tạo khởi nghiệp tại trường Đại học Xây dựng

a) Đổi mới Chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO:

Hiện tại trường ĐHXD đang triển khai đổi mới Chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate).

CDIO được cho là một trong những giải pháp có thể khắc phục được hạn chế trong xây dựng chương trình đào tạo, là một sáng kiến của ngành giáo dục (giai đoạn trước năm 2016 - Năm quốc gia khởi nghiệp), trong đó tất cả các khâu phải được thực hiện theo quy trình chuẩn có tính liên hoàn, gắn kết chặt chẽ với nhau. Quy trình này gồm các giai đoạn “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” và được quốc tế công nhận. Trong Chương trình này, nhà trường là nơi tạo tiềm năng cho người học phát triển; người học được trang bị cả “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm”. Chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO được coi là cơ sở cho việc chuyển đổi các ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo của các trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường ĐHXD hiện đã triển khai xây dựng Chương trình đào tạo mới với khoảng 30 ngành theo CDIO.

Tuy nhiên, đây cũng chỉ là chương trình thiên về hướng đào tạo người thành thạo nghề (của chỉ một số ngành nghề xây dựng) để xin việc mà chưa thật chú ý đến việc đào tạo lập nghiệp, đào tạo doanh nhân, những người tạo việc làm cho mình và cho người khác; chưa thật chú ý giới thiệu các ngành nghề cụ thể có liên quan đến xây dựng trong tổng số 734 ngành nghề thuộc Hệ thống các ngành kinh tế Việt Nam để sinh viên có cơ hội suy nghĩ chọn nghề, lập nghiệp trong tương lai. Phù hợp với xu hướng chung về Khởi nghiệp, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch cũng đã nghiên cứu bổ sung nội dung đào tạo khởi nghiệp vào Chương trình.

b) Điều tra xã hội học sinh viên về nhu cầu về khởi nghiệp:

Đề tài đã tiến hành điều tra xã hội học sinh viên Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Trường ĐHXD về mức độ quan tâm đến hoạt động Khởi nghiệp thông qua WEB bmkctn.com.

Câu hỏi đánh giá: Tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016, Thủ tướng đã phê duyệt Khung trình độ quốc gia VN, quy định Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp khóa đào tạo Đại học theo các tiêu chí: i) Kiến thức; ii) Kỹ năng; iii) Mức tự chủ và trách nhiệm. Về Kỹ năng, ngoài kỹ năng đầu tiên là có thể giải quyết các vấn đề phức tạp, kỹ năng thứ hai, rất mới là: Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

Các bạn sinh viên Trường ĐHXD thử tự đánh giá về Mức độ quan tâm rèn luyện kỹ năng này trong quá trình học tập tại trường: i) Rất quan tâm; Sẵn sàng học tập và rèn luyện thành thạo kỹ năng này; ii) Có quan tâm, Tương tự như các kỹ năng quy định cần học tập khác; iii) Không quan tâm;

iv) Ý kiến khác.

Có 115 sinh viên tham gia. Kết quả: 83 sinh viên rất quan tâm, chiếm tỷ lệ 75,7%; 11 sinh viên có quan tâm, chiếm tỷ lệ 9,6%; 15 sinh viên không quan tâm, chiếm tỷ lệ 13%; 2 sinh viên có ý kiến khác, chiếm tỷ lệ 1,7%.

Tỷ lệ trên cho thấy, phù hợp với xu thế chung, số đông sinh viên mong muốn được đào tạo khởi nghiệp ngay từ trong nhà trường.

c) Một số hoạt động ban đầu về đào tạo khởi nghiệp:

Ngay từ năm 2016, Trường ĐHXD đã quan tâm và ủng hộ các hoạt động liên quan đến phong trào khởi nghiệp. Trong đó, Khoa Kiến trúc Quy hoạch là một trong những đơn vị đi tiên phong về tuyên truyền thúc đẩy khởi nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc.

Tuy nhiên các hoạt động khởi nghiệp chỉ mới bắt đầu, cần tiếp tục mở rộng và được định hình trong toàn trường, trước hết là việc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp và bổ sung vào Chương trình đào tạo cho các ngành/chuyên ngành hệ chính quy của nhà trường.

2.1.4 Các vấn đề đặt ra cho việc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

Các nội dung trình bày trong Phần tổng quan cho thấy:

1) Khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp đang trở thành nhu cầu cấp bách của xã hội và của bản thân mỗi trường đại học, phải sớm triển khai thực hiện.

2) Việc đào tạo khởi nghiệp cần bắt đầu với việc hình thành Chương trình đào tạo khởi nghiệp phục vụ cho hai đối tượng chính: i) Sinh viên trong trường đại học đáp ứng Chuẩn đầu ra của bậc đại học; ii) Cựu sinh viên sau khi ra trường đáp ứng nhu cầu khởi sự doanh nghiệp.

3) Chương trình đào tạo khởi nghiệp chỉ có thể hiệu quả khi thể hiện được các nội dung:

- Các khái niệm chung về khởi nghiệp và các khái niệm có liên quan đến khởi nghiệp như: Doanh nghiệp và doanh nhân; Kỹ năng mềm khởi nghiệp; Chọn nghề, lập nghiệp trong lĩnh vực xây dựng...

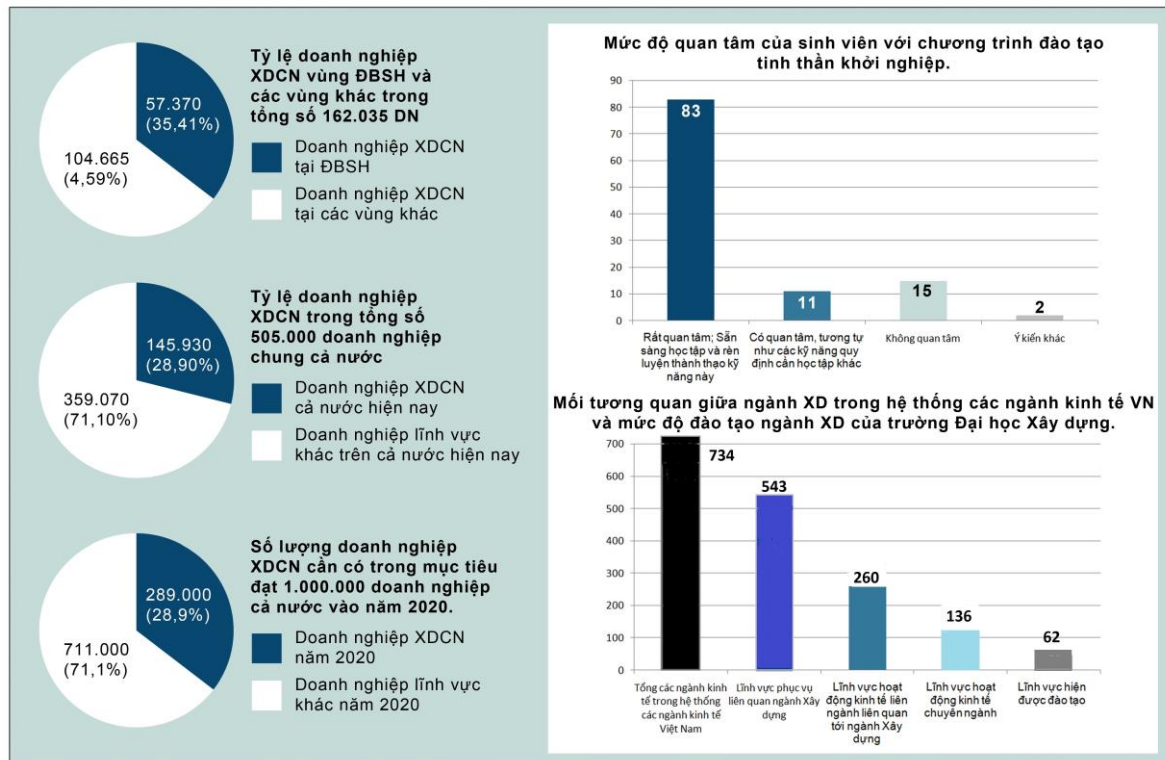
- Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết liên quan đến hoạt động khởi sự doanh nghiệp, vừa đảm bảo phù hợp với xu thế chung về đào tạo khởi nghiệp thế giới vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn của loại ngành nghề đào tạo, điều kiện nguồn lực của cơ sở đào tạo...

- Tổ chức dạy và học gắn với đặc điểm của các đối tượng tham gia trong Chương trình, trước hết là người học (sinh viên, cựu sinh viên) và người đào tạo;

- Hệ sinh thái khởi nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp;

- Phù hợp với các quy định chung và có khả năng phối hợp, liên thông được với Chương trình đào tạo khởi nghiệp của các cơ sở đào tạo khác...

Hình 2.1: NHU CẦU VỀ KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP; MỨC ĐỘ QUAN TÂM CỦA SINH VIÊN VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP VÀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA NGÀNH XÂY DỰNG VỚI CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM



2.2 CƠ SỞ KHOA HỌC CHO VIỆC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

2.2.1 Các cơ sở pháp lý có liên quan

Tại phiên họp thường kỳ đầu tiên khi Chính phủ mới kiện toàn ngày 4/5/2016, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tuyên bố: Năm 2016 là năm Quốc gia khởi nghiệp. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách có liên quan đến khởi nghiệp:

- Ngày 16/5/2016, Chính phủ ban hành Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó nêu mục tiêu đến năm 2020 sẽ thành lập được 1 triệu doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

- Ngày 18/5/2016, Chính phủ ban hành Quyết định 844/QĐ-TTg phê duyệt Đề án: “Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025” với mục tiêu đến năm 2020 hoàn thành Hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST; Thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp ĐMST quốc gia; Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST tại các Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp; Nâng cao năng lực và dịch vụ và phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ khởi nghiệp ĐMST...
- Ngày 18/10/2016, tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg, Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học (bậc trình độ 6) ngoài kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp, phải có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác...
- Ngày 06/02/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết 19-2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, xác định rõ 4 nhóm chỉ tiêu cần phải thực hiện: i) Môi trường kinh doanh; ii) Năng lực cạnh tranh; iii) Đổi mới sáng tạo và iv) Chính phủ điện tử. Trong đó có rất nhiều tiêu chí liên quan trực tiếp đến Khởi nghiệp thể chế, Khởi nghiệp doanh nghiệp và Khởi nghiệp cộng đồng xã hội.
- Ngày 18/05/2017, tại Quyết định số 667/QĐ-TTg, Chính phủ phê duyệt Đề án “Tri thức Việt số hóa”. Đây là một trong những hệ sinh thái quan trọng cho hoạt động khởi nghiệp.
- Ngày 03/10/2017, tại Nghị quyết số 98/NQ-CP, Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chương trình có nhiều nội dung, trong đó có Khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo và yêu cầu: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ***đưa nội dung khởi nghiệp sáng tạo vào giảng dạy, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo tại các trường đại học*** và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp các bộ ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển đô thị khởi nghiệp sáng tạo. Trong đó, có giải pháp phát triển các cụm nhà cho thuê làm văn phòng dùng chung; hình thành hệ thống các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quy mô nhỏ, chi phí thấp, dễ tiếp cận, kết nối với các trường đại học, cụm công nghiệp, KCN và khu đô thị mới, tạo ra các vành đai kinh tế mới...
- Ngày 11/03/2018, tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Quốc hội thông qua ngày 12/6/2017). Trong đó, doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ từ nhà nước như: Hỗ trợ tiếp cận tín dụng; Hỗ trợ thuế, kế toán; Hỗ trợ công nghệ; Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc

chung; Hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý; Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Các cơ sở pháp lý nêu trên cho thấy: Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, Chính phủ đã nỗ lực kiến tạo các môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp.

Đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự chuyển biến nhân thức trong xã hội về khởi nghiệp, cũng là yêu cầu và cơ hội phát triển cho các cơ sở đào tạo đại học và KHCN.

2.2.2 Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

1) Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Kế hoạch Đầu tư:

Năm 2012, Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch Đầu tư ban hành Tài liệu cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ giáo trình, tài liệu bao gồm 6 chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp và 23 chuyên đề đào tạo quản trị doanh nghiệp. Nội dung của 29 chuyên đề được tổng hợp trong bảng sau:

BẢNG 2.1 DANH MỤC CÁC CHUYÊN ĐỀ THUỘC TÀI LIỆU DÀNH CHO ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

TT	Chuyên đề	Ghi chú
I	Các chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp	
1	Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh	X
2	Lập kế hoạch kinh doanh	X
3	Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp	X
4	Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp	X
5	Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập DN	X
6	Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp	X
II	Các chuyên đề đào tạo về quản trị doanh nghiệp	
7	Những vấn đề cơ bản về quản trị doanh nghiệp	
8	Quản trị chiến lược	
9	Quản trị nhân sự	
10	Quản trị marketing	
11	Quản trị dự án đầu tư	
12	Quản trị tài chính	
13	Quản trị sản xuất	
14	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	
15	Quản lý chất lượng	
16	Quản trị hậu cần kinh doanh	
17	Thương hiệu và sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ	
18	Những vấn đề cơ bản về hoạt động tham gia hội chợ, triển lãm thương mại của các doanh nghiệp	

TT	Chuyên đề	Ghi chú
19	Đàm phán và ký kết hợp đồng	
20	Ứng dụng công nghệ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ, vừa	
21	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	
22	Kỹ năng bán hàng	
23	Kỹ năng làm việc nhóm	
24	Kỹ năng quản trị của chủ doanh nghiệp	
25	Văn hóa doanh nghiệp	
26	Tâm lý học lãnh đạo, quản lý	
27	Một số vấn đề kinh doanh trên thị trường quốc tế	
28	Lập dự án, phương án kinh doanh	
29	Các chuyên đề về hội nhập kinh tế	

Trong đó, 6 chuyên đề đầu tiên có liên quan đến đề tài. Nội dung của 6 chuyên đề này được trình bày trong phần phụ lục.

2) Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa – năm 2014:

Ngày 13/8/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đã ra thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó có Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chương trình có nội dung gồm 3 nhóm chuyên đề:

- i) Các chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp
- ii) Các chuyên đề đào tạo về quản trị doanh nghiệp
- iii) Các chuyên đề về đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu

Trong đó chuyên đề nhóm i và ii về cơ bản sử dụng nội dung của Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

3) Về việc tiếp nhận nội dung của Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có các chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp:

Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nêu trên vừa có tính pháp lý, đảm bảo sự thống nhất chung về đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp trong toàn quốc gia.

Tuy nhiên, tại các Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp trong Chương trình khung nêu trên có các vấn đề:

- Chương trình đào tạo chủ yếu quan tâm đến đối tượng đào tạo (cá nhân muốn khởi nghiệp; hộ gia đình chuyển đổi thành doanh nghiệp; doanh nghiệp nhỏ và vừa), mà chưa quan tâm đến: i) Tổ chức đào tạo (trường, giảng viên); ii) Hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp: Hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh; iii) Các nhận thức về cuộc CMCN 4.0 chưa đủ rõ (do thời điểm biên soạn tài liệu)....
- Chương trình đào tạo chủ yếu cung cấp các kiến thức chung, trong quá trình đào tạo cần bổ

sung các nội dung cụ thể gắn với ngành của người học và ngành của tổ chức đào tạo.

Đề tài, một mặt kế thừa các nội dung của Chương trình khung trên, một mặt bổ sung các nội dung mới, đặc biệt là các nội dung gắn với ngành xây dựng, CMCN 4.0.

2.2.3 Doanh nghiệp và doanh nhân

1) Khái niệm chung về doanh nghiệp và doanh nhân

a) Khái niệm chung về doanh nghiệp:

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế thực hiện các hoạt động kinh doanh; là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi. Doanh nghiệp cũng có thể là một tổ chức phi lợi nhuận hoạt động từ thiện.

Một doanh nghiệp được hình thành sau khi phát triển một kế hoạch kinh doanh từ một ý tưởng kinh doanh. Doanh nghiệp được đăng ký kinh doanh với tên, giấy phép kinh doanh, mã số thuế, nghĩa vụ pháp lý... Doanh nghiệp gắn liền với doanh nhân, những người chịu trách nhiệm về doanh nghiệp; loại hình hay cấu trúc kinh doanh và quy mô doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh theo các ngành khác nhau, ví dụ: Xây dựng nhà các loại (mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam là 410); Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng (mã ngành 2395); Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (mã ngành 38210); Kinh doanh bất động sản (mã ngành 6810); Hoạt động kiến trúc (mã ngành 71101)...

b) Doanh nhân và doanh nhân Việt Nam:

Doanh nhân là người sáng lập, chủ sở hữu, quản lý, hoặc cổ đông lớn của một doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ. Doanh nhân được coi là những người có kỹ năng đặc biệt về kinh doanh, có khả năng học hỏi và có kiến thức phong phú để ứng dụng trong kinh doanh; là một nhà sáng tạo và vận dụng những ý tưởng công nghệ mới, để sản xuất sản phẩm mới, dịch vụ mới đáp ứng cho nhu cầu hiện tại và tương lai của thị trường.

Doanh nhân đóng một vai trò quan trọng trong bất kỳ nền kinh tế nào. Các doanh nhân tập hợp trong một tầng lớp xã hội gọi là tầng lớp doanh nhân.

Tại Việt Nam, doanh nhân dần có vị thế hơn trong xã hội; chiếm lĩnh thị trường nội địa và bắt đầu có những đầu tư ra nước ngoài.

c) Tác động của cuộc CMCN 4.0 đến doanh nghiệp, doanh nhân:

Cuộc CMCN 4.0 tác động to lớn đến sự cạnh tranh của các doanh nghiệp, dựa trên nhận thức:

- Sự xuất hiện nhanh chóng của công nghệ mới sẽ làm các chuỗi sản xuất hàng hóa hiện tại dù đang thành công cũng sớm trở thành lạc hậu;
- Năng lực ĐMST chứ không phải nguồn vốn sẽ trở thành nhân tố cốt lõi của việc kinh doanh cũng

như hình thành tầng lớp doanh nhân;

- Phải tiếp cận các kỹ thuật số để đổi mới cách thức nghiên cứu, sản xuất (kết nối máy móc và thiết bị; tiết kiệm năng lượng, linh hoạt), tiếp thị, bán hàng và phân phối... cùng với việc tăng cường kết nối thị trường và mở ra thị trường mới;

- Sản xuất, phân phối phải dựa trên sự mong muốn của khách hàng để sáng tạo sản phẩm mới và rộng hơn là tạo lập khách hàng mới gắn với thế giới trải nghiệm của người tiêu dùng ngày càng phong phú hơn và thông minh hơn...;

- Hình thành xu hướng kết hợp cả nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng. Xuất hiện khái niệm về “Kinh tế chia sẻ” để huy động tài chính, công cụ lao động, dữ liệu của xã hội tham gia vào chuỗi sản xuất và phân phối hàng hóa...; giao tiếp nhiều hơn và hợp tác tốt hơn;

- Xu hướng phải thường xuyên tái cấu trúc tổ chức doanh nghiệp và hình thành các công ty đa quốc gia; Hoạt động kinh doanh và lao động ngày càng tự do hơn.

Một báo cáo gần đây của Hoa Kỳ ước tính rằng Internet làm giảm chi phí thương mại trung bình khoảng 26%. Doanh nghiệp nhỏ và vừa mà sử dụng Internet để giao dịch toàn cầu có tỷ lệ tồn tại khoảng 54%, các doanh nghiệp không sử dụng Internet chỉ khoảng 30%. Hơn nữa, nhờ có Internet, các doanh nghiệp vừa và nhỏ mới có khả năng hội nhập (xuất khẩu hàng hóa) như các doanh nghiệp lớn. Điều này rất quan trọng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Việc đào tạo khởi sự doanh nghiệp cần phù hợp với xu thế này để tận dụng cơ hội của cuộc CMCN 4.0 mang lại.

2) Doanh nghiệp Việt Nam

a) Loại hình doanh nghiệp:

Việt Nam hiện có đủ các mô hình doanh nghiệp tương tự như các nước trên thế giới: Công ty trách nhiệm hữu hạn (Công ty TNHH 1 thành viên và Công ty TNHH 2 thành viên trở lên); Doanh nghiệp nhà nước; Công ty cổ phần; Công ty hợp doanh; Doanh nghiệp tư nhân; Nhóm công ty (Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Công ty mẹ - Công ty con); Hợp tác xã và Liên hợp hợp tác xã; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI, song điều quan trọng là phải xây dựng được các doanh nghiệp phù hợp với tiêu chí, xu thế phát triển chung về doanh nghiệp của thế giới:

i) Xây dựng thương hiệu trong xu hướng toàn cầu hóa thương hiệu.

ii) Đổi mới không ngừng về sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm để có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; Tạo lập và tiêu dùng sản phẩm gắn với bảo vệ môi trường.

iii) Tính minh bạch trong quản trị: Quá trình sản xuất bao gồm quá trình tạo ra sản phẩm và quá trình phân phối thu nhập giữa những thành phần tham gia trong chuỗi sản xuất. Việc minh bạch hóa quá trình sản xuất, đặc biệt là quá trình phân phối thu nhập của những thành phần tham gia có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện của Việt Nam phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, phải liên

kết để sản xuất.

iv) Phối hợp và liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và các tổ chức KHCN nhằm thường xuyên đổi mới công nghệ và tạo sản phẩm mới; thương mại hóa sản phẩm trong và ngoài nước...

v) Gắn kết và hỗ trợ cộng đồng xã hội có liên quan đến doanh nghiệp (ví dụ như Phát triển nhà ở xã hội cho người lao động không chỉ là trách nhiệm chung của toàn xã hội, mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp sử dụng lao động...).

vi) Tạo lập và phát triển văn hóa doanh nghiệp, đưa văn hóa trở thành giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.

vii) Hình thành và phát triển mô hình cộng đồng kinh tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ gia đình; khởi lập theo nguyên tắc: Cộng đồng trước, công nghệ sau; là cộng đồng có quyền lợi chung về hoạt động kinh tế gắn với mô hình sản xuất và dịch vụ theo thương hiệu và chuỗi sản xuất hàng hóa, đi từ mức độ thấp là đảm bảo sinh kế đến mức độ cao là phát triển để cạnh tranh, hòa nhập với thị trường rộng lớn trong và ngoài nước.

viii) Hình thành cộng đồng mạng xã hội trong lĩnh vực có liên quan đến phát triển công nghiệp và dịch vụ.

b) Số lượng doanh nghiệp và quy mô doanh nghiệp:

- Trong cả nước, tính đến 01/01/2017, có 518 nghìn doanh nghiệp; Lao động bình quân một doanh nghiệp 27 người.

- Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng có 151 nghìn doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 29%. Các ngành có tốc độ tăng khá gồm: Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 73%; Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 40,5%; Xây dựng tăng 43%. Số lao động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng là 9,1 triệu người, chiếm 64,7% tổng số lao động của khu vực doanh nghiệp, bình quân giai đoạn 2012 - 2017 mỗi năm khu vực này thu hút thêm 404 nghìn lao động.

- Theo thống kê sơ bộ, số lượng doanh nghiệp ngành kiến trúc, xây dựng hiện nay chiếm khoảng 10 - 15% số lượng doanh nghiệp công nghiệp và xây dựng.

c) Những vấn đề có liên quan đến doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa:

Khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp thường bắt đầu với doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

- Quy định về doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa:

Theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP, được Chính phủ ban hành ngày 30/6/2009, về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa phù hợp với quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp, là tiêu chí ưu tiên) hoặc số lao động bình quân năm, cụ thể như sau:

Bảng 2.2: QUY MÔ DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, NHỎ VÀ VỪA

Quy mô Khu vực	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 200 người	Từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	Từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	Từ trên 10 người đến 50 người	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Từ trên 50 người đến 100 người

Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: i) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng; ii) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

- Vai trò của doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa:

Trên thế giới, các doanh nghiệp loại này thường chiếm tỷ lệ lớn và có vai trò ổn định nền kinh tế; làm cho nền kinh tế năng động; để điều chỉnh hoạt động phù hợp với các biến động của thị trường. Tại Việt Nam, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa chiếm trên 97% số doanh nghiệp của cả nước, sử dụng 51% tổng số lao động xã hội, đóng góp 40% vào GDP, 30% vào tổng thu ngân sách nhà nước và trở thành trụ cột của kinh tế địa phương. Trong bối cảnh doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) chiếm ưu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa trở thành doanh nghiệp phụ trợ.

Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa của Việt Nam ngoài việc gặp khó khăn về thương hiệu, vốn, còn gặp nhiều trở ngại trong việc tìm kiếm và tiếp cận công nghệ mới, nhằm thay thế các công nghệ lạc hậu sản xuất ra các sản phẩm chỉ cạnh tranh được nhờ giá rẻ do chi phí lương cho người lao động thấp.

Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chỉ có khoảng 21% doanh nghiệp liên kết được với chuỗi cung ứng toàn cầu, trong khi ở Thái Lan là 30%, Malaysia 46%. Việt Nam lại chưa có đến 0,1% doanh nghiệp KHCN trong tổng số doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp vừa và nhỏ là dịch vụ, chỉ khoảng 20% là hoạt động sản xuất. 42% doanh nghiệp nhỏ và vừa có doanh thu hàng năm dưới 1 tỷ đồng và 85% doanh nghiệp hoạt động chính thức có doanh thu dưới 2 tỷ đồng.

Vì vậy, đào tạo khởi nghiệp không chỉ là đào tạo khởi sự doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa cho sinh viên mà còn phải đào tạo tái khởi nghiệp cho thế hệ doanh nhân mới gắn với ĐMST; Các tổ chức KHCN trong các trường đại học phải trở thành doanh nghiệp KHCN chuyên nghiệp.

2.2.4 Niềm tin khởi nghiệp và Kỹ năng mềm về khởi nghiệp

1) Niềm tin về khởi nghiệp:

Khởi nghiệp để chọn nghề, lập nghiệp là một sự kiện quan trọng của đời người. Khả năng thành công và thất bại mong manh, vì vậy những người khởi nghiệp cần có niềm tin. Niềm tin không chỉ đến từ kiến thức mà còn đến từ những người thành công (và trải qua thất bại) của khởi nghiệp.

Những người, cộng đồng khởi nghiệp thành công sẽ củng cố niềm tin để tiếp tục phát triển trong giai đoạn tiếp theo và là nguồn cảm hứng cho thế hệ khởi nghiệp khác.

Vì vậy, khác với cách đào tạo nguyên lý kỹ thuật thông thường, việc mời các chuyên gia giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến, hay các bài viết về các tấm gương của những người khởi nghiệp thành công có ý nghĩa đặc biệt trong đào tạo khởi nghiệp.

Hình 2.2: NIỀM TIN VỀ KHỞI NGHIỆP ĐẾN TỪ TẤM GƯƠNG CỦA NHỮNG NGƯỜI KHỞI NGHIỆP THÀNH CÔNG



3 KTS người Tây Ban Nha: Rafael Aranda (12/5/1961), Carme Pigem (nữ KTS, 18/4/1962) và Ramon Vilalta (25/4/1960), được trao Giải thưởng kiến trúc Pritzker năm 2017 (tương tự như giải Nobel)

Việc mời chuyên gia giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến hay các bài viết về các tấm gương của những người, tổ chức khởi nghiệp thành công đặc biệt quan trọng trong đào tạo khởi nghiệp.



Balkrishna Doshi (KTS người Ấn Độ - 26/8/1927), Giải thưởng Pritzker năm 2018.

2) Kỹ năng mềm về khởi nghiệp

a) Khái niệm về kỹ năng mềm:

Theo Wikipedia, Kỹ năng mềm (Soft Skills) hay còn gọi là Kỹ năng thực hành xã hội, là thuật ngữ liên quan đến trí tuệ xúc cảm dùng để chỉ các kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người như: kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, thu giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo và đổi mới...

Kỹ năng mềm khác với kỹ năng cứng hay kỹ năng kỹ thuật để chỉ trình độ chuyên môn, kiến thức

chuyên môn hay bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn. Một nghiên cứu được tiến hành bởi Đại học Harvard cho rằng 80% thành tích trong sự nghiệp được xác định bởi kỹ năng mềm, chỉ 20% là bằng kỹ năng cứng. Còn kết quả của Viện Nghiên cứu Stanford và Quỹ Carnegie Mellon khi nghiên cứu 500 CEO thành công, có tới 75% thành công do kỹ năng mềm và chỉ có 25% từ kỹ năng kỹ thuật. Do vậy kỹ năng mềm cũng quan trọng như nhận thức và kỹ năng kỹ thuật.

b) Kỹ năng mềm cho người lao động:

Người sử dụng lao động thường tìm kiếm sự cân bằng giữa các kỹ năng cứng và mềm khi họ quyết định tuyển dụng. Nhà tuyển dụng thường đánh giá cao các kỹ năng mềm mà người lao động rèn luyện được: i) Kỹ năng giao tiếp; ii) Sự hiểu biết sâu sắc về các sản phẩm và dịch vụ của công ty tuyển dụng; iii) Bảng lý lịch ghi các kết quả thực hiện công việc đúng thời hạn; iv) Khả năng giao tiếp với khách hàng; v) Hợp tác với các đồng nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ...

Ngoài ra, trong cuộc CMCN 4.0, người lao động còn phải có các kỹ năng mềm liên quan đến công dân toàn cầu, công dân số.

c) Kỹ năng mềm cho các nhà lãnh đạo:

Các doanh nhân lãnh đạo doanh nghiệp có hiệu quả khi họ làm chủ kỹ năng mềm. Theo Đại học Eastern Kentucky (Eastern Kentucky University), Hoa Kỳ, kỹ năng mềm cho lãnh đạo điều hành doanh nghiệp gồm 10 nội dung: i) Giao dịch: khả năng nói, viết, trình bày, nghe, đàm phán; ii) Lịch sự: cách cư xử, nghi thức, nghi thức kinh doanh; iii) Tính linh hoạt: khả năng thích ứng, sẵn sàng thay đổi, học tập suốt đời; iv) Tính chính trực: trung thực, đạo đức; v) Kỹ năng giao tiếp: tốt đẹp, thân thiện, hài hước, đồng cảm, khả năng tự kiểm soát, kiên nhẫn, kỹ năng xã hội; vi) Thái độ tích cực: lạc quan, nhiệt tình, tự tin có khả năng khích lệ người khác; vii) Tính chuyên nghiệp: trong kinh doanh và cả trong cách thức ăn mặc, giao tiếp; viii) Trách nhiệm: đáng tin cậy, hoàn thành công việc, tháo vát, tự phê bình, tận tâm; ix) Làm việc theo nhóm: hợp tác, hòa hợp với những người khác, dễ chịu, biết lắng nghe; x) Đạo đức công việc: chăm chỉ, sẵn sàng chia sẻ, gắn bó, chủ động, đúng giờ...(21).

d) Kỹ năng mềm cho những người khởi sự doanh nghiệp: Những người khởi sự doanh nghiệp ngoài việc học, rèn luyện để có hai kỹ năng mềm kể trên, cần làm chủ các kỹ năng mềm liên quan đến khởi sự doanh nghiệp sau:

- Kỹ năng liên quan đến việc kinh doanh:

+ Lối suy nghĩ như một doanh nhân, liên quan đến việc: Luôn biết tìm kiếm và tận dụng cơ hội để kinh doanh; Học cách tạo lập sản phẩm và bán hàng; Lựa chọn đối tác; Học cách phân biệt giữa các cơ hội và ý tưởng trong quá trình khởi nghiệp;

+ Tính kiên trì (kiên định);

+ Tính trách nhiệm, gắn bó với công việc;

- + Đòi hỏi cao về chất lượng và hiệu quả; Kết bạn với các con số hay dòng hàng hóa, dòng tiền; Quản lý thời gian; Tiếp nhận các phương pháp và công nghệ sản xuất mới;
- + Chấp nhận mạo hiểm, thất bại để tái khởi nghiệp thành công;
- + Học cách giảm thiểu rủi ro. Để giảm thiểu rủi ro có nhiều cách ví dụ: Tìm kiếm thị trường hay đối tượng thích hợp tiêu dùng sản phẩm. Một thị trường ngách có thể tránh được các đối thủ lớn; Khai thác tối đa mặt mạnh của doanh nghiệp vừa và nhỏ, do khả năng linh hoạt, phản ứng nhanh nhạy với thị trường và khả năng cung cấp các dịch vụ mang tính cá nhân; Khác biệt hóa các sản phẩm cung ứng, dù nhỏ nhất; Tìm kiếm, lắng nghe và tạo được ấn tượng tốt với khách hàng, thậm chí có doanh nghiệp còn dùng khái niệm sáng tạo khách hàng; Gây dựng và tạo lập thương hiệu gắn với hình ảnh của sản phẩm và con người của doanh nghiệp; Luôn đổi mới để có sản phẩm và dịch vụ tốt hơn; Sẵn sàng cập nhật các tiến bộ của KHCN nhằm đổi mới sản phẩm; Có kế hoạch kinh doanh cụ thể;
- + Đạo đức, công bằng và trách nhiệm xã hội: Đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội; Hành xử chuyên nghiệp; Chủ động cho tương lai; Cập nhật trong lĩnh vực KHCN và kỹ thuật; Tin tưởng đồng nghiệp; Tạo lập niềm tin;
- + Khả năng làm việc theo nhóm trong tổ chức kinh doanh...

- Kỹ năng liên quan đến việc tổ chức thực hiện:

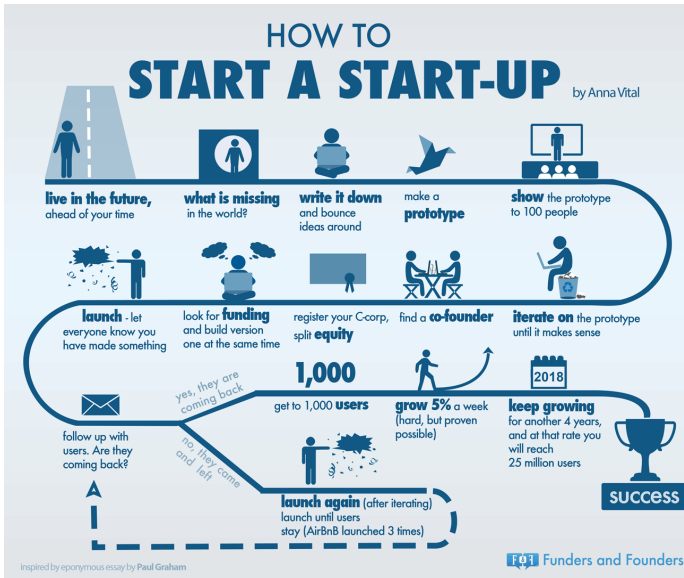
- + Kỹ năng biết đặt ra mục tiêu, hình thành nhận thức, lý luận và mô hình giải pháp hay tư duy hệ thống để giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh trong hoạt động khởi nghiệp;
- + Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý giám sát một cách hiệu quả; Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi khi khởi nghiệp;
- + Kỹ năng tìm kiếm thông tin.

- Kỹ năng liên quan đến quản lý:

- + Biết thuyết phục và tạo lập mối quan hệ; Kỹ năng định hướng dẫn dắt vấn đề và đề xuất các giải pháp, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá, cải thiện hiệu quả các hoạt động khởi nghiệp chung và cho các thành viên trong nhóm.
- + Tạo lập niềm tin cho mỗi cá nhân, tổ chức, cộng đồng; thúc đẩy tinh thần hợp tác giữa người lao động.

Việc Đào tạo khởi nghiệp phải gắn liền với việc tạo lập niềm tin khởi nghiệp và đặc biệt coi trọng việc truyền đạt kỹ năng mềm như truyền đạt kiến thức và kỹ năng kỹ thuật. Ngoài trường đại học, cộng đồng mạng xã hội là một trong những nơi cung cấp các kỹ năng mềm cho đào tạo khởi nghiệp.

Hình 2.3: CỘNG ĐỒNG MẠNG XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG NƠI CUNG CẤP CÁC KỸ NĂNG MỀM CHO ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP



2.2.5 Chọn nghề và lập nghiệp

1) Khái niệm nghề và nghiệp

a) Nghề (Profession):

Nghề là một việc làm có tính ổn định, đem lại thu nhập để duy trì và phát triển cuộc sống cho mỗi người, là phương tiện để mỗi người thể hiện và khẳng định vị thế của bản thân; là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó nhờ được đào tạo, con người có các tri thức, kỹ năng để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Nghề bao gồm nhiều chuyên môn, theo từng lĩnh vực lao động sản xuất.

b) Nghiệp (Career):

Nghiệp là sự cống hiến hết mình cho nghề. Nghề nào nghiệp nấy. Chuyên môn nào thì nghề đó, nhưng có nghề chưa hẳn đã có nghiệp, có nghề mà không có nghiệp thì nghề cũng không tồn tại. Đào tạo khởi nghiệp cũng là đào tạo về chọn nghề và lập nghiệp.

2) Nghề và nghiệp trên thế giới:

Trong xã hội, nghề nghiệp không có định, cứng nhắc. Mỗi một cuộc CMCN đều sinh ra các nghề mới, nghiệp mới.

Có nhiều tổ chức của nhiều quốc gia tham gia nhận định, đánh giá về nghề mới, nghiệp mới gắn với cuộc CMCN 4.0. Kết quả hết sức khác nhau trong mỗi quốc gia và trong mỗi tổ chức đánh giá, song có một số điểm chung là: Nhiều nghề nghiệp cũ sẽ mất đi và xuất hiện các nghề nghiệp mới. Những nghề nghiệp mới mà mọi người quan tâm là: i) Những nghề nghiệp ổn định, hấp dẫn về mức lương và cơ hội kinh doanh; ii) Những nghề mà không sợ bị robot lấy mất trong tương lai; iii) Những nghề mang tính liên ngành; iv) Những nghề liên quan đến dịch vụ sức khỏe, giải trí; v) Những nghề liên quan đến hướng nghiệp, đào tạo, tái đào tạo gắn với công nghệ thông tin và cộng đồng...

Trên thế giới hiện nay có khoảng 2000 nghề với hàng chục nghìn chuyên môn. Nhiều nghề chỉ thấy có ở nước này nhưng lại không thấy ở nước khác. Hơn nữa, các nghề trong xã hội luôn ở trong trạng thái biến động do sự phát triển của KHCN. Nhiều nghề cũ mất đi hoặc thay đổi về nội dung. Nhiều nghề mới xuất hiện rồi phát triển theo hướng đa dạng hóa.

Trong cơ chế thị trường, nhất là trong nền kinh tế tri thức, để tự do kinh doanh, tự do lao động, con người phải chủ động lựa chọn ngành nghề học, tích tụ kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm để chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm.

3) Nghề và nghiệp tại Việt Nam:

a) Nghề và nghiệp trong hệ thống ngành kinh tế:

Tại Việt Nam, theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Chính phủ ban hành, Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam gồm 5 cấp với 734 ngành (xem phụ lục 7).

b) Lựa chọn ngành nghề trong xã hội:

Hiện tại, trên mạng xã hội đăng nhiều thông tin về hoạt động khởi nghiệp, trong đó có nội dung về lựa chọn ngành nghề. Cách đánh giá hết sức khác nhau theo từng ngành, nghề.

Dưới đây thống kê 10 ngành nghề được 10 trang WEB cho là được hướng tới nhiều nhất tại Việt Nam, là những ngành dễ kiếm việc làm, có thu nhập hấp dẫn. 100 tên ngành nghề liệt kê thuộc 27 nhóm ngành. Ngành Công nghệ thông tin (CNTT) được nêu đến 15 lần, trong đó có đến 3 lần đứng thứ 1.

Ngành Xây dựng được 5 lần nhắc tới, ngành Kiến trúc được 2 lần và ngành Môi trường được 2 lần. Song nhiều ngành được hướng tới hoàn toàn có thể là các ngành mang tính liên ngành liên quan đến lĩnh vực xây dựng, ví dụ: Công nghệ thông tin trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc; Kinh doanh bất động sản; Thị trường hóa các sản phẩm xây dựng, kiến trúc; Quản lý tài chính, kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; Dịch vụ kỹ thuật trong ngành xây dựng; Xuất nhập khẩu trang thiết bị xây dựng...

Bảng 2.3: 10 NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC XÃ HỘI QUAN TÂM NHẤT HIỆN NAY

Trang WEB khảo sát	10 ngành nghề được hưởng tới nhiều nhất hiện nay, theo vị trí									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Toplist.vn	CNTT	Ngôn ngữ	Quản trị kinh doanh	Marketing	Xây dựng	Công nghệ thực phẩm	Nhà hàng, khách sạn, du lịch	Kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử	Tâm lý xã hội	Giáo dục
vieclam24h.vn edu2review.com	CNTT	Y tế	Kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử	Xuất nhập khẩu	Marketing	Nhà hàng, khách sạn, du lịch	Chăm sóc sắc đẹp	Xây dựng	Kiến trúc	Công nghệ thực phẩm
laodong.vn	Kỹ thuật Y sinh	Vật lý trị liệu	Kỹ thuật công trình XD	Ngôn ngữ	Trợ lý bác sĩ	Kỹ thuật môi trường	Phát triển ứng dụng web	Dầu khí	CNTT	Marketing
caodangyduoc hcm.com	Bán hàng/ Kinh doanh	Marketing	CNTT	Hành chính	Cơ khí/ Tự động hóa/ Ô tô	Y tế	Sản xuất/ Vận hành sản xuất	Kỹ thuật cơ khí, điện	Bán hàng, kinh doanh	Phần cứng máy tính
hotcourses.vn	Sinh học	Kinh doanh & QTKD	Hóa & Sinh hóa	Khoa học máy tính và CNTT	Kinh tế	Kỹ sư	Khoa học sức khỏe	Ngôn ngữ	Tâm lý xã hội	CNTT Phần cứng/ Mạng
thethaovanhoa .vn	CNTT	Kỹ thuật môi trường	Vật lý trị liệu	Stylish/Tạo dựng hình ảnh	Xuất nhập khẩu	Ngôn ngữ	Ngành hàng không	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	Marketing	Chăm sóc sắc đẹp
edu2review.com	Quản lý tài chính	Dịch vụ kỹ thuật	Y tá	Đại diện bán hàng	Phát triển phần mềm	Marketing	Tư vấn tài chính cá nhân	Quản lý máy tính, hệ thống thông tin	Phân tích hệ thống máy tính	Quản trị kinh doanh
edu2review.com	Kinh doanh Bất động sản	Kinh doanh & Marketing	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	CNTT	Xây dựng	Tâm lý xã hội	Ngôn ngữ (Anh)	Kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử	Kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử	Kỹ thuật ô tô
careerbuilder.vn	Quản trị kinh doanh	Tâm lý xã hội	Giáo dục TH	Sinh học	Y tá	Giáo dục	Ngôn ngữ (Anh)	Truyền thông	Khoa học máy tính và CNTT	Khoa học chính trị
vtmonline.vn	Dịch vụ kỹ thuật	Điều dưỡng	Kiến Trúc	Xây dựng	Quản trị tài chính	Y tế/ Y tế kỹ thuật cao	Quản trị kinh doanh- Tài chính,	Du lịch, nhà hàng, khách sạn	CNTT	Công nghệ -kỹ thuật

c) Nghề và nghiệp mới trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam:

- Quan điểm về nghề mới, nghiệp mới trong lĩnh vực xây dựng:

+ Các nghề mới, nghiệp mới có thể hiểu là: i) Các nghề hoàn toàn mới; ii) Nghề cũ nhưng bổ sung nội dung chuyên môn mới; iii) Các nghề cũ nhưng phối hợp với nhau tạo thành nghề mới;

+ Việt Nam cùng lúc tham gia vào các cuộc CMCN và vừa đáp ứng các điều kiện riêng về truyền thống lịch sử văn hóa, địa kinh tế và địa chính trị; Các nghề, nghiệp cũng phải phù hợp với đặc điểm này;

+ Những nghề có liên quan trực tiếp đến các việc tư vấn, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các không gian gắn với 3 Dòng chảy kinh tế;

+ Những nghề thuộc nhóm được đặc biệt ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Dự báo về những nghề chuyên môn mới trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc:

+ Các nghề chuyên môn liên quan đến công nghệ thông tin: Khai thác và cung cấp thông tin; Chuyên gia dịch vụ quản trị và an ninh mạng; Thiết kế và sản xuất phần mềm; Dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu; Kinh doanh trực tuyến; Trí tuệ nhân tạo;

+ Các nghề liên quan đến công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ ngoài công nghệ thông tin: Ứng dụng công nghệ cao; Sản xuất sản phẩm công nghệ cao; Ươm tạo và đầu tư mạo hiểm công nghệ cao; Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ tiêu hủy chất thải; Sản xuất vật liệu composit, vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm;

+ Các nghề liên quan đến sản xuất và dịch vụ nông nghiệp: Quản lý nông nghiệp và chế biến các sản phẩm nông nghiệp;

+ Các nghề liên quan đến kinh tế biển: Vận tải biển, khai thác tài nguyên biển, du lịch biển, môi trường biển, khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực biển.

+ Các nghề liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, HTKT và bảo vệ môi trường;

+ Các nghề liên quan đến thiết kế và đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

+ Các nghề liên quan đến Công nghiệp sáng tạo và Công nghiệp văn hóa với 12 nhóm ngành: Quảng cáo, Kiến trúc, Phần mềm và trò chơi giải trí, Thủ công mỹ nghệ, Thiết kế, Điện ảnh, Xuất bản, Thời trang, Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, Truyền hình và phát thanh, Du lịch văn hóa.

+ Các nghề liên quan đến xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành y tế, tâm lý học, chăm sóc sắc đẹp, sức khỏe cộng đồng, người cao tuổi, dịch vụ xã hội.

+ Các ngành liên quan đến phân tích thị trường, tư vấn tài chính, thương thảo, đàm phán, kế toán, kiểm toán gắn với lĩnh vực xây dựng.

+ Các ngành liên quan đến thiết kế và đầu tư xây dựng dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi, giải trí gắn với du lịch.

+ Các ngành liên quan đến giáo dục và đào tạo Kỹ năng mềm; Ngoại ngữ chuyên ngành; Tuyển dụng nhân sự gắn với lĩnh vực xây dựng.

+ Các ngành liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng, dòng hàng hóa (logistics), dòng tài chính

(quản lý tài chính) gắn với lĩnh vực xây dựng.

+ Các ngành liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực sử dụng các phương tiện và phương pháp thiết kế của công nghệ thông tin như: Công nghệ trình diễn 3D - BIM, in 3D... để thiết kế được cả các công trình kiến trúc dạng hữu cơ, sử dụng kết cấu mới, vật liệu xây dựng mới, tiết kiệm năng lượng... Các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng không chỉ là nhà tư vấn kỹ thuật mà còn trở thành nhà đầu tư kinh doanh bất động sản.

Trường đại học không thể duy trì mãi việc đào tạo nghề, nghiệp theo một chương trình với nội dung không thay đổi. Đào tạo khởi nghiệp phải gắn liền với việc giới thiệu nghề, cơ hội lập nghiệp để học viên có định hướng học tập kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo nghề và nghiệp mà họ chủ động lựa chọn. Trường đại học trong lĩnh vực xây dựng phải có chiến lược quảng bá các ngành nghề mà trường đào tạo cũng như định hướng phát triển đào tạo các ngành nghề mới mà quốc gia và xã hội đang cần.

2.2.6 Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

1) Khái niệm về đổi mới sáng tạo:

Chuẩn mực của thời đại là sự đổi mới. Sự đổi mới dần trở thành nhu cầu tự thân trong cuộc CMCN 4.0 và hội nhập.

Đổi mới sáng tạo (Innovative innovation - ĐMST) là một quá trình tạo ra nhận thức mới, ý tưởng mới, giải pháp công nghệ mới đáp ứng tốt nhất các yêu cầu phát triển mới; thông qua việc cung cấp các sản phẩm, quy trình, dịch vụ, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh hiệu quả hơn cho thị trường, xã hội.

Người ta còn cho rằng ĐMST có vòng đời gắn với công nghệ tạo lập nên nó.

Đối với doanh nghiệp, kỹ năng hay mức độ tinh thông công nghệ liên quan đến khả năng tiếp cận các công nghệ quản lý và kỹ thuật phù hợp; dòng tiền, cách thức bán hàng hay tiêu dùng sản phẩm. Không có công nghệ cao hay thấp mà chỉ có công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hay thấp. Cộng đồng (doanh nghiệp, tổ chức) 10 người thì có giải pháp công nghệ phù hợp với 10 người. Cộng đồng 100 người thì có giải pháp công nghệ phù hợp với 100 người. Cộng đồng 10 người này lựa chọn công nghệ trong mối tương quan với công nghệ của cộng đồng 10 người khác để đảm bảo khả năng cạnh tranh. Vì thế mới nói: Cộng đồng trước, Công nghệ sau. Mức độ sẵn sàng về công nghệ (để cho cộng đồng lựa chọn) là một trong tiêu chí (hay trụ cột) quan trọng của thế giới đánh giá Năng lực ĐMST để cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Nhiều quốc gia phát triển xây dựng Chỉ số sáng tạo để đánh giá mức độ đổi mới, ví dụ như Chỉ số Sáng tạo Bloomberg (Bloomberg Innovation Index) của Hoa Kỳ, đánh giá thứ hạng hàng năm về các quốc gia ĐMST dựa theo 6 tiêu chí: i) Nghiên cứu và phát triển; ii) Sản xuất; iii) Các công ty

công nghệ cao; iv) Giáo dục sau trung học; v) Nhân viên nghiên cứu và vi) Bằng sáng chế .

Trong nền kinh tế thị trường, sự thành công và thất bại của các doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến các hoạt động ĐMST.

Tại Việt Nam, trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xuất hiện khái niệm: ***Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo***. Đây là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

ĐMST diễn ra trong nhiều lĩnh vực, trọng tâm là trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu không sẽ không có cơ hội để tồn tại và hội nhập. Vì vậy, khởi sự doanh nghiệp phải gắn với ĐMST; Và chính hoạt động khởi nghiệp lại tạo ra động lực mới hay nhu cầu mới cho các trường đại học đổi mới đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2) Đổi mới sáng tạo có địa chỉ người dùng:

ĐMST có địa chỉ người dùng (user-oriented innovation) thường hay nói tới các tổ chức KHCN.

Các doanh nghiệp siêu nhỏ, vừa và nhỏ của Việt Nam không có thời gian và nguồn lực để nghiên cứu đổi mới công nghệ, họ chỉ có thể giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công nghệ họ đang sử dụng. Họ cần các nhà khoa học, và chính doanh nghiệp là địa chỉ tiếp nhận kết quả nghiên cứu của các tổ chức KHCN.

ĐMST có địa chỉ người dùng chỉ có thể thành hiện thực khi:

- Thiết lập được các mức độ công nghệ (sẵn sàng về công nghệ) để doanh nhân có thể khai thác, thương mại hóa các sáng chế,
- Tôn trọng bản quyền các sáng chế để các nhà khoa học cũng được hưởng quyền lợi từ việc thương mại hóa sáng chế;
- Doanh nhân và nhà khoa học đều phải tận dụng cuộc CMCN 4.0 để thiết lập các kết nối thuận tiện với nhau trong quá trình khai thác, thương mại hóa sáng chế. Một trong những nội dung Đào tạo khởi nghiệp là đào tạo kiến thức để thiết lập và khai thác mối liên kết này.

3) Sáng tạo sản phẩm mới trong lĩnh vực xây dựng, ví dụ ngành kiến trúc

a) Sản phẩm kiến trúc:

Để doanh nghiệp tồn tại, các doanh nhân liên tục tìm kiếm cách tốt hơn để thỏa mãn người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng, độ bền, dịch vụ và giá cả hợp lý trên cơ sở đổi mới công nghệ và quản lý.

Sản phẩm Kiến trúc, tương tự như sản phẩm các nhóm ngành Công nghiệp văn hóa khác, được tạo ra trong chuỗi sản xuất hàng hóa, gắn trước hết với nguyên liệu đầu vào cho tạo lập sản phẩm chủ yếu là ý tưởng sáng tạo, bản quyền tác giả, kỹ thuật số... Sản phẩm Kiến trúc còn có đặc điểm riêng với 6 tiêu chí nổi bật:

- i) Là một sản phẩm thể hiện tài năng sáng tạo của con người.
- ii) Thể hiện được sự giao lưu (hội nhập), trước hết là tầm nhìn, giải pháp kỹ thuật; bước phát triển trong kiến trúc hoặc công nghệ có liên quan, trong phạm vi của một vùng kinh tế, văn hóa của quốc gia và quốc tế.
- iii) Tiếp nối và phát huy được truyền thống văn hóa hay nền văn minh của khu vực, quốc gia.
- iv) Tạo thành một ví dụ tiêu biểu, điển hình về một kiểu kiến trúc xây dựng hoặc một quần thể kiến trúc cảnh quan, nguồn cảm hứng cho việc thiết kế các sản phẩm kiến trúc khác trong khu vực.
- v) Tạo thành ví dụ tiêu biểu, điển hình cho hoạt động cư trú, hoạt động kinh tế và môi trường trong khu vực, dần trở thành các yếu tố văn hóa trong giai đoạn tiếp sau.
- vi) Gắn bó trực tiếp hoặc cụ thể với các sự kiện văn hóa, tín ngưỡng, truyền thuyết nổi bật của khu vực.

Một ý tưởng Kiến trúc có khả năng đáp ứng được một trong những tiêu chí nêu trên đều có khả năng hình thành một sản phẩm sáng tạo mới, mở đầu cho một hoạt động Khởi nghiệp. Trong thế kỷ 21, các ý tưởng sáng tạo và sản phẩm Kiến trúc không chỉ luôn gắn với các tiến bộ về KHCN có liên quan, mà còn hình thành dựa trên nền tảng của công nghệ kỹ thuật số (cuộc CMCN 4.0).

b) Thị trường sản phẩm kiến trúc:

Việt Nam là quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa. Thị trường xây dựng trong cả nước, từng địa phương rất rộng, nhu cầu rất lớn về sản phẩm kiến trúc và doanh nghiệp kiến trúc, đặc biệt trong lĩnh vực:

- Quy hoạch xây dựng đô thị và các khu kinh tế đặc thù; Đáp ứng đồng thời các nhu cầu cư trú, hoạt động kinh tế, môi trường và văn hóa; đô thị thông minh...
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới gắn với thúc đẩy kinh tế và tạo lập môi trường cảnh quan mới...
- Nhà ở: Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở, tại thời điểm 1/4/2014, dân số Việt Nam đạt 90,5 triệu người (mỗi năm tăng lên gần 1 triệu người); Chỉ có 46,6% hộ gia đình sống trong nhà kiên cố, còn lại là nhà bán kiên cố, thiếu kiên cố và nhà đơn sơ; Hàng năm Việt Nam không chỉ phải tạo thêm khoảng 1 triệu việc làm, mà còn phải xây dựng mới 25 triệu m² nhà ở, trong đó có 10 triệu m² nhà ở xã hội.
- Thiết kế kiến trúc phục vụ cho hoạt động sản xuất và dịch vụ có nhiều lợi thế cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế: Lĩnh vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp; Kinh tế biển; Công nghiệp văn hóa; Công nghệ thông tin và giao thức số; Xây dựng; Công nghiệp môi trường, tiết kiệm năng lượng; Công nghiệp quốc phòng...

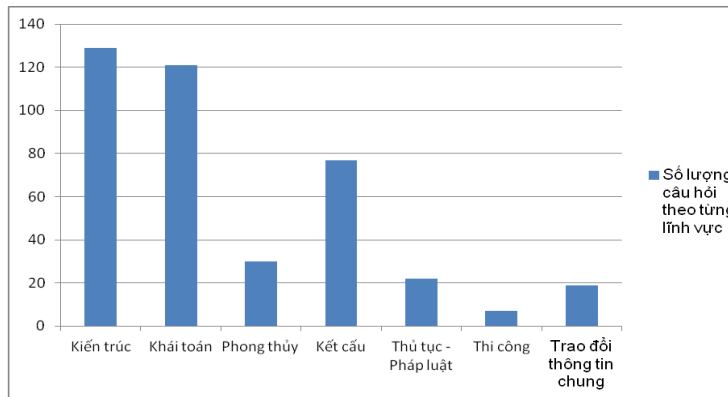
Sản phẩm của hoạt động tư vấn Kiến trúc không chỉ đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng quốc gia, tổ chức lớn và số ít các cá nhân thuộc tầng lớp trung lưu trở lên, mà còn phục vụ cho đông

đảo những người dân, cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn.

Dưới đây là một ví dụ về việc tìm kiếm thị trường cho hoạt động tư vấn kiến trúc xuất phát từ nội dung của trang WEB tuvanxaydungonline.vn (cũng là một sản phẩm khởi nghiệp, phục vụ chủ yếu cho cộng đồng dân cư). Kết quả cho thấy, hoạt động tư vấn về kiến trúc được xã hội hay thị trường quan tâm nhiều nhất.

Đào tạo khởi nghiệp là điểm khởi đầu cho việc ĐMST tại các trường đại học, nơi công nghệ mới được nảy sinh, tích tụ để chuyển giao tới từng doanh nghiệp hay tới địa chỉ của người dùng. Trong một số trường hợp, trường đại học còn là nơi tạo ra các doanh nghiệp hay sáng tạo ra địa chỉ người dùng mới.

Bảng 2.4: VÍ DỤ VỀ KHẢO SÁT THỊ TRƯỜNG CHO HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG



Trong tổng số 241 câu hỏi gửi đến trang WEB tuvanxaydungonline.vn (câu hỏi cho nhiều nhiều lĩnh vực, đến từ khắp mọi miền cả nước, trong thời hạn khoảng một năm 2016-2017):

- Kiến trúc: liên quan đến 129 câu, chiếm tỷ lệ 53,5% của số lượng câu hỏi
- Khái toán chi phí XD: liên quan đến 121 câu, 50%
- Phong thủy: liên quan đến 30 câu, 12,4%
- Kết cấu: liên quan đến 77 câu, 32%
- Thủ tục – Pháp luật XD: liên quan đến 22 câu, 9,1%
- Thi công – Thực hiện: liên quan đến 7 câu, 3%
- Trao đổi ý kiến, thông tin chung: liên quan đến 19 câu, 7,9%

Nguồn: WEB tuvanxaydungonline.vn

2.2.7 Kiến thức cơ bản về khởi sự doanh nghiệp

Khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp là một việc không hề đơn giản. Muốn thành công phải có kiến thức. Từ đây, người khởi nghiệp mới hình thành được các kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khởi nghiệp.

Phần trình bày dưới đây chỉ nêu các kiến thức cơ bản nhất, chủ yếu là **khái niệm và một số điểm**

nhấn chính, được phân chia thành nhóm hay chuyên đề theo Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính (tại Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trong quá trình đào tạo khởi nghiệp và triển khai hoạt động khởi nghiệp, giảng viên tiếp tục bổ sung cho phù hợp.

1) Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh

a) Nhận thức chung về kinh doanh :

Một công việc kinh doanh thành công thường được bắt đầu từ một ý tưởng. Song nếu ý tưởng không tốt, kinh doanh sẽ thất bại. Cơ hội kinh doanh là tập hợp các hoàn cảnh thuận lợi tạo ra nhu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ hoặc ý tưởng kinh doanh mới. Ý tưởng và cơ hội là hai khái niệm khác nhau. Ý tưởng là những thứ hiện ra hoặc được suy tưởng trong tâm trí con người. Trong khi đó, cơ hội kinh doanh là các yếu tố thuận lợi ở môi trường bên ngoài giúp cho con người đạt được mục đích nhất định trong kinh doanh.

b) Ý tưởng kinh doanh:

- Ý tưởng kinh doanh khi khởi nghiệp: Mỗi doanh nhân khi bắt đầu khởi nghiệp có thể có nhiều ý tưởng kinh doanh. Để chọn lựa ý tưởng kinh doanh tốt cần dựa trên một số nền tảng:

- + Nghiên cứu thị trường để hiểu về những sản phẩm/dịch vụ hiện có, liên quan đến yếu tố: cung, cầu, giá cả, phương thức cung ứng và thanh toán;
- + Sự đam mê đối với sản phẩm/dịch vụ, lĩnh vực kinh doanh, công việc mà mình theo đuổi;
- + Hiểu rõ các đối tượng có liên quan trong cùng ngành kinh doanh, hay còn gọi là các đối tượng hữu quan, trong đó chú trọng việc hiểu biết đối thủ cạnh tranh, khách hàng và nhà cung cấp;
- + Có kiến thức nhất định về tài chính, giúp đánh giá được tính khả thi về mặt tài chính của dự án; có khả năng tính toán và huy động được số vốn cần thiết cho hoạt động của doanh nghiệp;
- + Năng lực cá nhân của doanh nhân sáng lập.

- Nhận diện cơ hội kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh: Một cơ hội kinh doanh tốt sẽ bao gồm đặc điểm: i) Hấp dẫn: về mặt thị trường, về mặt sản phẩm, tỷ lệ lợi nhuận, sức ép cạnh tranh; ii) Tính thời điểm: Sớm hay muộn đều có thể thất bại; iii) Có tính ổn định; iv) Hướng đến sản phẩm/dịch vụ qua đó tạo giá trị gia tăng cho khách hàng và người tiêu dùng cuối cùng. Cơ hội có thể được nhìn nhận trên quan điểm về: Xu hướng thị trường (đặc biệt gắn với công nghệ, thể chế, nhu cầu tiêu dùng và văn hóa); Cách thức giải quyết vấn đề; Khoảng trống thị trường...

2) Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp

a) Tổng quan về kiến thức và kỹ năng cần thiết khi khởi sự doanh nghiệp:

Khi khởi sự doanh nghiệp, cần có các kiến thức và kỹ năng (cứng) để thực hiện cho được các nội

dung sau:

- Xây dựng được viễn cảnh;
- Xác định điểm mạnh của người khởi nghiệp và những việc muốn làm;
- Lựa chọn ban giám đốc;
- Lập được danh mục các vấn đề chuẩn bị khởi nghiệp: Chủ sở hữu; Địa điểm; Thiết bị; Ưu nhược điểm cá nhân; Tiêu chí lựa chọn lĩnh vực kinh doanh...

b) Lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh hay loại hình doanh nghiệp:

Để lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh, cần có các kiến thức thức và kỹ năng:

- Các loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp một chủ (Doanh nghiệp tư nhân; Công ty TNHH 1 thành viên; Công ty hợp doanh), Doanh nghiệp nhiều chủ...;
- Cơ sở lựa chọn loại hình doanh nghiệp để khởi nghiệp: Việc thành lập; Quản lý doanh nghiệp; Góp vốn;
- Chế độ trách nhiệm của nhà đầu tư gắn với loại hình doanh nghiệp;
- Tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp;
- Thuế, tài chính theo loại hình doanh nghiệp;
- Thời hạn đầu tư và tổ chức lại; Giải thể và phá sản...

c) Những vấn đề quản lý cơ bản theo phương pháp quản trị, gồm:

- Các phương pháp quản trị kinh doanh;
- Các phương pháp quản trị nội bộ doanh nghiệp: Phương pháp giáo dục; Phương pháp hành chính; Phương pháp kinh tế...;

d) Những vấn đề thủ tục hành chính và pháp lý, gồm:

- Đăng ký kinh doanh; Quy định về khắc dấu; Đăng ký thuế và mã số thuế;
- Quy định liên quan đến hoạt động xuất khẩu;
- Quy định mua hóa đơn;
- Lập website để quảng bá và kết nối doanh nghiệp...

3) Lập kế hoạch kinh doanh khi khởi sự doanh nghiệp

a) Tâm quan trọng:

Kế hoạch kinh doanh là một khâu rất quan trọng trong quá trình khởi nghiệp. Bản kế hoạch kinh doanh cũng là một công cụ quan trọng giúp doanh nhân giám sát quy trình và theo dõi sự tăng trưởng trong kinh doanh. Một bản kế hoạch kinh doanh tốt sẽ giúp doanh nhân: Thu hút các nhà đầu tư; Xác định tính khả thi của ý tưởng kinh doanh; Hình dung tốt về thị trường và sản phẩm; Hình dung về cách thức tổ chức bộ máy và điều hành các lĩnh vực kinh doanh; Xác định nhu cầu tài chính và cách thức quản lý an toàn các nguồn vốn; Thu hút nguồn nhân lực tâm huyết và có chất lượng; Giám sát hoạt động kinh doanh và chủ động trước các tình huống bất ngờ.

b) Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh:

- **Nội dung:** Bản kế hoạch kinh doanh là luận chứng về cơ hội, quy mô và mô hình kinh doanh trên thị trường để hiện thực hóa cơ hội kinh doanh với lợi nhuận cao. Bản kế hoạch kinh doanh thể hiện:

+ Thông tin chung: Tên gọi, hình thức pháp lý, địa điểm trụ sở doanh nghiệp; Phương thức sản xuất kinh doanh; Các nguồn lực cần huy động (số lượng, cơ cấu) và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Mô hình doanh thu - chi phí – lợi nhuận và phương thức hoàn trả các khoản nợ vay cũng như giải quyết quan hệ sở hữu các đối tượng liên quan với doanh nghiệp;

+ Thông tin về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn của nhóm đồng sáng lập/điều hành doanh nghiệp;

+ Các tài liệu hỗ trợ, bổ sung thông tin đi kèm với bản kế hoạch...

- Cách thức trình bày trong bản kế hoạch kinh doanh:

+ Phần chung: Mục tiêu; Sứ mệnh; Nhân tố quyết định thành công.

+ Nội dung cụ thể:

i) Trình bày ý tưởng kinh doanh: Nguồn gốc hình thành; Cơ sở thực hiện ý tưởng; Sự độc đáo, mới lạ so với các sản phẩm hiện có; Tính khả thi của ý tưởng kinh doanh;

ii) Phân tích nhu cầu thị trường: Quy mô thị trường hiện tại và xu hướng phát triển thị trường trong tương lai; Các phân khúc thị trường; Các đối thủ cạnh tranh hiện tại; Các nhà cung cấp và phân phối; Xác định thị trường mục tiêu, khách hàng mục tiêu..;

iii) Mô tả sản phẩm/Dịch vụ;

iv) Hoạt động marketing: Quảng cáo; Khuyến mại..;

v) Công nghệ và tổ chức sản xuất: Xác định các trang thiết bị, máy móc cần thiết để tổ chức sản xuất và dự tính chi phí; Phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh;

vi) Tổ chức bộ máy: Xác định hình thức pháp lý cho doanh nghiệp; Xác định cơ cấu tổ chức sản xuất và cơ cấu tổ chức quản trị; Cơ cấu và yêu cầu đối với các thành viên nắm các vị trí quan trọng trong doanh nghiệp; Xác định kế hoạch tuyển dụng và sử dụng nhân sự; Xây dựng chính sách nhân sự cho doanh nghiệp, trách nhiệm, quyền, lợi ích của cán bộ công nhân viên..;

vii) Kế hoạch tài chính: Xem phần Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp;

viii) Rủi ro: Lường trước một số rủi ro có thể xảy ra và đề xuất phương án hạn chế thiệt hại...

4) Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp

a) Khái niệm về thị trường:

Thị trường là mối quan hệ kinh tế tổng hợp của năm thành tố: i) Hàng hóa; ii) Cung; iii) Cầu; iv) Giá cả và v) Phương thức giao dịch thanh toán.

Nghiên cứu thị trường nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng và tạo ra lợi nhuận bằng cách: Cung

cấp sản phẩm/dịch vụ mà họ cần; Định ra mức giá mà họ chấp nhận trả; Đưa hàng hóa/dịch vụ đến tay khách hàng; Đưa thông tin về doanh nghiệp và sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp và thu hút khách hàng mua hàng hóa/dịch vụ của doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu thị trường trong khởi sự doanh nghiệp:

- Nghiên cứu thị trường tổng thể: là việc xác định nhu cầu tiêu thụ hiện tại so với mức cung ứng hiện tại của mỗi loại sản phẩm/dịch vụ để từ đó doanh nghiệp có những định hướng về việc xâm nhập vào thị trường mới hoặc đánh giá các chiến lược, sách lược của mình trong thời gian tới đối với thị trường hiện tại. Nội dung nghiên cứu thị trường tổng thể bao gồm:

- + Qui mô cơ cấu và sự vận động của thị trường;
- + Số lượng người tiêu thụ; Khối lượng hàng hoá tiêu thụ;
- + Doanh số bán thực tế;
- + Cơ cấu thị trường;
- + Sự vận động của thị trường; Giá cả thị trường; Trạng thái thị trường;
- + Các nhân tố tác động đến thị trường...

- Thị trường chi tiết:

+ Nghiên cứu khách hàng: Khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức; Khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng; Liên quan đến: Phân bố địa lý của khách hàng; Đặc điểm hoạt động của khách hàng; Vị thế, trách nhiệm xã hội của khách hàng; Đặc điểm cá nhân của khách hàng..;

+ Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh: là những đối thủ với các sản phẩm/ dịch vụ có thể thay thế hoặc bổ sung sản phẩm của doanh nghiệp.

- Các nguồn thu thập thông tin để nghiên cứu thị trường: Có nhiều nguồn thông tin để nghiên cứu thị trường: Báo, ti vi, mạng xã hội, quảng cáo...

c) Những vấn đề về marketing trong khởi sự doanh nghiệp:

Bán hàng là mục tiêu chính của marketing. Đây là một việc khó nhất và quan trọng nhất. Nếu không thành công trong việc bán sản phẩm, công việc kinh doanh sẽ không tồn tại. Những vấn đề cần quan tâm trong bản kế hoạch marketing:

- Phân tích tình hình: Môi trường vĩ mô; Phân tích kinh doanh; Phân tích cạnh tranh; Phân tích khách hàng...
- Chiến lược marketing: Chiến lược phân khúc thị trường; Chiến lược thị trường mục tiêu thích ứng với công ty; Chiến lược định vị vị thế doanh nghiệp; Chiến lược thương hiệu;
- Dự tính doanh số bán hàng;
- Hỗn hợp Marketing: Sản phẩm; Định giá; Kênh phân phối; Xúc tiến bán hàng;
- Ngân sách Marketing;
- Kế hoạch thực hiện và kiểm soát Marketing.

5) Tổ chức sản xuất và điều hành doanh nghiệp

a) Khái quát về tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp:

- **Khái niệm:** Tổ chức sản xuất là sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa sức lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất, quy mô sản xuất và công nghệ sản xuất nhằm sản xuất ra sản phẩm có chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường. Một doanh nghiệp muốn kinh doanh hiệu quả và thuận lợi trong điều hành cần phải xác định rõ cơ cấu sản xuất và tổ chức tốt hệ thống sản xuất.

- **Quá trình sản xuất:** Quá trình sản xuất bắt đầu từ khi xác định phương án sản phẩm, chuẩn bị các điều kiện cho sản xuất để sản xuất ra sản phẩm và đem sản phẩm đó tiêu thụ trên thị trường. Quá trình sản xuất được tổ chức theo những nguyên tắc nhất định.

b) Nội dung của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp:

Nội dung của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp thường được đề cập đến:

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: Bộ phận sản xuất chính; Bộ phận sản xuất phụ trợ; Bộ phận sản xuất phụ; Bộ phận phục vụ sản xuất. Cơ cấu sản xuất còn được phân thành: Doanh nghiệp, ngành, phân xưởng, chỗ làm việc...

- Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp.

c) Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp:

Quản trị doanh nghiệp là sự kết hợp mọi nỗ lực của con người trong doanh nghiệp để đạt được mục tiêu chung của doanh nghiệp và mục tiêu riêng của mỗi người một cách hợp lý và có hiệu quả nhất. Đó là một quá trình phối hợp và hợp tác công việc giữa các quản trị viên trong bộ máy quản trị với người lao động trong quá trình sản xuất kinh doanh. Quản trị doanh nghiệp bao gồm các nội dung liên quan đến:

- Các đối tượng (chủ thể quản trị và đối tượng bị quản trị), nội dung của tổ chức bộ máy quản trị;

- Nguyên tắc tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp;

- Các kiểu cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp: Quản trị trực tuyến; Quản trị chức năng; Quản trị trực tuyến - chức năng; Quản trị ma trận;

- Chế độ một cấp trường trong quản trị doanh nghiệp;

- Mối quan hệ giữa các chức danh thủ trưởng trong doanh nghiệp;

- Những yếu tố cản trở tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp.

d) Điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp:

- Nội dung điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp bao gồm: Lập lịch trình sản xuất; Sắp xếp thứ tự thực hiện các hợp đồng kinh tế; Điều phối, phân giao công việc; Theo dõi phát hiện những biến động ngoài dự kiến;

- Những phương pháp chủ yếu sử dụng điều hành trong doanh nghiệp gồm: Phương pháp kinh tế

(đòn bẩy kích thích vật chất như lương, thưởng...); Phương pháp tổ chức, hành chính; Phương pháp giáo dục, động viên; Phương pháp tâm lý xã hội và các phương pháp khác.

e) Tổ chức và quản lý cung ứng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp, gồm:

- Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu trong doanh nghiệp;
- Tổ chức đảm bảo nguyên vật liệu cho doanh nghiệp: Lựa chọn phương thức cung ứng; Lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu; Thương lượng đặt hàng; Tổ chức tiếp nhận, cấp phát, vận chuyển nội bộ, quyết toán.

6) Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp

a) Tầm quan trọng, mục tiêu và yêu cầu quản trị tài chính:

- **Tầm quan trọng:** Một trong những sai lầm phổ biến nhất của những doanh nghiệp mới thành lập là chưa chú ý vào quản trị tài chính và xác định đúng mức tầm quan trọng của việc kiểm soát tài chính. Người chủ của những doanh nghiệp khởi nghiệp phải nắm được số tiền họ có bao nhiêu và liệu rằng số tiền đó có đủ thực hiện các nghĩa vụ tài chính hay không. Quản trị tài chính của một doanh nghiệp phải giải quyết những câu hỏi dưới đây gắn với những hoạt động đang diễn ra:

- + Doanh nghiệp đang hoạt động như thế nào? Đang kiếm ra tiền hay mất tiền?
- + Đang có trong tay bao nhiêu tiền mặt?
- + Có đủ tiền để đáp ứng những nghĩa vụ tài chính ngắn hạn hay không?
- + Đang sử dụng tài sản hiệu quả như thế nào?
- + Tốc độ phát triển và lợi nhuận thuần so sánh với các đối thủ cạnh tranh?
- + Nguồn vốn doanh nghiệp cần đến từ đâu?
- + Có cách nào để hợp tác với các doanh nghiệp khác nhằm chia sẻ rủi ro và giảm số lượng tiền mặt đang cần không?
- + Về tổng thể, doanh nghiệp có đang trong tình trạng tài chính tốt hay không?

- **Mục tiêu của quản trị tài chính:** là đảm bảo hay duy trì: Khả năng sinh lời; Thanh khoản; Hiệu quả và ổn định.

- **Yêu cầu quản trị tài chính:** Người khởi nghiệp phải nắm được các nội dung cơ bản về: Huy động vốn; Quy trình quản trị tài chính và Báo cáo tài chính. Đây là cơ sở cho việc ra các quyết định về tài chính trong doanh nghiệp.

b) Vốn cho hoạt động và phát triển doanh nghiệp

Nội dung này cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về: Nhu cầu vốn; Các nguồn vốn và khả năng tiếp cận các nguồn vốn, bao gồm các nội dung:

- Vốn để khởi nghiệp: Tầm quan trọng của việc huy động vốn; Các hình thức cấp vốn cho khởi nghiệp;
- Nguồn tài chính cá nhân: Tiền của các thành viên sáng lập; Huy động từ gia đình, bạn bè, người

thân..;

- Vay nợ từ các tổ chức tín dụng: Xác định lượng tài chính cần thiết; Xác định nguồn vốn vay phù hợp (vay vốn từ ngân hàng thương mại; Các khoản vay được bảo lãnh); Chuẩn bị hồ sơ vay vốn;
- Vốn từ quỹ đầu tư mạo hiểm;
- Một số hình thức huy động vốn sáng tạo khác: Thuê tài chính; Các hình thức tài trợ khác như: Tín dụng từ người bán; Bán hàng trả trước; Đối tác chiến lược trong khởi nghiệp; Tín dụng vi mô từ tổ chức đoàn thể, cộng đồng..;
- Các hình thức cấp vốn phát triển doanh nghiệp: Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (Initial Public Offering - IPO); Liên minh chiến lược trong phát triển doanh nghiệp (Liên doanh; Liên minh thông qua hình thức sở hữu cổ phần; Liên minh không thông qua sở hữu cổ phần).

c) Quản trị tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp:

- **Quy trình quản trị tài chính:** Quy trình quản trị tài chính của doanh nghiệp bắt đầu bằng việc:

- + Theo dõi các hoạt động tài chính của công ty trong quá khứ thông qua Báo cáo tài chính;
- + Dự báo hoạt động tài chính cho 2 hoặc 3 năm tới thông qua Báo cáo tài chính dự toán;
- + Phân tích kết quả tài chính của công ty.

- **Báo cáo tài chính (phản ánh hoạt động trong quá khứ, theo quý và năm):** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Phân tích các chỉ số tài chính.

- **Báo cáo tài chính dự toán (xây dựng cho 2 - 3 năm tiếp theo):** Dự báo doanh thu - chi phí; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dự án; Cân đối kế toán dự toán; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự toán; Phân tích các chỉ số tài chính dự toán.

d) Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp:

- Chi phí của doanh nghiệp: Chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ sản phẩm gắn với giá thành sản phẩm; Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động khác của doanh nghiệp;
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm và doanh thu của doanh nghiệp;
- Lợi nhuận của doanh nghiệp: Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế; Phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp;
- Một số loại thuế, phí đối với doanh nghiệp: Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế xuất – nhập khẩu; Một số loại thuế và phí khác: Thuế môn bài; Lệ phí trước bạ; Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

Nội dung cụ thể của nhóm kiến thức cơ bản về khởi nghiệp nêu trên được truyền tải vào nội dung học phần Khởi nghiệp hoặc nội dung khóa đào tạo Khởi sự doanh nghiệp và được bổ sung cho phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo. (Tài liệu được lưu trên WEB bmkctn.com Mục: Học liệu mở/ Chuyên đề/ Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng).

2.2.8 Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh

1) Khái niệm chung

a) Hệ sinh thái kinh doanh:

Hệ sinh thái kinh doanh (Entrepreneurial Ecosystem): là một thuật ngữ chỉ một cộng đồng doanh nghiệp, cộng sinh, chia sẻ và bổ sung cho nhau, tạo thành một môi trường thuận lợi thúc đẩy sự hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và tăng trưởng nhanh. Hệ sinh thái này đáp ứng yêu cầu rộng lớn hơn, không chỉ là hoạt động khởi nghiệp tạo lập doanh nghiệp mà còn cho cả các hoạt động kinh tế và xã hội khác, tạo lập tinh thần kinh doanh của khu vực.

Cộng đồng có thể bao gồm một nhóm công ty, trong đó có doanh nghiệp khởi nghiệp, và nhiều tổ chức liên quan khác, tạo thành mạng lưới hoặc hệ thống để hình thành một khu vực kinh tế năng động. Quy mô của hệ sinh thái này là quy mô của hoạt động kinh doanh. Các doanh nghiệp khởi nghiệp chỉ là một phần trong hệ sinh thái, tập trung vào việc nghiên cứu tạo lập sản phẩm mới.

Trong mô hình này, doanh nghiệp khởi nghiệp được hình thành bởi chính môi trường kinh doanh cộng sinh trong hệ sinh thái. Một môi trường mà doanh nghiệp khởi nghiệp có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận các nguồn tài chính, nguồn nhân lực, mức độ tinh thông nghề nghiệp, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên nghiệp mà họ cần trong tương lai; nơi mà họ thiết lập được mối quan hệ xã hội với đồng nghiệp và là nơi họ học tập được cách xây dựng nền văn hóa doanh nhân, hiểu rõ được lịch sử của các doanh nghiệp, doanh nhân thành công...

Tại một số quốc gia phát triển, mô hình hệ sinh thái kinh doanh còn được mở rộng hơn, bao gồm cả Khu công nghiệp (Industrial Park), Khu công nghệ (Science Park), Khu kinh doanh (Business Park), tạo thành Cụm kinh tế (Economic Cluster).

b) Hệ sinh thái khởi nghiệp:

Hệ sinh thái khởi nghiệp (Startup Ecosystem): là một thuật ngữ chỉ một cộng đồng được hình thành bởi những chủ thể khởi nghiệp (cá nhân khởi nghiệp hay doanh nghiệp tái khởi nghiệp) và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp có liên quan như: Nhà đầu tư thiên thần; Nhà tư vấn dẫn dắt (tạo lập sản phẩm, tìm kiếm nhà đầu tư...); Các tổ chức nghiên cứu và cung cấp dịch vụ (tài chính, pháp lý...); Các doanh nhân với vai trò là cố vấn (truyền cảm hứng, xây dựng tư duy tích cực...); Các cộng đồng, tổ chức có liên quan đến hoạt động khởi nghiệp (hiệp hội)...gắn liền với các sự kiện Khởi nghiệp (ví dụ như ngày hội mở đầu, kết thúc một khóa Khởi nghiệp...).

Các địa điểm hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp có thể là thật hoặc ảo (trên mạng). Quy mô của hệ sinh thái chủ yếu là số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp được hình thành...

Trong mô hình này, doanh nghiệp khởi nghiệp được ươm tạo bởi các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, một hệ sinh thái khởi nghiệp bền vững gồm năm yếu tố cấu thành: i) Nguồn cung là các viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học; ii) Nguồn cầu là

các doanh nghiệp ĐMST, doanh nghiệp khởi nghiệp; iii) Cơ sở dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp; iv) Các nhà đầu tư; v) Cơ sở pháp lý, hệ thống pháp luật để bảo hộ, bảo vệ cho những nhà đầu tư, cá nhân khởi nghiệp. Một trong những kênh hỗ trợ chính là không gian làm việc chung cho số đông doanh nghiệp.

Thông qua Hệ sinh thái khởi nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp có cơ hội được gặp gỡ các nhà đầu tư, đối tác để có dự án phù hợp, tránh lãng phí nguồn lực. Khi thật sự tham gia Hệ sinh thái khởi nghiệp, các doanh nghiệp sẽ tạo ra một cộng đồng, qua đó có những phương án cho đầu ra, đầu vào của sản phẩm, các nguồn lực hỗ trợ...

Trong điều kiện Việt Nam hiện tại, khi mô hình Hệ sinh thái kinh doanh chưa có điều kiện phát triển, thì Hệ sinh thái khởi nghiệp, đặc biệt là Hệ sinh thái khởi nghiệp trong các trường đại học có vai trò quan trọng trong tiến trình khởi nghiệp.

2) Một số mô hình tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường đại học

a) 10 vai trò của các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp:

Các tổ chức này có thể coi là các định chế trung gian với vai trò:

- i) Định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho thanh niên sắp vào trường, đang học và sau khi ra trường liên quan đến hoạt động khởi nghiệp. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thực trạng việc làm của sinh viên sau khi ra trường, đặc biệt là khởi sự doanh nghiệp;
- ii) Hướng dẫn cách hình thành cá nhân, đội, nhóm khởi nghiệp;
- iii) Tìm kiếm các nguồn tài trợ cho hoạt động khởi nghiệp;
- iv) Thu hút các nhà quản lý, doanh nghiệp, công nghệ trong và ngoài nước để tư vấn bí quyết khởi nghiệp, truyền cảm hứng, phát triển kỹ năng và thẩm định ý tưởng;
- v) Tổ chức và điều hành mạng xã hội về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng; kết nối với các cá nhân, tổ chức trong và sau quá trình khởi nghiệp;
- vi) Đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và tài sản trí tuệ; Quảng bá và thương mại hóa các sản phẩm là kết quả trong quá trình khởi nghiệp;
- vii) Tạo lập môi trường học thuật với các cơ sở dữ liệu lớn, cung cấp các tài liệu, giáo trình khởi nghiệp; thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức và sự kiện trong nước, quốc tế liên quan đến khởi nghiệp;
- viii) Tổ chức liên kết các trường đại học, viện nghiên cứu, think tank hàng đầu trong nước về xây dựng, nhằm chia sẻ các thông tin về KHCN (đặc biệt là các ngành có vai trò chủ chốt trong tương lai như khoa học máy tính, khoa học vật liệu, công nghệ in 3D...) và tiếp cận các xu hướng kinh tế,

tài chính quốc gia và thế giới; Tìm kiếm các tài năng trẻ để đào tạo khởi nghiệp bậc cao hay những nhà khởi nghiệp trẻ cho tương lai;

ix) Hình thành các kết nối (các nhà đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm; chuyển giao công nghệ...) với các tổ chức KHCN, doanh nghiệp trong và ngoài nước;

x) Là một trong những nhân tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và cạnh tranh quốc gia (thông qua việc hỗ trợ các thông tin về thị trường, định vị thương hiệu và đa dạng hóa sản phẩm, giới thiệu công nghệ nguồn, nâng cấp nguồn nhân lực...); thúc đẩy việc tạo ra các chuỗi liên kết giá trị sản phẩm, liên kết doanh nghiệp.

b) Một số mô hình tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp:

- Trung tâm hỗ trợ pháp lý và tư vấn khởi nghiệp:

+ Mục tiêu: Trang bị cho học viên những kiến thức về: Pháp luật liên quan đến khởi nghiệp; Cơ chế thủ tục thành lập doanh nghiệp, thủ tục vay vốn, tiếp cận đất, tín dụng; Những vấn đề liên quan đến việc cải thiện chi phí lao động, chi phí cơ sở hạ tầng logistics...; Tư vấn, giúp đỡ hoàn thiện ý tưởng, dự án cho những người có mong muốn khởi nghiệp; Cách thức hiện thực hóa dự án; Quan sát quá trình hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập để đưa ra những tư vấn kịp thời, hiệu quả giúp người sáng lập tháo gỡ những khó khăn...;

+ Các hoạt động chính: i) Thành lập Hội đồng tư vấn khởi nghiệp: Nghiên cứu, tư vấn về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khởi nghiệp theo ngành và tại địa phương có liên quan; Tham gia đánh giá, tuyển chọn dự án để ươm tạo và tư vấn, hiện thực hóa những dự án có tiềm năng. Sau khi doanh nghiệp mới được thành lập, Hội đồng tiếp tục theo dõi, tư vấn trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp mới; ii) Tiến hành các khóa đào tạo khởi nghiệp (kết hợp với tổ chức KHCN, doanh nghiệp, địa phương...); iii) Định kỳ tổ chức các chương trình giao lưu, gặp gỡ giữa doanh nhân thành đạt, doanh nhân trẻ tiêu biểu với thanh niên, sinh viên khởi nghiệp, thông qua hội thảo, triển lãm về khởi nghiệp; iv) Xây dựng các mô hình điểm để giúp những người khởi nghiệp có cơ hội học hỏi những kinh nghiệm từ những người khởi nghiệp thành công khác và sau đó nhân rộng; v) Thông qua website và các trang mạng xã hội giải đáp các vấn đề có liên quan.

- Câu lạc bộ khởi nghiệp:

+ Mục tiêu: Liên kết, xây dựng mạng lưới kết nối giữa những người đang khởi nghiệp;

+ Các hoạt động chính: i) Phối hợp với tổ chức thanh niên, hiệp hội thúc đẩy các sáng kiến hình thành các câu lạc bộ liên quan đến hoạt động khởi nghiệp cho sinh viên và cựu sinh viên; Khuyến khích các doanh nhân tiêu biểu, giỏi kinh doanh, có uy tín tham gia và các câu lạc bộ; ii) Liên kết mạng lưới các CLB thanh niên khởi nghiệp trong nhà trường với các tổ chức có liên quan của các hội nghề nghiệp và tại các địa phương, để chia sẻ thông tin, tăng cường kết nối; iii) Thường xuyên (1 năm/lần) tổ chức phối hợp tổ chức các diễn đàn, gặp gỡ tuyên dương các cá nhân, tổ chức tiêu

biểu, thúc đẩy việc tạo việc làm mới...; iv) Tuyên truyền, giới thiệu quảng bá các sản phẩm, tổ chức của các doanh nghiệp, doanh nhân thành viên câu lạc bộ đến người tiêu dùng; v) Tổ chức các cuộc thi Khởi nghiệp sinh viên; vi) Hình thành các Cộng đồng khởi nghiệp trong sinh viên; vi) Hình thành mạng xã hội về Khởi nghiệp sinh viên và cựu sinh viên.

- Trung tâm chuyển giao KHCN:

+ Mục tiêu: Hình thành bộ phận hay trung tâm sẵn sàng về công nghệ trong lĩnh vực xây dựng gắn với Hệ thống Cơ sở dữ liệu khởi nghiệp xây dựng; Trung tâm này có thể kết hợp với Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp;

+ Các hoạt động chính: Lưu giữ, cập nhật và kết nối về dữ liệu công nghệ giữa các nhà khoa học, các doanh nghiệp trong, ngoài nước và các tổ chức khởi nghiệp. Việc chuyển giao dữ liệu công nghệ có thể thực hiện trên nền tảng các giao thức máy tính cho phép truy cập và khai thác nhanh chóng, thuận tiện.

- Quỹ hỗ trợ khởi nghiệp:

+ Mục tiêu: Cung cấp vốn mồi cho các dự án khởi nghiệp; hướng dẫn cách thức tiếp cận nguồn vốn cho người khởi nghiệp; Hình thành các sáng kiến tạo lập nguồn vốn từ Nhà nước, doanh nghiệp, các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư mạo hiểm trong và ngoài nước.

+ Các hoạt động chính: Hình thành “Quỹ Hỗ trợ khởi nghiệp” từ một số nguồn: Ngân sách Nhà nước và địa phương; Các nguồn vốn từ các tổ chức trong và ngoài nước quan tâm.

- Trung tâm đổi mới sáng tạo và thúc đẩy khởi nghiệp:

+ Mục tiêu: Thúc đẩy các hoạt động ĐMST và khởi nghiệp trong nhà trường; Kết nối với mạng lưới trung tâm ĐMST và khởi nghiệp trong toàn quốc và xuyên quốc gia (28).

+ Các hoạt động chính: Hoạt động tự chủ như một tổ chức KHCN trực thuộc trường đại học; Tích hợp các mô hình cũ hiện nay là các tổ chức chuyển giao công nghệ, đồng thời bổ sung các nội dung hoạt động mới: i) Tư vấn cho các sinh viên trong trường đại học về khởi nghiệp; ii) Hỗ trợ ươm tạo các ý tưởng công nghệ của sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp; iii) Hỗ trợ kết nối, huy động vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ gọi vốn cộng đồng, các nhà đầu tư thiên thần... cho các cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp; iv) Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thị trường công nghệ, nhu cầu công nghệ làm cơ sở định hướng KHCN cho trường đại học; v) Chia sẻ không gian làm việc với nhiều tiện lợi, tất cả mọi người có thể đến làm việc và tìm kiếm thông tin khởi nghiệp; Đây cũng là nơi cung cấp miễn phí các dịch vụ hỗ trợ chuẩn bị cho khởi nghiệp, kết nối nhân sự, tư vấn về thuế, pháp lý; Là một dạng mô hình vườn ươm công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp.

+ Đầu vào của Trung tâm ĐMST và thúc đẩy khởi nghiệp là: Các kết quả nghiên cứu hình thành từ: i) Các đề tài, dự án được đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc trên cơ sở hợp tác với doanh

nghiệp và cơ sở nghiên cứu khác; ii) Các ý tưởng công nghệ của các sinh viên, thạc sĩ, nghiên cứu sinh, giảng viên, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; Nhu cầu đào tạo khởi nghiệp của nhà trường và xã hội.

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu khởi nghiệp xây dựng:

+ Mục tiêu: Góp phần hình thành Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ đã được Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể tại Thông tư 10/2017/TT-BKHCN: “Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ”; Tạo lập hệ thống thông tin về tiềm lực và kết quả hoạt động KHCN quốc gia trong lĩnh vực xây dựng, nhằm cung cấp dữ liệu và thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về KHCN.

+ Các hoạt động chính: Từng bước hình thành Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về KHCN trong lĩnh vực xây dựng, bao gồm 10 thành phần sau: i) Cơ sở dữ liệu về tổ chức KHCN; ii) Cơ sở dữ liệu về cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; iii) Cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KHCN; iv) Cơ sở dữ liệu về công bố khoa học và chỉ số trích dẫn khoa học; v) Cơ sở dữ liệu về thống kê KHCN; vi) Cơ sở dữ liệu về công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; vii) Cơ sở dữ liệu về KHCN trong khu vực và trên thế giới; viii) Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp KHCN; ix) Cơ sở dữ liệu về thông tin sở hữu trí tuệ; x) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Bảng dưới đây cho thấy, Trung tâm ĐMST thúc đẩy khởi nghiệp là mô hình tích hợp được các nội dung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp.

Bảng 2.5: VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP TRONG HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Hệ sinh thái kinh doanh (Entrepreneurial Ecosystem) Hiện chưa được phát triển tại Việt Nam	Hệ sinh thái khởi nghiệp Trong điều kiện Việt Nam, hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường ĐH có vai trò quan trọng					
10 nội dung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp chính	Một số mô hình tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp					
	TT hỗ trợ và tư vấn khởi nghiệp	CLB khởi nghiệp	TT chuyên giao KHCN	Quý hỗ trợ khởi nghiệp	TT đổi mới sáng tạo thúc đẩy khởi nghiệp	Hệ thống cơ sở dữ liệu khởi nghiệp XD
i) Định hướng, tư vấn nghề nghiệp; XD hệ thống CSDL về việc làm của SV sau khi ra trường, đặc biệt là khởi sự doanh nghiệp.	●	●			●	●
ii) Hướng dẫn cách hình thành cá nhân, đội, nhóm khởi nghiệp...	●	●			●	
iii) Tìm kiếm các nguồn tài trợ cho hoạt động khởi nghiệp;	●	●		●	●	
iv) Thu hút nhà quản lý, doanh nghiệp, công nghệ để tư vấn bí quyết khởi nghiệp, truyền cảm hứng, phát triển kỹ năng, thẩm định ý tưởng;	●	●			●	
v) Tổ chức và điều hành mạng XH về khởi nghiệp lĩnh vực XD; kết nối với cá nhân, tổ chức trong và sau quá trình khởi nghiệp.	●	●			●	●
vi) Đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu KH, phát triển công nghệ và tài sản trí tuệ; Quảng bá và thương mại hóa các sản phẩm là kết quả trong quá trình khởi nghiệp;			●		●	●
vii) Tạo lập môi trường học thuật với các CSDL lớn cung cấp tài liệu, giáo trình khởi nghiệp; thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức và sự kiện trong nước, quốc tế liên quan đến khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.			●		●	●
viii) Tổ chức liên kết các trường ĐH, viện NC, think tank và XD, nhằm chia sẻ các thông tin về KHCN (như KH máy tính, vật liệu, công nghệ in 3D...) và tiếp cận các xu hướng kinh tế, tài chính quốc gia và thế giới; Tìm kiếm các tài năng trẻ để đào tạo khởi nghiệp bậc cao hay những nhà khởi nghiệp trẻ cho tương lai.			●		●	●
ix) Hình thành các kết nối (các nhà đầu tư, thị trường tiêu thụ sản phẩm; chuyên giao công nghệ...) với các tổ chức KHCN, doanh nghiệp trong và ngoài nước.			●		●	
x) Nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy việc tạo ra các chuỗi liên kết giá trị sản phẩm, liên kết doanh nghiệp.			●		●	●

Ghi chú: dấu tròn thể hiện sự liên quan

2.2.9 Trường Đại học Xây dựng và đào tạo khởi nghiệp

1) Đào tạo sinh viên trong trường

Trường Đại học Xây dựng hiện triển khai xây dựng Chương trình đào tạo mới với khoảng 30 ngành theo CDIO. Việc đào tạo Khởi nghiệp có thể theo dạng chuyên đề với quy mô khoảng 2 tín chỉ, do các ngành tự tổ chức đào tạo theo Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp thống nhất trong toàn trường và được bổ sung thêm các nội dung phù hợp với ngành đào tạo.

Với khối lượng 2 tín chỉ (30 tiết) vừa đảm bảo đủ nội dung đào tạo, song không tăng thêm áp lực về quy mô số tín chỉ đào tạo đại học.

2) Đào tạo cựu sinh viên:

Hiện tại việc đào tạo cựu sinh viên có các dạng: Đào tạo sau đại học và đào tạo cấp các chứng chỉ hành nghề. Chưa hình thành đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp.

3) Hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường Đại học Xây dựng:

Hiện trường ĐHXD chưa hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp, song đã có các tổ chức, đơn vị về KHCN, cộng đồng xã hội là nền tảng cho việc hình thành các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp.

2.3 ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG

2.3.1 Quan điểm, nguyên tắc

1) Quan điểm:

- Khởi nghiệp hiện đã trở thành phong trào rộng khắp trong cả nước và đang đi vào phát triển theo chiều sâu. Khởi nghiệp đang trở thành tầm nhìn của quốc gia, tổ chức, cộng đồng và cá nhân, không tổ chức nào có thể đứng ngoài cuộc, đặc biệt là các cơ sở đào tạo đại học. Khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và gia tăng nhanh chóng số lượng doanh nghiệp.

- Hoạt động khởi nghiệp đã trở thành các yêu cầu mang tính pháp lý đối với các tổ chức đào tạo đại học. Đây cũng chính là cơ hội để tạo ra các thay đổi mang tính đột phá trong quá trình tự chủ đại học gắn với ĐMST, chuyển giao công nghệ. Khởi nghiệp sẽ tác động đến đội ngũ giảng viên và các tổ chức trong nhà trường.

- Hoạt động khởi nghiệp rất đa dạng, không giới hạn; từ việc tạo ra giá trị mới cho một đối tượng khách hàng khởi nghiệp cụ thể (gắn với dịch vụ đào tạo và công nghệ) đến việc góp phần đào tạo thế hệ mới với tư duy, năng lực mới phù hợp với quá trình toàn cầu hóa và cuộc CMCN 4.0.

- Cần thiết phải xây dựng Hệ thống lý luận về khởi nghiệp, bắt nguồn từ thực tiễn khởi nghiệp Việt Nam và yêu cầu hội nhập; trong đó làm rõ các vấn đề như: Niềm tin chiến lược về khởi nghiệp; Tư duy và tầm nhìn khởi nghiệp; Quyền lợi quốc gia, cộng đồng và cá nhân trong quá trình khởi nghiệp; Giá trị mới về xã hội và văn hóa từ khởi nghiệp...

- Có 3 cấp độ đào tạo khởi nghiệp: i) Tuyên truyền về khởi nghiệp; ii) Đào tạo tinh thần khởi nghiệp; iii) Đào tạo khởi nghiệp. Cần thiết phải tiến hành đồng thời cả 3 cấp độ, trong đó Tuyên truyền về khởi nghiệp có thể lồng ghép vào cấp độ đào tạo ii và iii.

- Trong điều kiện của Việt Nam hiện tại, việc đào tạo khởi nghiệp hay đào tạo khởi sự doanh nghiệp có vai trò quan trọng, bao gồm cả việc Đào tạo khởi sự doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu về số lượng doanh nghiệp (Đào tạo khởi nghiệp kế thừa) và Đào tạo khởi nghiệp ĐMST nhằm tạo ra thế hệ các doanh nghiệp mới có khả năng cạnh tranh và hội nhập.

- Không thể đào tạo Khởi nghiệp thành công nếu không hình thành được Hệ thống kết cấu hạ tầng khởi nghiệp hay Hệ sinh thái khởi nghiệp, kết nối với các cơ sở đào tạo, cơ sở KHCN, địa phương, trong quốc gia và xuyên biên giới. Trong điều kiện Việt Nam hiện tại, khi mà các Khu công nghệ, Khu kinh doanh hay Cụm kinh tế theo mô hình Thung lũng Silicon còn chưa được hình thành và hoạt động hiệu quả, thì Hệ sinh thái khởi nghiệp trong các trường đại học và trong các tổ chức hiệp hội, cộng đồng xã hội là những hệ sinh thái có điều kiện chủ động triển khai sớm và rộng khắp trong cả nước; là thành phần chủ yếu của Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST Việt Nam. Mỗi trường đại học, viện nghiên cứu phải trở thành mỗi Trung tâm khởi nghiệp và còn hỗ trợ cho Hệ sinh thái khởi nghiệp trong tổ chức hiệp hội, cộng đồng xã hội.

- Nhà trường cần sớm triển khai Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó có yêu cầu ***đưa nội dung khởi nghiệp sáng tạo vào giảng dạy, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo tại các trường đại học.*** Đây cũng chính là tiền đề, động lực cho hoạt động khởi nghiệp.

- Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp góp phần bổ sung và đổi mới Chương trình khung đào tạo đại học của nhà trường. Cùng với việc Đào tạo khởi nghiệp cần từng bước hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp nhằm thúc đẩy đào tạo khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp và là hạt nhân liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực xây dựng. Qua đó mang lại vị thế mới cho trường ĐHXD. Việc đề xuất Chương trình Khung về đào tạo khởi nghiệp được đề xuất trên cơ sở quan điểm trên.

2) Nguyên tắc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp

a) Tính kế thừa, tương đương và khả năng kết nối:

Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng phải cơ bản đáp ứng được:

- Tính chính thống: Hiện tại trong thực tế có rất nhiều Chương trình đào tạo khởi nghiệp, do các tổ chức xã hội trong và ngoài nước đề xuất. Đề tài cần kế thừa nội dung trong Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được Nhà nước phê duyệt, bổ sung một số nội dung phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

- Tính chuyên ngành: phù hợp với chuyên ngành xây dựng, kiến trúc;

- Tính cập nhật: cập nhật tri thức mới, đặc biệt là nghề mới, nghiệp mới gắn với cuộc CMCN 4.0 và hội nhập;

- Có tính liên thông (liên thông dọc giữa các trình độ đào tạo khởi nghiệp và liên thông ngang giữa các ngành cùng trình độ); tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết đào tạo với các trường, các địa phương và các ngành có liên quan.

- Có tính tương đương và có khả năng kết nối với các Chương trình đào tạo đại học và các

Chương trình đào tạo khởi nghiệp khác hiện đang được triển khai trong và ngoài nước.

- Có các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, cơ cấu nội dung môn học, tỷ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, thực tập của một chương trình giáo dục;
- Có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể gắn với thời gian đào tạo toàn môn học, khóa học;
- Đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn của Chương trình thông qua việc xác định một tỷ lệ nhất định sự tham gia đào tạo của đại diện doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và cộng đồng xã hội;
- Khối lượng kiến thức tối thiểu; Cấu trúc kiến thức đảm bảo cân đối, hợp lý. Về khối lượng kiến thức cho sinh viên: Dự kiến đào tạo 2 tín chỉ (trong khối lượng học tập tối thiểu 120 -180 tín chỉ theo Chuẩn đầu ra của văn bằng Đại học - bậc 6).

b) Hướng về sinh viên, người học:

- Chương trình đào tạo phải thu hút được người học, gắn liền với lợi ích trong việc chọn nghề, lập nghiệp; làm giàu chính đáng cho bản thân, cộng đồng và quốc gia.
- Chương trình đào tạo phải cung cấp được cho sinh viên, học viên những nhận thức cơ bản về khởi nghiệp và tầm quan trọng của khởi nghiệp, lập nghiệp, qua đó thúc đẩy tinh thần dám nghĩ và dám làm trong việc chọn nghề, lập nghiệp.
- Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và người khác đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học;
- Đào tạo hình thành kỹ năng mềm của người khởi nghiệp
- Tư vấn cho sinh viên, học viên hiểu rõ được những cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý của việc khởi nghiệp; những kiến thức tổng hợp liên quan đến: Môi trường và bí quyết kinh doanh; Năng lực cạnh tranh; ĐMST và những vấn đề liên quan đến cuộc CMCN 4.0 hay nền kinh tế số, kinh tế liên kết.
- Tư vấn cho sinh viên, học viên những vấn đề có liên quan đến hợp tác, hội nhập (dòng chảy kinh tế, mạng sản xuất, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu...)

Các nội dung trên được cụ thể hóa trong các bài thi, tiểu luận kết thúc học phần: Đối với đào tạo tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên là một Đề án khởi nghiệp giả định; Đối với cựu sinh viên là một Đề án khởi nghiệp cụ thể gắn với địa phương để có thể đăng ký hình thành doanh nghiệp.

c) Hướng về người dạy, truyền đạt:

Với quan điểm: Không phải dạy, truyền đạt chỉ những gì thầy biết, mà dạy và truyền đạt những gì xã hội yêu cầu. Vì vậy, những người tham gia giảng dạy phải chủ động học tập, rèn luyện nâng cao trình độ để đáp ứng được các nội dung hướng về người học nêu trên. Cần thiết tiến hành các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hay đào tạo giảng viên nguồn về Đào tạo khởi nghiệp.

Trong quá trình đào tạo cần chú trọng việc liên kết với các nhà doanh nghiệp, quản lý nhà nước, cộng đồng xã hội tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập.

d) Gắn kết với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường:

- Đào tạo khởi nghiệp góp phần thực hiện mục tiêu chung của nhà trường gắn với quá trình tự chủ, mở rộng quy mô đào tạo và liên kết với thực tiễn.
- Chương trình Đào tạo khởi nghiệp phải nằm trong định hướng chung về đổi mới giáo dục đào tạo trong nhà trường (Xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO), gắn liền với việc huy động nguồn lực trong nhà trường; là cơ sở pháp lý cho việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.
- Chương trình Đào tạo khởi nghiệp phải nằm trong định hướng chung về hợp tác, liên kết với ngoài trường để có thể mời các chuyên gia (nhà doanh nghiệp, nhà quản lý và cộng đồng xã hội) tham gia vào Chương trình đào tạo.
- Chương trình Đào tạo khởi nghiệp phải gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường với các nội dung dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp.

e) Gắn kết với hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý ngoài trường

Đào tạo khởi nghiệp cho cựu sinh viên chỉ có thể thành công khi việc đào tạo phải gắn với điều kiện cụ thể của địa phương về thị trường, hệ thống kết cấu hạ tầng hay hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia, địa phương và các vấn đề pháp lý có liên quan...Do đặc thù của ngành xây dựng, việc đào tạo khởi nghiệp có thể bổ sung thêm các hình thức đào tạo sau:

- ***Đào tạo khởi nghiệp theo dự án:*** gắn với việc các đơn vị trong trường, khi tham gia các dự án thực tế (dự án có quy mô lớn, kéo dài trong nhiều năm) tại các địa phương, có thể tổ chức đào tạo khởi nghiệp tạo lập các doanh nghiệp phục vụ trực tiếp cho dự án đó (từ quy hoạch xây dựng, thiết kế kỹ thuật, thi công xây dựng, cung ứng vật liệu, trang thiết bị nội thất, vận hành công trình và toàn bộ dự án...).

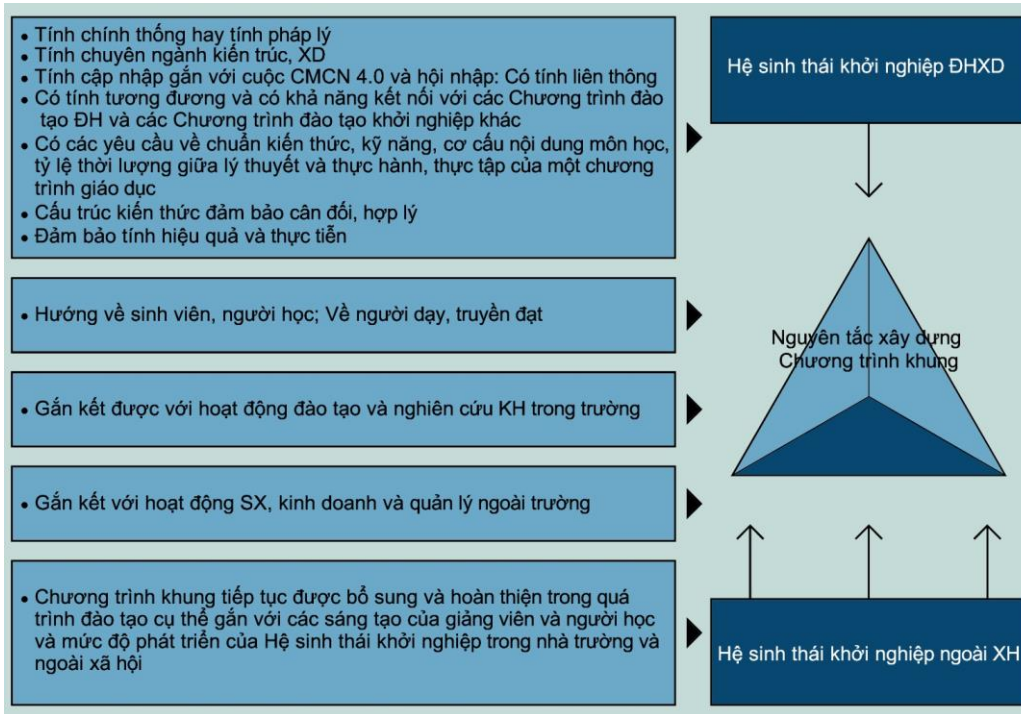
- ***Đào tạo khởi nghiệp theo chuỗi giá trị hay chuỗi phân phối sản phẩm xây dựng:***

+ Chuỗi giá trị là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng; Chuỗi phân phối sản phẩm là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp đến người tiêu dùng.

+ Trong trường hợp, chuỗi giá trị và chuỗi phân phối sản phẩm trong lĩnh vực xây dựng khởi nguồn từ các thành tựu KHCN của nhà trường và được chuyển giao cho bên ngoài, thì việc chuyển giao này có thể gắn với việc đào tạo khởi nghiệp.

f) Tiếp tục bổ sung và hoàn thiện Chương trình: Các đề xuất trong Đề tài chỉ là kết quả nghiên cứu ban đầu, cần tiếp tục hoàn thiện trong quá trình đào tạo cụ thể gắn với các sáng tạo của giảng viên, người học và mức độ phát triển của Hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường và ngoài xã hội.

Hình 2.4: NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG



2.3.2 Đề xuất Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp

1) Nội dung của Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp:

Dưới đây là nội dung của Chương trình khung Đào tạo Khởi nghiệp cho sinh viên trường ĐHXD:

A. TÊN HỌC PHẦN ĐÀO TẠO

Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng

Địa điểm: Trường Đại học Xây dựng.

Có thể sử dụng cho các trường đại học có các ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực xây dựng; Địa phương có nhu cầu đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

B. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

B.1. Mục tiêu:

- Đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học (Bậc trình độ 6) theo Khung Trình độ Quốc gia Việt Nam, được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016, trước hết là hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự chịu trách nhiệm cơ bản về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, phù hợp với Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa). Qua đó có hiểu biết để hoàn thành bài thi kết thúc học phần; Sau khi ra trường có thể nhanh chóng đáp ứng được các đòi hỏi của thực tế và tạo lập được sự nghiệp.
- Chương trình không chỉ đáp ứng nhu cầu đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên mà còn cho cả cựu sinh viên có nhu cầu khởi nghiệp.

B.2. Yêu cầu:

1) Yêu cầu về nội dung:

a) Trang bị kiến thức:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết chung về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp; Doanh nghiệp và doanh nhân; Chọn nghề lập nghiệp; Đổi mới sáng tạo trong khởi nghiệp
- Kiến thức cơ bản về pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp;
- Kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến CMCN 4.0 gắn với khởi nghiệp;
- Kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp: Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

b) Trang bị kỹ năng:

- Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết của một người khởi sự kinh doanh;
- Kỹ năng dẫn dắt, niềm tin khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác
- Kỹ năng cần thiết để hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng kinh doanh thành cơ hội kinh doanh, từ đó lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng khai thác có hiệu quả Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.
- Tăng cường kỹ năng phân biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác thông qua bài tiểu luận lập mô hình mô phỏng hoạt động kinh doanh.

c) Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Hiểu được việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua hoạt động khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp.
- Trải nghiệm việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua việc làm việc độc lập và theo nhóm; Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân...trong quá trình làm bài tiểu luận theo nhóm thực hiện mô hình mô phỏng về khởi nghiệp.

2) Yêu cầu gắn với người học và người dạy:

- Nội dung của Chương trình khung phải là các kiến thức cơ bản nhất về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp, mang tính phổ quát và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, được trình bày thành các chương mục thuận lợi cho việc học và giảng dạy trên giảng đường với một thời lượng thời gian hạn chế.
- Nội dung của Chương trình khung phải gắn với các tài liệu tham khảo có liên quan, để sinh viên có thể tự học, tăng cường kiến thức.

- Nội dung của Chương trình khung phải thể hiện được các yêu cầu làm việc nhóm, thúc đẩy việc trao đổi giữa sinh viên và giảng viên, giữa sinh viên và sinh viên.
- Bài thi kết thúc học phần (bài tiểu luận) phải thể hiện được các nội dung để từ đó có thể đánh giá được việc tiếp thu của sinh viên cũng như cách thức truyền tải kiến thức của giảng viên.

3) Khối lượng học tập tối thiểu:

Số tín chỉ: 2 tín chỉ, tương đương với 30 tiết, trong đó:

- Lý thuyết: chiếm 80% số tiết
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: không
- Tiểu luận: chiếm 20% số tiết

4) Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên từ năm thứ 4.

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết lý thuyết quy định và làm tiểu luận kết thúc học phần.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

C.1 Khái niệm chung về khởi nghiệp (Học để hình thành nhận thức về Khởi nghiệp - 6 tiết)

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP

1.1. Khái niệm chung về khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp:

- Khái niệm chung về khởi nghiệp
- Khái niệm chung về đào tạo khởi nghiệp; khởi sự doanh nghiệp

1.2. Doanh nghiệp và doanh nhân:

- Khái niệm chung về doanh nghiệp
- Doanh nghiệp Việt Nam: Loại hình doanh nghiệp; Số lượng và quy mô doanh nghiệp; Những vấn đề liên quan đến doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa
- Doanh nhân và doanh nhân Việt Nam

2. NHẬN THỨC CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP

2.1. Niềm tin khởi nghiệp và kỹ năng mềm về khởi nghiệp:

- Niềm tin khởi nghiệp
- Kỹ năng mềm về khởi nghiệp

2.2. Chọn nghề và lập nghiệp:

- Khái niệm nghề và nghiệp
- Nghề và nghiệp trên thế giới
- Nghề và nghiệp tại Việt Nam

2.3. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

- Khái niệm về đổi mới sáng tạo
- Đổi mới sáng tạo có địa chỉ người dùng
- Sáng tạo sản phẩm mới trong lĩnh vực xây dựng

C.2 Kiến thức chung về khởi nghiệp (Học để khởi nghiệp hay khởi sự kinh doanh - 12 tiết cho 6 nội dung)

1. NHẬN THỨC KINH DOANH VÀ Ý TƯỞNG KINH DOANH

1.1 Nhận thức chung về kinh doanh

1.2. Ý tưởng kinh doanh: Ý tưởng kinh doanh khi khởi nghiệp; Nhận diện cơ hội kinh doanh và đánh giá ý tưởng kinh doanh

2. KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

2.1. Tổng quan về kiến thức và kỹ năng cần thiết khi khởi sự doanh nghiệp

2.2. Lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh

2.3. Những vấn đề quản lý cơ bản theo các phương pháp quản trị

2.4. Những vấn đề thủ tục hành chính và pháp lý

3. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

3.1. Tầm quan trọng của kế hoạch kinh doanh

3.2. Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh

4. NHỮNG VẤN ĐỀ THỊ TRƯỜNG VÀ MARKETING TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

4.1. Khái niệm thị trường và thị trường xây dựng:

- Khái niệm về thị trường

- Thị trường xây dựng

4.2. Nghiên cứu thị trường trong khởi sự kinh doanh

- Thị trường tổng thể

- Thị trường chi tiết

- Các nguồn thông tin để nghiên cứu thị trường

4.3. Những vấn đề về Marketing trong khởi sự kinh doanh

5. TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

5.1. Khái quát về tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp

- Khái niệm

- Quá trình sản xuất

5.2. Nội dung của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp

5.3. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

5.4. Điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp

5.5. Tổ chức và quản lý cung ứng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

6. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

6.1. Tầm quan trọng

6.2. Vốn cho hoạt động và phát triển doanh nghiệp

6.3. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp

- Quy trình quản trị tài chính

- Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính dự toán

6.4. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp

CÁC TÀI LIỆU CẦN ĐỌC BỔ SUNG LÀM RÕ CÁC NỘI DUNG TRÊN

Tự học tại nhà: 6 Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày

13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa): i) Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; ii) Lập kế hoạch kinh doanh; iii) Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; iv) Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; v) Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp; v) Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp.

(Các nội dung này được đăng trên WEB bmktcn.com).

C.3 Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh (Học để hình thành cộng đồng khởi nghiệp, tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết - 6 tiết):

1. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP VÀ HỆ SINH THÁI KINH DOANH

1.1. Khái niệm chung về Hệ sinh thái khởi nghiệp và hệ sinh thái kinh doanh

1.2. Một số mô hình trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường đại học

2. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

2.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường Đại học Xây dựng

2.2. Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong Hệ sinh thái

C.4 Bài thi kết thúc học phần chuyên đề (Thực hành mô hình mô phỏng khởi nghiệp - 6 tiết)

1) Yêu cầu: Cụ thể hóa và làm rõ các nội dung lý thuyết trong quá trình học tập chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, về cả kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm.

2) Cách thức thực hiện: Bài thi kết thúc học phần theo dạng một bài tiểu luận về hình thành một **Dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong môi trường mô phỏng**, gồm:

a) Chia lớp thành các nhóm, từ 5-7 sinh viên, học viên; quy mô đủ lớn để có thể thực hiện được các nội dung của học phần và tổ chức làm việc theo nhóm.

b) Các nhóm sinh viên vận dụng kiến thức được truyền đạt trên giảng đường, tự học để hình thành ý tưởng về một dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, ví dụ như: doanh nghiệp tư vấn kiến trúc, quy hoạch, kinh doanh bất động sản, xây dựng....

c) Thời gian thực hiện:

- Bắt đầu: Khi kết thúc Bài 1 và 2 của mục C.2 (sau 12 tiết học; bắt đầu từ tuần thứ 5);

- 3 tuần tiếp theo (9 tiết): vừa học lý thuyết vừa trao đổi với giảng viên về dự án khởi nghiệp;

- 2 tuần cuối cùng (6 tiết): thời gian trao đổi với các Nhà tư vấn dẫn dắt để thực hiện dự án thử nghiệm.

3) Nội dung của bài tiểu luận kết thúc học phần:

a) **Nội dung chính của bài tiểu luận:**

- Tên của Doanh nghiệp (tên, thương hiệu, biểu tượng, trang WEB);

- Mục tiêu của doanh nghiệp (ngắn hạn, dài hạn, kinh doanh hay phục vụ cộng đồng...);

- Ý tưởng hình thành sản phẩm và ý tưởng kinh doanh;

- Lập kế hoạch kinh doanh: Kế hoạch hình thành sản phẩm, gắn với quá trình tạo lập sản phẩm: Sản phẩm; Tổ chức sản xuất (gắn với lựa chọn công nghệ quản lý và kỹ thuật; dòng tiền; địa điểm...); Tiêu dùng sản phẩm (gắn với thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm);

- Tổ chức điều hành doanh nghiệp;

- Dự báo cơ hội thành công và thất bại (lợi nhuận, vị thế) của doanh nghiệp.

Các nội dung trên gắn với việc phân công thực hiện của các thành viên trong nhóm để có thể cụ thể hóa mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

b) Các nội dung liên quan đến ĐMST: Ý tưởng về các công nghệ mang tính đổi mới và mang lại sản phẩm/dịch vụ mới, làm tăng khả năng cạnh tranh, mang lại cơ hội tồn tại và phát triển cho doanh nghiệp khởi nghiệp;

c) Các nội dung mang tính thực tiễn: Ý tưởng của khởi nghiệp có khả năng triển khai trong thực tế (có thể tham gia các cuộc thi về khởi nghiệp trong và ngoài nước).

4) Hỗ trợ sinh viên thực hiện học phần:

Ngoài giảng viên giảng dạy lý thuyết, việc thực hiện học phần của sinh viên còn được hỗ trợ qua việc tận dụng các ưu thế của Hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường (Các tổ chức thúc đẩy khởi nghiệp; Nhà tư vấn dẫn dắt; Hệ thống sẵn sàng về công nghệ trong và ngoài nước có liên quan; Mạng xã hội về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng...).

5) Đánh giá kết thúc học phần:

Nhóm sinh viên Khởi nghiệp sẽ trình bày Dự án khởi nghiệp trước Hội đồng đánh giá, gồm các Bộ môn, Khoa chuyên môn, các tổ chức và doanh nghiệp có liên quan. Sau đó, Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy tổng hợp các ý kiến của các thành viên Hội đồng thành điểm kết thúc học phần.

Điểm đánh giá với từng nội dung:

- Có dự án khởi nghiệp với nội dung nêu trên: điểm cao nhất 6 điểm.
- Có nội dung mang tính ĐMST: điểm cao nhất 1,5 điểm.
- Có nội dung mang tính thực tiễn: điểm cao nhất 1,5 điểm.
- Điểm trình bày dự án, báo cáo, bảo vệ trước hội đồng: 1 điểm.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỌC PHẦN

D.1. Cách thức truyền tải nội dung thực hiện học phần:

1) Cách thức học và dạy:

a) Việc truyền tải nội dung học phần phải gắn liền và đáp ứng được Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học trong lĩnh vực xây dựng, trước hết là hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

b) Việc tiếp thu kiến thức của sinh viên bao gồm cả việc học trên giảng đường và việc tự học ở nhà với các tài liệu tham khảo về khởi nghiệp và các sự kiện khởi nghiệp từ xã hội;

c) Các nội dung học phần được tiến hành giảng dạy song song với việc phân chia nhóm sinh viên thành các tổ chức khởi nghiệp giả định, để tiến hành theo nhóm các dự án thử nghiệm về khởi nghiệp. Vừa học lý thuyết vừa thực hành.

d) Khởi nghiệp không phải vấn đề mang tính đơn ngành, vì vậy khi giảng dạy, giảng viên cần mở rộng thêm các kiến thức về kinh tế, xã hội, thể chế và văn hóa; kiến thức công nghệ thông tin và liên ngành có liên quan.

e) Giảng viên trong quá trình giảng dạy phải kết hợp được truyền tải niềm tin khởi nghiệp với các kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp phù hợp với từng chuyên ngành. Tăng cường trao đổi giữa sinh viên và giảng viên, giữa sinh viên và sinh viên.

f) Củng cố các kiến thức chuyên ngành đã học có liên quan; Tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm (đã có

được từ các học phần khác trong quá trình đào tạo).

g) Thúc đẩy gắn kết giữa sinh viên với cộng đồng trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp (trong và ngoài trường), để sinh viên làm quen với việc chủ động tìm kiếm hỗ trợ, khai thác trong quá trình học tập tại trường và sau này khi ra trường.

2) Các giai đoạn thực hiện học phần: gồm 4 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Giảng viên cung cấp cho sinh viên các nhận thức về khởi nghiệp hay phương thức đổi mới tư duy, chọn nghề lập nghiệp, rèn luyện kỹ năng mềm, ĐMST dưới góc nhìn khởi nghiệp.

b) Giai đoạn 2: Giảng viên cung cấp cho sinh viên kiến thức về khởi nghiệp theo 6 nội dung (các chương nêu trên) được cho là cốt lõi của khởi sự doanh nghiệp; Cách thức khai thác và kết nối trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp. Sinh viên tự học ở nhà để hoàn thiện các kiến thức học được trên giảng đường. Giai đoạn này bắt đầu cùng với việc phân chia lớp thành các nhóm để tiến hành dự án khởi nghiệp thử nghiệm.

c) Giai đoạn 3: Các nhóm tiến hành thực hiện dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong một môi trường mô phỏng, dưới sự trợ giúp của các chuyên gia (các nhà tư vấn dẫn dắt). Đây cũng là bài thi hay bài luận để giảng viên (kết hợp với các chuyên gia) đánh giá và cho điểm kết thúc học phần.

d) Giai đoạn 4: Sau khi kết thúc học phần, giảng viên và chuyên gia lựa chọn các dự án khởi nghiệp có ý tưởng độc đáo để sinh viên tiếp tục hoàn thiện, tham gia các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong và ngoài nước; giới thiệu với các tổ chức doanh nghiệp, doanh nhân để có thể thương mại hóa (trước hết là thương mại hóa tài sản trí tuệ). Đây cũng là khởi nguồn cho việc hình thành hệ thống các doanh nghiệp xây dựng mới trong tương lai.

3) Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: có
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: không
- Thi giữa học phần: không
- Tiểu luận, bài tập lớn: có
- Khác:

4. Đánh giá học phần (ĐHP): Cán bộ phụ trách giảng dạy cho 2 điểm thành phần, gồm:

a) Điểm quá trình học tập (ĐQT), được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến không phẩy năm (0,5), được tổng hợp từ: Điểm đánh giá nhận thức và thái độ học tập; điểm chuyên cần.

b) Điểm thi kết thúc học phần (ĐKT), được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến không phẩy năm (0,5).

Phòng Đào tạo tính điểm tổng hợp đánh giá học phần theo công thức:

$$\text{ĐHP} = 0,3 \times \text{ĐQT} + 0,7 \text{ ĐKT.}$$

Bảng 3.1. PHÂN BỐ NỘI DUNG ĐÀO TẠO, SỐ TIẾT VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA THỰC HIỆN ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP CHO SINH VIÊN

TT	Tên học phần	Số tiết	Đơn vị tham gia thực hiện
C1	Tổng quan về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức chung về khởi nghiệp)	6	
1	Khái niệm chung về khởi nghiệp	3	Giảng viên ĐHXD
1.1	Khái niệm về khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp		
1.2	Doanh nghiệp và doanh nhân		
2	Nhận thức chung về khởi nghiệp	3	
2.1	Niềm tin khởi nghiệp và kỹ năng mềm về khởi nghiệp		Chuyên gia bên ngoài
2.2	Chọn nghề, lập nghiệp		
2.3	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		
C2	Kiến thức chung về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức và ý tưởng kinh doanh)	12	
1	Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh	2	
2	Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp	2	
3	Lập kế hoạch kinh doanh trong khởi sự doanh nghiệp	2	
4	Vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp	2	
5	Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp	2	
6	Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp	2	
C3	Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp (học để tham gia cộng đồng khởi nghiệp, chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết)	6	Giảng viên ĐHXD
1	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP VÀ HỆ SINH THÁI KINH DOANH	3	
1.1	Khái niệm về Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh		
1.2	Một số mô hình trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại trường đại học		
2	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐHXD	3	
2.1	Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐHXD		
2.2	Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp		
C4	Bài tiểu luận kết thúc học phần (thực hành mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp)	6	Giảng viên ĐHXD và chuyên gia bên ngoài
1	Tạo lập mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp		
2	Đánh giá mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp và hình thành các kết nối khởi nghiệp		
	Tổng cộng	30	

2) Tổ chức giảng dạy:

- Việc tổ chức giảng dạy Chuyên đề Khởi nghiệp trong xây dựng tương tự như các học phần khác trong Chương trình đào tạo của Trường ĐHXD.
- Các Khoa có trách nhiệm tổ chức đào tạo: Phân công Bộ môn giảng dạy và kết hợp với các tổ chức cá nhân bên ngoài giảng dạy.
- Giảng viên giảng dạy học phần Khởi nghiệp, trên cơ sở Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp tiến hành lập Đề cương chi tiết học phần Khởi nghiệp để thực hiện giảng dạy.

- Cách tính toán khối lượng giờ giảng, bồi dưỡng cho giảng viên tương đương như các học phần khác trong Chương trình đào tạo của Trường ĐHXD hiện nay.

Trong giai đoạn đầu, các Khoa theo chuyên ngành riêng, cần tổ chức đào tạo cán bộ giảng dạy nguồn tại các Bộ môn cho việc đào tạo khởi nghiệp.

Nội dung đào tạo cán bộ nguồn có thể tham khảo tại Phần 2.2 của Đề tài: Cơ sở khoa học xây dựng chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và các tài liệu chuyên đề về khởi nghiệp khác có liên quan.

3) Đánh giá Chương trình Đào tạo khởi nghiệp đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học:

Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016: Bậc trình độ: 6; Khối lượng học tập tối thiểu: 120 - 180 tín chỉ; Văn bằng chứng chỉ: Bằng đại học.

Bảng 3.2. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGƯỜI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

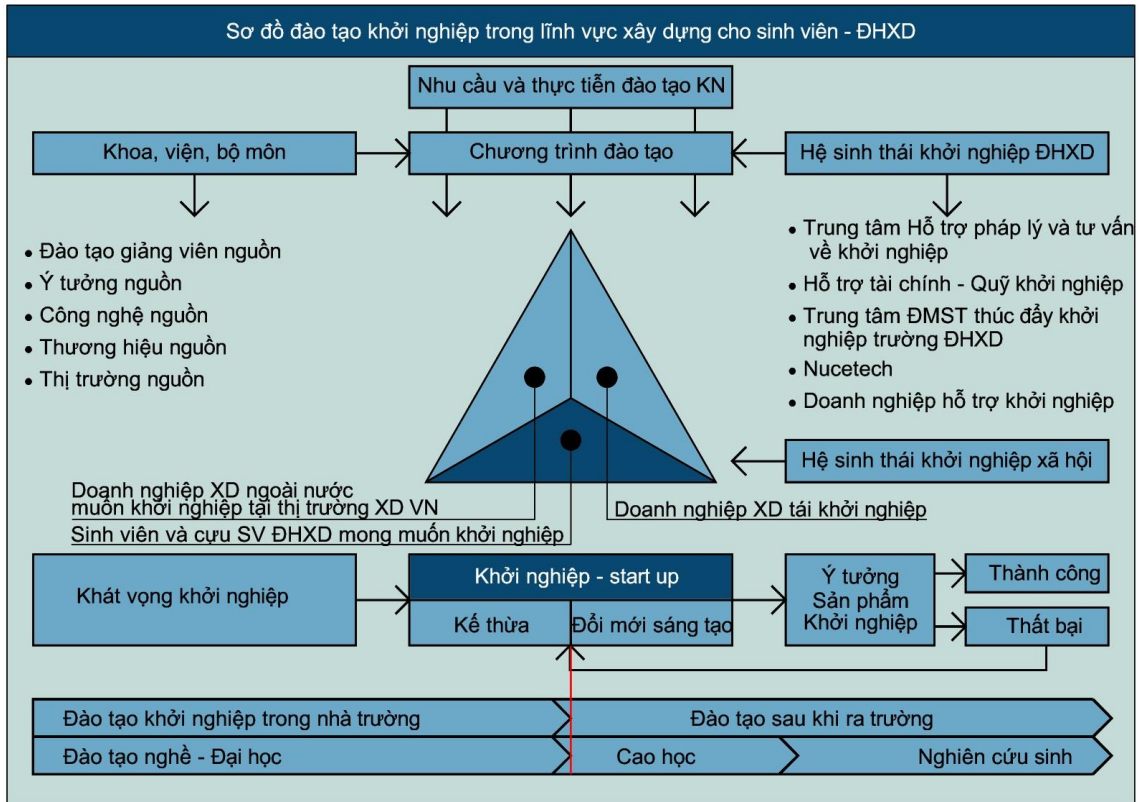
Chuẩn đầu ra		Nội dung đào tạo khởi nghiệp
Kiến thức	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo;	Kiến thức thực tế và lý thuyết chung về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp; Doanh nghiệp và doanh nhân; Chọn nghề lập nghiệp; Đổi mới sáng tạo trong khởi nghiệp
	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật;	Kiến thức cơ bản về pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp
	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;	Kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến CMCN 4.0 gắn với khởi nghiệp
	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể;	Kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp; Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh
	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	
Kỹ năng	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết vấn đề phức tạp;	Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết của một người khởi sự kinh doanh;
	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác
	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc	Kỹ năng cần thiết để hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng kinh doanh thành cơ hội kinh doanh, từ đó lập kế hoạch

Chuẩn đầu ra		Nội dung đào tạo khởi nghiệp
	thay đổi; Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;	kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng khai thác có hiệu quả Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.
	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;	Tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác thông qua bài tiểu luận lập mô hình mô phỏng hoạt động kinh doanh.
	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Không
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm đối với nhóm; - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua hoạt động khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp. - Trải nghiệm việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua việc làm việc độc lập và theo nhóm; Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân...trong quá trình làm bài tiểu luận theo nhóm thực hiện mô hình mô phỏng về khởi nghiệp.

Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng cho sinh viên sẽ tiếp tục được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng của từng giảng viên theo các Khoa, Bộ môn chuyên ngành.

Tại Phần phụ lục giới thiệu Học phần chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng (kiến trúc) đã được giảng dạy thử nghiệm tại Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Trường ĐHXD.

Hình 2.5: SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHO SINH VIÊN ĐHXD



2.3.3 Đề xuất Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp tại các địa phương

1) Nội dung của Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp:

Dưới đây là nội dung của Chương trình khung Đào tạo khởi nghiệp của Khóa học khởi nghiệp dành cho cựu sinh viên tại địa phương.

A. TÊN CHƯƠNG TRÌNH

Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng

Địa điểm: Tỉnh, Thành phố...; Dự án;

B. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

B.1. Mục tiêu:

1) Mục tiêu chung:

Đào tạo khởi nghiệp để học viên có: Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ và chịu trách nhiệm của một doanh nhân trong bối cảnh hội nhập quốc gia, quốc tế; cuộc CMCN 4.0, qua đó góp phần:

- Hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển khu vực tư nhân; Thúc đẩy năng lực ĐMST trên địa bàn tỉnh, thành phố;
- Hình thành thêm nhiều doanh nghiệp xây dựng thể hệ mới, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường xây dựng tại khu vực đô thị, nông thôn; phát triển bền vững và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; Gia tăng đóng góp thuế và tạo lập tầng lớp trung lưu trong xã hội, tạo thêm nhiều việc làm.
- Hình thành các doanh nghiệp mới hoặc tái khởi nghiệp doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu thực hiện có hiệu quả một dự án lớn của quốc gia, địa phương.

2) Mục tiêu cụ thể:

- Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự chịu trách nhiệm cơ bản về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, phù hợp với Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa). Sau khi kết thúc khóa học có thể khởi sự doanh nghiệp thành công.
- Mở rộng phạm vi đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng trong nhà trường:
 - + Theo các khóa cho các địa phương gắn với nhu cầu về tạo lập doanh nghiệp xây dựng mới cho các địa phương có nhu cầu.
 - + Theo các dự án với quy mô phù hợp với từng dự án.
- Thúc đẩy hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp của nhà trường.

B.2. Yêu cầu:

1) Yêu cầu về nội dung:

a) Trang bị kiến thức:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết chung về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp; Doanh nghiệp và doanh nhân; Chọn nghề lập nghiệp; ĐMST trong khởi nghiệp;
- Kiến thức cơ bản về pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp;
- Kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến CMCN 4.0 gắn với khởi nghiệp;
- Kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp; Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

b) Trang bị kỹ năng:

- Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết của một người khởi sự kinh doanh.
- Kỹ năng dẫn dắt, niềm tin khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- Kỹ năng cần thiết để hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng kinh doanh thành cơ hội kinh doanh, từ đó lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng khai thác có hiệu quả Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

- Tăng cường kỹ năng phân biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác thông qua bài tiểu luận lập mô hình mô phỏng hoạt động kinh doanh.

c) Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Hiểu được việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua hoạt động khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp.
- Trải nghiệm việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua bài tiểu luận kết thúc khóa học.

2) Yêu cầu gắn với người học và người dạy:

- Nội dung của Chương trình khung phải là các kiến thức cơ bản nhất về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp, mang tính phổ quát và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, gắn liền với điều kiện của địa phương hoặc của dự án, được trình bày thành các chương mục thuận lợi cho việc học và giảng dạy trên giảng đường, theo khóa học với một thời lượng thời gian hạn chế.
- Nội dung của Chương trình khung phải gắn với các tài liệu tham khảo có liên quan, để học viên có thể tự học, tăng cường kiến thức.
- Nội dung của Chương trình khung phải thể hiện được các yêu cầu làm việc nhóm, thúc đẩy việc trao đổi giữa học viên và giảng viên, giữa học viên và học viên.
- Bài thi kết thúc khóa học (bài tiểu luận) để cấp chứng chỉ phải thể hiện được các nội dung để từ đó có thể đánh giá được việc tiếp thu của học viên cũng như cách thức truyền tải kiến thức của giảng viên.

3) Khối lượng học tập tối thiểu và thời gian học:

a) Khối lượng học tập

Số tín chỉ: 3 tín chỉ, tương đương với 45 tiết, trong đó:

- Lý thuyết chiếm 60% số tiết
- Thảo luận chiếm 20% số tiết
- Tiểu luận kết thúc khóa học: chiếm 20% số tiết

b) Thời gian học:

- Phương án 1: Học tập trung vào các ngày trong tuần, mỗi buổi 5 tiết, cả ngày 10 tiết, mỗi tuần 5 ngày (từ thứ 2 đến thứ 6), tương đương với khoảng 1 tuần;
- Phương án 2: Học tập trung vào cuối tuần, cả ngày thứ 6, thứ 7, sáng chủ nhật, mỗi tuần 25 tiết, tương đương với khoảng 2 tuần.
- Phương án 3: Học tập trung vào các buổi tối trong tuần, 3 tiết mỗi ngày, một tuần 15 tiết, tương đương khoảng 3 tuần.

C. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

C.1 Khái niệm chung về khởi nghiệp (Học để hình thành nhận thức về Khởi nghiệp - 9 tiết)

1. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP

1.1. Khái niệm chung về khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp

- Khái niệm chung về khởi nghiệp
- Khái niệm chung về đào tạo khởi nghiệp; khởi sự doanh nghiệp

1.2. Doanh nghiệp và doanh nhân

- Khái niệm chung về doanh nghiệp
- Doanh nghiệp Việt Nam: Loại hình doanh nghiệp; Số lượng và quy mô doanh nghiệp; Những vấn đề liên

quan đến doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa

- Doanh nhân và doanh nhân Việt Nam

2. NHẬN THỨC CHUNG VỀ KHỞI NGHIỆP

2.1. Niềm tin khởi nghiệp và kỹ năng mềm về khởi nghiệp

- Niềm tin khởi nghiệp

- Kỹ năng mềm về khởi nghiệp

2.2. Chọn nghề và lập nghiệp

- Khái niệm nghề và nghiệp

- Nghề và nghiệp trên thế giới

- Nghề và nghiệp tại Việt Nam

2.3. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

- Khái niệm về đổi mới sáng tạo

- Đổi mới sáng tạo có địa chỉ người dùng

- Sáng tạo sản phẩm mới trong lĩnh vực xây dựng

3. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP GẮN VỚI ĐỊA PHƯƠNG HAY DỰ ÁN

C.2 Kiến thức chung về khởi nghiệp (Học để khởi nghiệp hay khởi sự kinh doanh - 18 tiết cho 6 nội dung)

1. NHẬN THỨC KINH DOANH VÀ Ý TƯỞNG KINH DOANH

1.1 Nhận thức kinh doanh và cơ hội kinh doanh

1.2 Ý tưởng kinh doanh và lựa chọn ý tưởng kinh doanh

2. KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

2.1. Tổng quan về kiến thức và kỹ năng cần thiết khi khởi sự doanh nghiệp

2.2. Lựa chọn mô hình tổ chức kinh doanh

2.3. Những vấn đề quản lý cơ bản

2.4. Những vấn đề thủ tục hành chính và pháp lý

3. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

3.1. Tầm quan trọng của kế hoạch kinh doanh

3.2. Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh

4. NHỮNG VẤN ĐỀ THỊ TRƯỜNG VÀ MARKETING TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

4.1. Khái niệm thị trường và thị trường xây dựng

4.2. Nghiên cứu thị trường trong khởi sự kinh doanh

4.3. Những vấn đề về Marketing trong khởi sự kinh doanh

5. TỔ CHỨC SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

5.1. Khái quát về tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp

5.2. Nội dung của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp

5.3. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

5.4. Điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp

5.5. Tổ chức và quản lý cung ứng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

6. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

- 6.1. Tầm quan trọng
- 6.2. Vốn cho hoạt động và phát triển doanh nghiệp
- 6.3. Quản trị tài chính trong doanh nghiệp khởi nghiệp
- 6.4. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp

CÁC TÀI LIỆU CẦN ĐỌC BỔ SUNG LÀM RÕ CÁC NỘI DUNG TRÊN

Tự học: 6 Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa): i) Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; ii) Lập kế hoạch kinh doanh; iii) Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; iv) Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; v) Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp; v) Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp.

(Các nội dung này được đăng trên WEB bmkctn.com.)

C.3 Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh (Học để hình thành cộng đồng khởi nghiệp, tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết - 6 tiết)

1. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP VÀ HỆ SINH THÁI KINH DOANH

- 1.1. Khái niệm chung về Hệ sinh thái khởi nghiệp và hệ sinh thái kinh doanh
- 1.2. Một số mô hình trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường đại học

2. HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG

- 2.1. Hệ sinh thái khởi nghiệp Đại học Xây dựng
- 2.2. Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp

C.4 Bài tiểu luận kết thúc khóa học (Thực hành mô hình mô phỏng khởi nghiệp - 6 tiết)

1) Yêu cầu: Cụ thể hóa và làm rõ các nội dung lý thuyết trong quá trình học tập chuyên đề Tinh thần Khởi nghiệp trong xây dựng, về cả kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm.

2) Cách thức thực hiện: Bài tiểu luận kết thúc khóa học theo dạng hình thành một ***Dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong môi trường địa phương***, gồm:

- a) Mỗi học viên làm một tiểu luận riêng, gắn với khát vọng khởi sự doanh nghiệp của học viên.
- b) Học viên vận dụng kiến thức đã học để hình thành ý tưởng về một dự án khởi nghiệp. Việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp về một sản phẩm/ dịch vụ nào đó do học viên tự quyết định kết hợp với ý kiến tham khảo của giảng viên.

Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ khi học mục Kiến thức chung về khởi nghiệp C.2 cho đến kết thúc khóa học.

3) Nội dung của bài tiểu luận kết thúc khóa học: Nội dung của bài tiểu luận của mỗi học viên là một dự án khởi sự doanh nghiệp gồm:

- Tên của Doanh nghiệp (tên, thương hiệu, biểu tượng, trang WEB);
- Mục tiêu của doanh nghiệp (ngắn hạn, dài hạn, kinh doanh hay phục vụ cộng đồng...);
- Ý tưởng hình thành sản phẩm và ý tưởng kinh doanh;
- Lập kế hoạch kinh doanh: Kế hoạch hình thành sản phẩm, gắn với quá trình tạo lập sản phẩm: Sản phẩm; Tổ chức sản xuất (gắn với lựa chọn công nghệ quản lý và kỹ thuật; dòng tiền; địa điểm...); Tiêu dùng sản

phẩm (gắn với thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm;

- Tổ chức điều hành doanh nghiệp;

- Dự báo cơ hội thành công và thất bại (lợi nhuận, vị thế) của doanh nghiệp.

Các nội dung trên gắn với việc chuẩn bị hình thành doanh nghiệp.

4) Hỗ trợ học viên thực hiện học phần:

Ngoài giảng viên giảng dạy lý thuyết, việc thực hiện học phần của học viên còn được hỗ trợ qua việc tận dụng các ưu thế của Hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường (Các tổ chức thúc đẩy khởi nghiệp; Nhà tư vấn dẫn dắt; Hệ thống sẵn sàng về công nghệ trong và ngoài nước có liên quan; Mạng xã hội về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng...)

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KHÓA HỌC

D.1. Cách thức truyền tải nội dung thực hiện khóa học:

1) Cách thức học và dạy:

a) Việc truyền tải nội dung học phần phải đáp ứng được mong muốn khởi nghiệp thành công gắn liền với điều kiện địa phương và các dự án có liên quan đến khởi nghiệp.

b) Việc tiếp thu kiến thức của học viên bao gồm cả việc học tập trung và việc tự học ở nhà với các tài liệu tham khảo về khởi nghiệp và các sự kiện khởi nghiệp từ xã hội.

c) Các nội dung học phần được tiến hành giảng dạy song song với việc tiến hành dự án thử nghiệm về khởi nghiệp. Vừa học lý thuyết vừa thực hành.

d) Khởi nghiệp không phải vấn đề mang tính đơn ngành, vì vậy khi giảng dạy, giảng viên cần mở rộng thêm các kiến thức về kinh tế, xã hội, thể chế và văn hóa; kiến thức công nghệ thông tin và liên ngành có liên quan, đặc biệt là điều kiện của địa phương.

e) Giảng viên trong quá trình giảng dạy phải kết hợp được truyền tải niềm tin khởi nghiệp với các kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp phù hợp với từng chuyên ngành. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm cá nhân và thực tiễn tại từng địa phương giữa học viên và giảng viên, giữa học viên và học viên..

e) Củng cố các kiến thức chuyên ngành đã học có liên quan; Tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm (đã có được từ các học phần khác trong quá trình đào tạo).

f) Thúc đẩy gắn kết giữa học viên với cộng đồng trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp (trong và ngoài trường), để học viên làm quen với việc chủ động tìm kiếm hỗ trợ, khai thác trong quá trình khởi nghiệp sau này.

2) Các giai đoạn thực hiện học phần: gồm 4 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Giảng viên cung cấp cho học viên các nhận thức về khởi nghiệp hay phương thức đổi mới tư duy, chọn nghề lập nghiệp, rèn luyện kỹ năng mềm, ĐMST dưới góc nhìn khởi nghiệp. Trong giai đoạn này học viên phải tự nghiên cứu các vấn đề khởi sự doanh nghiệp tại địa phương để định hình ý tưởng và cơ hội kinh doanh (gắn với việc lựa chọn nghề trong Hệ thống ngành kinh tế có liên quan đến lĩnh vực xây dựng).

b) Giai đoạn 2: Giảng viên cung cấp cho học viên kiến thức về khởi nghiệp theo 6 nội dung (chương nêu trên) được cho là cốt lõi của khởi sự doanh nghiệp; Cách thức khai thác và kết nối trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp. Học viên tự học ở nhà để hoàn thiện các kiến thức học được trên giảng đường. Giai đoạn này bắt đầu cùng với hình thành ý tưởng kinh doanh, chuẩn bị cho việc làm tiểu luận kết thúc khóa học.

c) Giai đoạn 3: Học viên tiến hành thực hiện dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong một môi trường mô phỏng

tại địa phương hoặc dự án có liên quan, dưới sự trợ giúp của các chuyên gia (các nhà tư vấn dẫn dắt). Đây cũng là bài luận để giảng viên (kết hợp với các chuyên gia) đánh giá và cho điểm kết thúc học phần.

d) Giai đoạn 4: Sau khi kết thúc học phần, giảng viên và chuyên gia lựa chọn các dự án khởi nghiệp có ý tưởng độc đáo để học viên tiếp tục hoàn thiện, nhằm thương mại hóa ý tưởng khởi nghiệp, kêu gọi vốn đầu tư và hình thành doanh nghiệp.

3. Tiêu chuẩn đánh giá học viên:

- Chuyên cần: không
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận : có
- Thi giữa học phần: không
- Tiểu luận, bài tập lớn: có
- Khác:

4. Đánh giá khóa học:

Học viên Khởi nghiệp sẽ trình bày Dự án khởi nghiệp trước Hội đồng đánh giá, gồm các giảng viên bộ môn, khoa chuyên môn, các nhà tư vấn và các doanh nghiệp có liên quan... Sau đó, Hội đồng đánh giá cho điểm kết thúc khóa học, là cơ sở để cấp chứng chỉ đào tạo và tạo niềm tin khởi nghiệp cho học viên.

Chứng chỉ có 3 mức đánh giá: Loại giỏi: từ 8,5 điểm trở lên; Loại khá: từ 7 điểm đến 8,4 điểm; Loại trung bình: từ 5 điểm đến 6,9 điểm.

Bảng 3.2. BẢNG PHÂN BỐ NỘI DUNG ĐÀO TẠO, SỐ TIẾT VÀ ĐƠN VỊ THAM GIA THỰC HIỆN ĐÀO TẠO CHO CỰU SINH VIÊN

TT	Tên môn học	Số tiết	Đơn vị tham gia thực hiện
C1	Tổng quan về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức chung về khởi nghiệp)	9	
1	Khái niệm chung về khởi nghiệp	3	Giảng viên ĐHXD
1.1	Khái niệm về khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp		
1.2	Doanh nghiệp và doanh nhân		
2	Nhận thức chung về khởi nghiệp	3	
2.1	Niềm tin khởi nghiệp và kỹ năng mềm về khởi nghiệp		Chuyên gia bên ngoài
2.2	Chọn nghề, lập nghiệp		
2.3	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		
3	Thảo luận về bối cảnh khởi nghiệp địa phương	3	
C2	Kiến thức chung về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức và ý tưởng kinh doanh)	21	
1	Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh	3	
2	Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp	3	
3	Lập kế hoạch kinh doanh trong khởi sự doanh nghiệp	3	
4	Vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp	3	
5	Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp	3	
6	Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp	3	
7	Thảo luận về các kiến thức liên quan đến khởi nghiệp	3	

TT	Tên môn học	Số tiết	Đơn vị tham gia thực hiện
C3	Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp (học để tham gia cộng đồng khởi nghiệp, chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết)	6	Giảng viên ĐHXD
1	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP VÀ HỆ SINH THÁI KINH DOANH	3	
1.1	Khái niệm về Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh		
1.2	Một số mô hình trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại trường đại học		
2	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐHXD	3	
2.1	Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐHXD		
2.2	Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp		
C4	Bài tiểu luận kết thúc học phần (thực hành mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp tại địa phương và dự án có liên quan)	9	Giảng viên ĐHXD và chuyên gia bên ngoài
1	Tạo lập mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp		
2	Đánh giá mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp và hình thành các kết nối khởi nghiệp		
	Tổng cộng	45	

2) Tổ chức thực hiện khóa đào tạo khởi nghiệp

a) Tuyển chọn học viên: Đơn vị tuyển chọn học viên: Tổ chức Khởi nghiệp địa phương; Đơn vị được phân công của trường ĐHXD.

b) Số lượng đào tạo:

- Tổ chức mỗi năm mỗi lớp với số lượng học viên khoảng 50 người đến từ các vùng khác nhau của từng địa phương. Có thể tổ chức đồng thời tại nhiều địa phương.
- Việc đào tạo không phân cụ thể theo ngành mà đào tạo chung. Trong quá trình thực hành mô hình mô phỏng khởi nghiệp doanh nghiệp, học viên được bổ sung thêm các kiến thức, kỹ năng phù hợp với mô hình doanh nghiệp mà học viên lựa chọn.

c) Yêu cầu học viên:

- Trình độ: Tốt nghiệp đại học trở lên ngành xây dựng và các ngành có liên quan.
- Độ tuổi:
- Các yêu cầu khác: Thành thạo công nghệ thông tin.

d) Quy trình tuyển chọn:

- Làm đơn được nộp qua mẫu đơn trực tuyến trên trang WEB khởi nghiệp của địa phương hoặc của trường đại học.
- Nội dung của đơn: i) Đơn kèm theo một đề xuất ý tưởng rõ ràng về việc hình thành một doanh nghiệp (mẫu đơn được cung cấp trên trang WEB); ii) Thư giới thiệu của Hiệp hội doanh nghiệp địa phương hoặc Trung tâm khởi nghiệp của địa phương (nếu có, tải lên mạng theo dạng tệp pdf.); iii) Photocopy bằng tốt nghiệp đại học.
- Cơ chế tuyển chọn: Dựa trên ý kiến của Hội đồng tuyển chọn và Ban cố vấn Chương trình là những nhà tư vấn, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp. Toàn bộ quá trình tuyển chọn được công khai

trên trang thông tin điện tử của Chương trình và thông qua các buổi tuyển chọn có sự tham gia của tất cả những người mong muốn chứng kiến.

e) Tổ chức đào tạo: Địa điểm đào tạo: Tại địa phương; Có thể tiến hành theo phương thức một phần đào tạo từ xa qua mạng, một phần đào tạo tập trung.

f) Đơn vị tham gia đào tạo:

- Nhóm các chuyên gia về KHCN trong lĩnh vực xây dựng, chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực có liên quan trong Trường ĐHXD và ngoài trường, ngoài nước.
- Các tổ chức gắn với khởi nghiệp của địa phương.

g) Phương thức và thời gian đào tạo: Căn cứ theo thời gian đào tạo và nội dung của Chương trình khung, thời gian học có thể tiến hành theo một trong ba phương án kể trên, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của từng khóa học (học trong 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần).

h) Chi phí đào tạo:

- Chi phí học phí: Đóng góp của học viên và sự hỗ trợ Đào tạo khởi sự doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chính sách của Nhà nước và của địa phương.
- Chi phí đi lại, sinh hoạt tập trung của học viên: Tự chi trả.
- Thù lao và các chi phí cho giảng viên: theo quy định chung của Nhà nước và của nhà trường.

3) Dự báo hiệu quả của Chương trình đào tạo khởi nghiệp tại địa phương

Đánh giá Chương trình đào tạo khởi nghiệp tại địa phương không căn cứ theo Chuẩn đầu ra mà theo hiệu quả:

- Số doanh nghiệp được hình thành sau đào tạo, cùng với đó là số việc làm mà doanh nghiệp tạo ra và số vốn tư nhân mà các doanh nghiệp khởi nghiệp thu hút được.
- Mối quan hệ hợp tác giai đoạn tiếp sau giữa doanh nghiệp khởi nghiệp và nhà trường; Các tiêu chí trên được đánh giá theo từng năm, từ khi Chương trình thực hiện, cập nhập vào Hệ thống cơ sở dữ liệu đào tạo khởi nghiệp của nhà trường.

4) Đơn vị chuyên trách tổ chức thực hiện khóa đào tạo khởi nghiệp tại địa phương

a) Dự kiến các đơn vị tham gia tổ chức đào tạo khởi nghiệp tại địa phương: Đơn vị chịu trách nhiệm trước nhà trường về Đào tạo khởi nghiệp có thể theo các dạng sau:

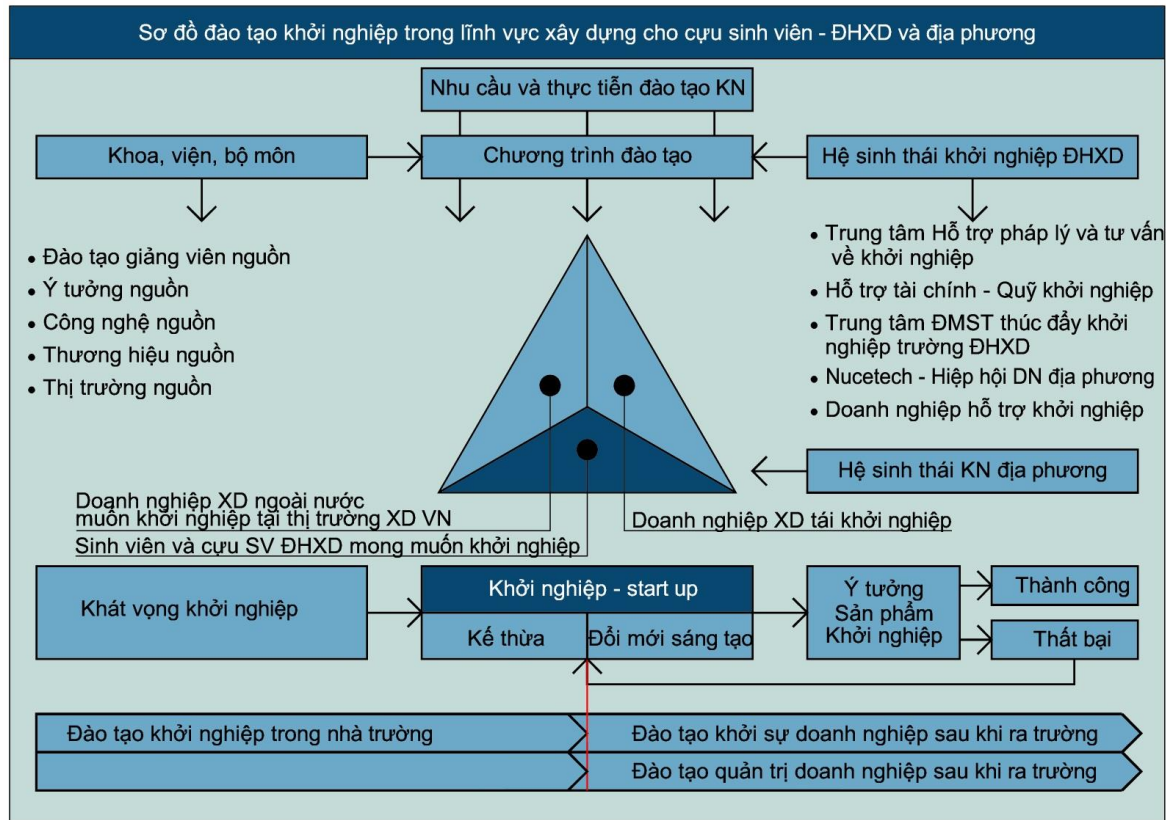
- Thành lập đơn vị mới, chuyên cho việc đào tạo, ví dụ như: Trung tâm Đào tạo Khởi nghiệp ĐHXD; Trung tâm (Viện) Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp ĐHXD..
- Là một nội dung mới cho các đơn vị hiện có của nhà trường: Khoa Đào tạo Sau Đại học; Khoa Đào tạo Quốc tế (và khởi nghiệp).

b) Hoạt động của đơn vị được trường phân công đào tạo khởi nghiệp:

- Tuyên truyền Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng;
- Kết nối với các địa phương trong việc tuyển chọn đầu vào và tổ chức đào tạo;

- Lựa chọn đội ngũ giảng viên và mời các giảng viên bên ngoài tham gia đào tạo; chi trả các chi phí dịch vụ liên quan đến đào tạo và tính toán các hiệu quả tài chính;
- Kết hợp với các đơn vị có liên quan trong nhà trường chuyển giao các kết quả đào tạo khởi nghiệp để tiến hành các công việc khác sau đào tạo.
- Tổng kết, đánh giá và quảng bá kết quả đào tạo khởi nghiệp...

Hình 2.6: SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG CHO CỤU SINH VIÊN - ĐHXD VÀ ĐỊA PHƯƠNG



2.3.4 Đào tạo giảng viên nguồn cho Đào tạo khởi nghiệp

1) Mục tiêu và yêu cầu:

Đào tạo khởi nghiệp là nội dung đào tạo mới, cần thiết phải tổ chức đào tạo giảng viên nguồn cho Đào tạo khởi nghiệp.

Đào tạo để giảng viên có: Nhận thức; Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ và chịu trách nhiệm của một

người giảng viên giảng dạy học phần hay chuyên đề về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Sau khi kết thúc khóa học, học viên có thể đảm nhiệm việc xây dựng Chương trình đào tạo khởi nghiệp phù hợp với chuyên ngành của mình và tổ chức giảng dạy đáp ứng yêu cầu, quy định về nội dung và chất lượng đào tạo có liên quan.

Nhà trường cần chủ động trong việc đào tạo giảng viên nguồn về Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, thay vì chờ được đào tạo.

2) Nội dung

a) Tuyển chọn học viên:

- Nguồn học viên: Lựa chọn từ cán bộ giảng dạy của các Bộ môn chuyên ngành để đào tạo (giảng dạy cho sinh viên năm thứ 4).

- Trình độ học viên: Thạc sỹ, có các kiến thức, kỹ năng rộng và liên ngành nhất định để giảng dạy.

b) Thời gian đào tạo: Dự kiến 3 buổi tương đương 15 tiết (cả ngày thứ bảy, sáng chủ nhật).

c) Nội dung đào tạo:

Dưới đây là nội dung dự kiến của Chương trình khung Đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp:

- Giới thiệu khái niệm chung về khởi nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp và các vấn đề liên quan khác (5 tiết); Nội dung này về cơ bản bao gồm toàn bộ Phần 2.2 Cơ sở khoa học xây dựng Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng được giới thiệu trong Đề tài.

- Giới thiệu nội dung cơ bản của Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng giảng dạy trong nhà trường và các tài liệu tham khảo (5 tiết);

- Tiến hành Lập đề cương chi tiết học phần Đào tạo khởi nghiệp gắn với chuyên môn của giảng viên. Đây cũng là cơ sở đánh giá kết quả của khóa học (5 tiết).

d) Tổ chức đào tạo:

- Đơn vị phụ trách đào tạo: Có nhiều phương án: Thuê bên ngoài đào tạo; Trường tự tổ chức đào tạo, ví dụ như Phòng Đào tạo...

- Giảng viên: Giảng viên, chuyên gia trong và ngoài trường, do đơn vị phụ trách đào tạo mời.

- Chi phí cho việc đào tạo: Từ nhà trường.

- Số lượng học viên và lớp đào tạo: Mỗi lớp khoảng 30 học viên; Đào tạo trong khoảng 2 - 3 khóa là có thể đáp ứng nhu cầu về giảng viên nguồn đào tạo khởi nghiệp.

2.3.5 Đề xuất Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu tại trường ĐHXD

1) Hệ sinh thái khởi nghiệp giai đoạn đầu

Hệ sinh thái khởi nghiệp ban đầu tại trường ĐHXD bao gồm 3 cấu thành chính:

a) Các tổ chức là nguồn cung của hoạt động khởi nghiệp:

- Tổ chức đào tạo và KHCN hiện có, bổ sung các nội dung về đào tạo khởi nghiệp;

- Tổ chức đoàn thể hiện có: Hội sinh viên; Các câu lạc bộ sinh viên...được bổ sung các nội dung về tuyên truyền khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên;
- Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp mới được trình bày dưới đây.
- Sinh viên (cựu sinh viên) có thể tham gia trực tiếp theo hình thức tình nguyện viên, thực tập sinh, sáng lập viên tại các doanh nghiệp ươm tạo khởi nghiệp.

b) Các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức là nguồn cầu của hoạt động khởi nghiệp:

- Sinh viên và cựu sinh viên trường ĐHXD có mong muốn khởi nghiệp;
- Doanh nghiệp xây dựng tái khởi nghiệp;
- Doanh nghiệp xây dựng ngoài nước muốn khởi nghiệp tại thị trường xây dựng Việt Nam.

c) Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp:

Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ có nhiều mô hình với các vai trò khác nhau. Vai trò của các tổ chức này được trình bày tại mục 2.2.8 Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

Trong hệ sinh thái khởi nghiệp này, sự lưu chuyển bên trong và ngoài hệ thống là: i) Dòng sản phẩm và nhân lực khởi nghiệp; ii) Dòng công nghệ và tài chính khởi nghiệp và iii) Dòng tri thức và văn hóa khởi nghiệp. Trong giai đoạn đầu các dòng lưu chuyển này chưa rõ, song sẽ dần định hình theo thời gian, tạo cho Hệ sinh thái phát triển bền vững.

2) Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp cần thiết trong giai đoạn đầu

Trong giai đoạn đầu, Trường ĐHXD có thể hình thành các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sau:

- Trung tâm Hỗ trợ pháp lý và tư vấn về khởi nghiệp: Trung tâm này hoạt động theo dạng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Nhà trường chỉ hỗ trợ về cơ chế, cơ sở vật chất.

- Câu lạc bộ khởi nghiệp: Được hình thành từ mạng lưới kết nối giữa những người khởi nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng, trước hết là sinh viên và cựu sinh viên trường ĐHXD. Câu lạc bộ này hoạt động theo dạng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo các sáng kiến của các tổ chức có liên quan. Nhà trường chỉ hỗ trợ về cơ chế, cơ sở vật chất.

- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp Trường ĐHXD:

+ Đây là mô hình có khả năng đáp ứng được tất cả 10 vai trò, nhiệm vụ của hoạt động dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp (xem mục 2.2.8.), tạo thành một tổ chức đủ lớn, đủ tầm cỡ quốc gia để: Đáp ứng các yêu cầu của Nhà trường trong việc thúc đẩy ĐMST và khởi nghiệp gắn liền với cơ chế tự chủ đại học; Tăng cường mối liên kết giữa trường với quản lý nhà nước và doanh nghiệp; Tích hợp được các nguồn lực như vốn tri thức của nhà trường, nguồn vốn của nhà nước và doanh nghiệp; Góp phần mở rộng vị thế của nhà trường trong xã hội và quốc tế.

+ Mô hình có khả năng kết nối hoặc tích hợp với các mô hình khác, trước hết là: i) Trung tâm sẵn sàng về công nghệ; ii) Trung tâm cơ sở dữ liệu (dữ liệu lớn) về công nghệ hay sẵn sàng về công nghệ theo từng chuyên ngành, phục vụ cho khởi nghiệp, kinh doanh thông minh, đào tạo và

nghiên cứu khoa học; iii) Quỹ ĐMST thúc đẩy khởi nghiệp;

+ Về tổ chức thực hiện: Là đơn vị trực thuộc trường ĐHXD, tự chủ tự chịu trách nhiệm với con dấu, chữ ký, pháp nhân độc lập. Nhân sự của Trung tâm trước hết phải là người có tâm thức sáng tạo và khả năng phối hợp; nắm chắc kiến thức pháp lý liên quan đến khởi nghiệp ĐMST, sở hữu trí tuệ; năng lực nghiên cứu, nắm bắt xu hướng công nghệ và chuyển giao công nghệ...

+ Việc hình thành và phát triển Trung tâm (hay Viện) ĐMST và Khởi nghiệp hiện đang là xu thế, cần sớm được triển khai tại ĐHXD.

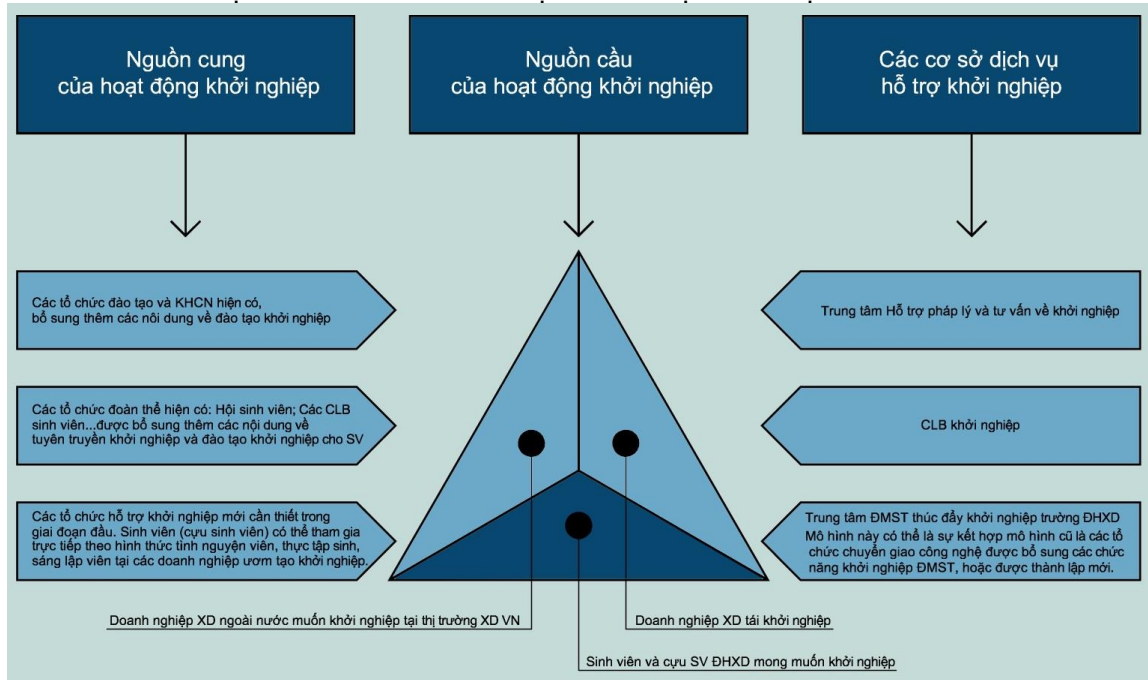
3) Vận hành và khai thác Hệ sinh thái khởi nghiệp tại Trường ĐHXD:

Hệ sinh thái khởi nghiệp và các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp được hình thành và vận hành khai thác có hiệu quả với điều kiện:

- Chủ trương thống nhất và chỉ đạo tập trung từ Nhà trường;
- Phát huy được các sáng kiến của các Khoa, Phòng, Ban và Bộ môn có liên quan.

Việc vận hành và khai thác Hệ sinh thái khởi nghiệp tại Trường ĐHXD, trước hết là vận hành các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp được trình bày tại phần trên, đặc biệt là Trung tâm ĐMST và Khởi nghiệp Trường ĐHXD.

Hình 2.7: SƠ ĐỒ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN ĐẦU TẠI TRƯỜNG ĐHXD



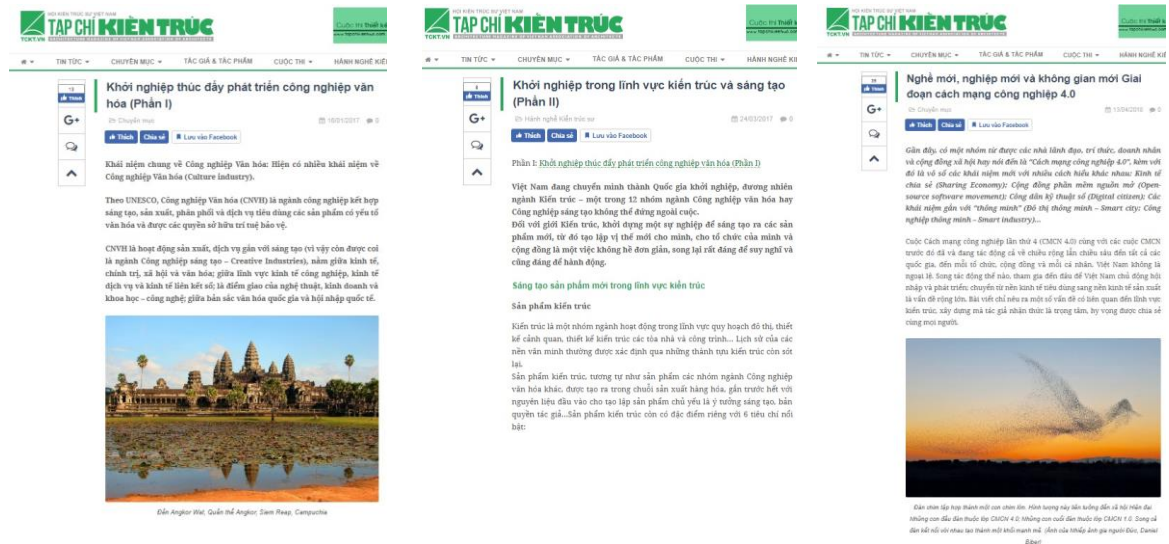
2.4 TRIỂN KHAI TUYÊN TRUYỀN VÀ ĐÀO TẠO THỰC NGHIỆM KHỞI NGHIỆP TẠI ĐHXD

1) Tuyên truyền về khởi nghiệp

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm thực hiện đề tài đã:

- Viết được 3 bài báo liên quan đến việc tuyên truyền khởi nghiệp: Khởi nghiệp thúc đẩy phát triển Công nghiệp văn hóa Việt Nam, đăng trên Tạp chí Kiến trúc tháng 1/2017 (tác giả: Phạm Đình Tuyền); Khởi nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc, Tạp chí Kiến trúc tháng 2/2017 (tác giả: Phạm Đình Tuyền); Nghề mới, nghiệp mới, không gian mới giai đoạn CMCN 4.0, Tạp chí Kiến trúc tháng 2/2018 (tác giả: Phạm Đình Tuyền).

Hình 2.8: BÀI BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KHỞI NGHIỆP ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH



- Khởi nghiệp thúc đẩy phát triển Công nghiệp văn hóa Việt Nam; Tạp chí Kiến trúc tháng 1/2017* *Khởi nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc; Tạp chí Kiến trúc tháng 2/2017* *Nghề mới, nghiệp mới, không gian mới giai đoạn CMCN 4.0; Tạp chí Kiến trúc, tháng 2/2018*

b) Hình thành được các trang WEB nhằm tuyên truyền và hỗ trợ việc đào tạo khởi nghiệp: Ví dụ: Mục Đào tạo khởi nghiệp; Sẵn sàng về công nghệ; Cơ hội lập nghiệp; Tạo lập doanh nghiệp trên WEB bmkctn.com (trang WEB của Bộ môn Kiến trúc Công nghệ, ĐHXD).

c) Kết hợp với Bộ môn Kiến trúc Công nghệ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Đại học Xây dựng (NUCETECH) thành lập Trung tâm Khởi nghiệp xây dựng (WEB: khoinghiexpaydung.com) để tiến hành các hoạt động tuyên truyền và đào tạo khởi nghiệp.

d) Tham gia vào Chương trình đào tạo khởi nghiệp do VSV Corner tổ chức, thuộc Đề án Thương

mại hóa công nghệ theo mô hình Thung lũng Silicon tại Việt Nam của Bộ Khoa học và Công nghệ. Kết quả là thành lập được WEB tuvanxaydungonline.vn, như một mô hình khởi nghiệp phục vụ cộng đồng.

e) Quảng bá Chương trình đào tạo khởi nghiệp tại tỉnh Hà Nam, Quảng Trị và Bến Tre.

2) Đào tạo thực nghiệm tại Khoa Kiến trúc và Quy hoạch

Các kết quả nghiên cứu của đề tài được hoàn thiện qua các kết quả đào tạo thử nghiệm tại Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Trường ĐHXD. Đề cương chi tiết học phần chuyên đề: Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và kết quả kết thúc học phần của một số sinh viên được trình bày trong phần phụ lục.

Hình 2.9: CHUYÊN MỤC ĐÀO TẠO KHỞI NGHIỆP TRÊN WEB CỦA BỘ MÔN KTCN – bmkctn.com

ikctn BỘ MÔN KIẾN TRÚC CÔNG NGHỆ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
DEPARTMENT OF ARCHITECTURE TECHNOLOGY

Trang chủ | Giới thiệu | **Đào tạo** | Giáo viên | Sinh viên | KH-Công nghệ | Công nghiệp | KT-Q. hoạch | PT bên vững | Thư viện | DNg nghiệp-Dự án

Trường Đại học Xây dựng, được Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập môi trường phát triển khoa học - công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa, phát triển nông nghiệp nông thôn và các khu kinh tế.

Tuần 38 - Ngày 24/04/2018

SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Đào tạo khởi nghiệp và khác

Nghề mới, nghiệp mới, không gian mới giai đoạn Cách mạng công nghiệp 4.0
24/04/2018

Rất cần khoa học mở cho Cách mạng Công nghiệp 4.0
04/03/2018

Di sản văn hóa

- Di sản văn hóa thế giới
- Chùa Việt Nam
- Đình, đền Việt Nam
- Tôn giáo, tín ngưỡng VN
- Kiến trúc truyền thống VN

Kiến trúc sư hàng đầu TG

Các chuyên gia kiến trúc xây dựng hàng đầu VN

SV hỏi-BMKTCN trả lời

Neufert, Mục Nhà văn phòng:

Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả cũng là hỏng việc.

Phụ trách không có nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc.

Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau."

Gương sinh viên tiêu biểu

THĂM DÒ Ý KIẾN

Trong CMCN 4.0, ai không là Công dân kỹ thuật số có thể bị cô lập trong xã hội. Muốn thành Công dân số phải được đào tạo. Có 9 nội dung chính phải học: i) Cách thức truy cập số; ii) Lợi ích và cảnh báo trong thương mại điện tử; iii) Truyền thông kỹ thuật số; iv) Kiến thức và Thiết bị kỹ

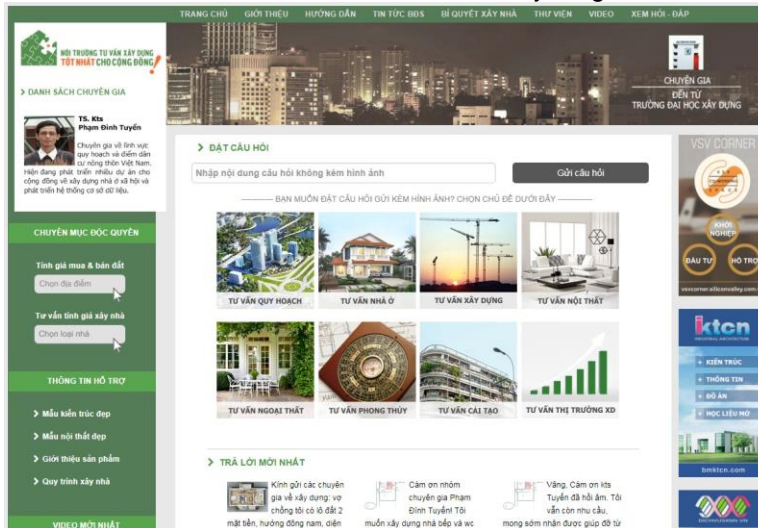
Hình ảnh trang WEB bmkctn.com của Bộ môn KTCN, ĐHXD với chuyên mục về Đào tạo khởi nghiệp

Hình 2.10: WEB khoinghiexpaydung.com CỦA TRUNG TÂM KHỞI NGHIỆP XÂY DỰNG



Hình ảnh trang WEB *khoinghiexpaydung.com* của Trung tâm Khởi nghiệp Xây dựng (STARTUP NUCETECH) - Tổ chức do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Đại học Xây dựng (NUCETECH) kết hợp với Bộ môn KTCN thành lập

Hình 2.11: HÌNH ẢNH TRANG WEB tuvanxaydungonline.vn



Hình ảnh trang WEB *tuvanxaydungonline.vn*, sản phẩm khởi nghiệp từ khóa đào tạo Chương trình đào tạo khởi nghiệp do VSV Corner tổ chức, thuộc Đề án Thương mại hóa công nghệ theo mô hình thung lũng Silicon tại Việt Nam của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Sau hơn 1 năm hoạt động, trang WEB đã tư vấn cho khoảng 150 trường hợp (phần lớn là các hộ dân) trong khắp mọi miền của đất nước.

Hình 2.12: MỘT TRONG NHỮNG KẾT QUẢ BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHÓA 56KDE-F KHOA KIẾN TRÚC QUY HOẠCH, ĐHXD

KẾ HOẠCH KINH DOANH
THÀNH LẬP CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
QUY HOẠCH, XÂY DỰNG

STARTUP

Đơn vị tư vấn kiến trúc và xây dựng VFarchitecture (VFarchitecture Construction and Architecture Company)
Địa chỉ văn phòng:
Việt Nam: 497 Quang Trung - Hà Đông - Hà Nội - Việt Nam
Pháp: 31 Villa Beaudouin - 93120 Arcueil - Pháp
Web: vfarchitecture.vn
Email: contact@vfarchitecture.vn
Điện thoại liên hệ:
Tel (Việt Nam): (+ 84-4) 33 51 46 36 | Fax: (+ 84-4) 33 51 46 36

“MÔ HÌNH THIẾT SẴN PHẨM
Xuất phát từ mô hình Vertical Farm trong trái tim của rau, đất và thực tiễn tại Việt Nam, công ty chúng tôi đã tạo ra sản phẩm nhà ở kết hợp trong trái xanh trong đô thị. Thực tiễn cấp thiết: Sự gia tăng nhanh chóng của dân số, tốc độ đô thị hóa ngày một cao của Việt Nam, dẫn đến sự thiếu hụt đất trồng và nhà ở. Công nghệ đô thị xanh không bền vững, ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống. Bên cạnh đó đặc biệt quan trọng là vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đang là bài toán nan giải, chưa có câu trả lời.

VF ARCHITECTURE

CHUYÊN ĐỀ
TINH THẦN
KHỞI NGHIỆP

- KẾ HOẠCH NGẮN HẠN**
 - Phát triển hệ thống vertical farm quy mô lớn
 - Mô đun lắp ghép, sản xuất công nghiệp
 - Phát triển hệ thống trạm tự chăm sóc, tự động hóa
 - Phát triển phần mềm theo dõi và quản lý chăm sóc tự động
 - Xây dựng hệ thống quản lý tự động, liên kết với các công ty phần mềm, công nghệ thông tin, tích hợp vào sản phẩm Vertical Farm
 - Phát triển dòng sản phẩm từ dụng cụ tưới tự động
- KẾ HOẠCH DÀI HẠN**
 - Mở rộng thị trường, quy mô đầu tư sang các lĩnh vực khác khi đã có thêm lực về kinh tế, nhân lực
 - Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản nhà ở sinh thái kết hợp mô hình Vertical Farm trong các khu đô thị mới.
 - Đầu tư xây dựng các khu đô thị xanh.

Website Fanpage

VF Architecture

Ý tưởng khởi nghiệp: Xuất phát từ thực tiễn ngày càng thiếu những không gian xanh và nguồn thực phẩm sạch trong đô thị. Mục tiêu của VF Architecture là phát triển, nhân rộng Mô hình Vertical Farm trong thiết kế kiến trúc nhà ở tại đô thị Việt Nam. Vertical Farm là việc canh tác trong nhà theo chiều thẳng đứng, sử dụng nguyên liệu tái chế và phương pháp công nghệ trồng cây trong nhà kính để sản xuất rau, quả sạch. Với mô hình công nghệ mới này, doanh nghiệp VF Architecture sẽ là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực nông nghiệp đô thị tại Việt Nam.

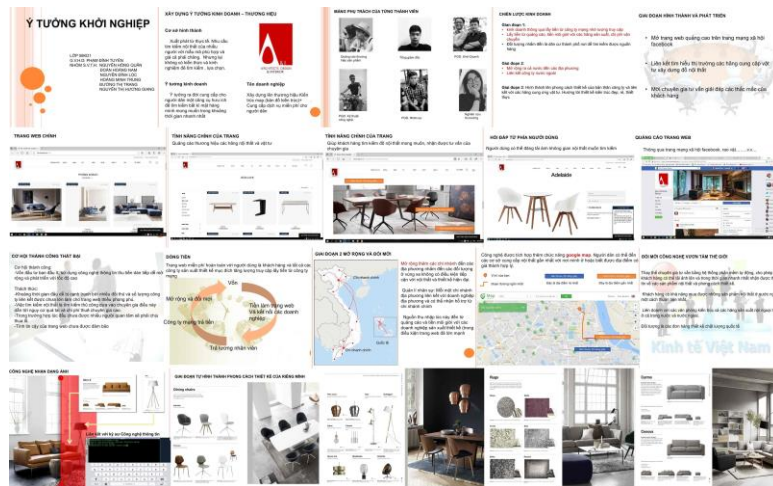
Nhóm SV 56KDE thực hiện: Nguyễn Lưu Phong; Nguyễn Việt Anh; Nguyễn Quỳnh Anh; Phạm Đức Trường; Phạm Tuyền; Vũ Văn Long

Green Luxury

Ý tưởng khởi nghiệp: Tạo lập một Tập hợp cơ sở dữ liệu về công trình xanh phục vụ cho lĩnh vực xây dựng và quy hoạch đô thị tại Việt Nam. Doanh nghiệp Green Luxury với hệ thống cơ sở dữ liệu cho phép người dùng thấy được những lợi ích kinh tế của một ngôi nhà xanh và những công nghệ tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, Green Luxury còn là nơi cung cấp các cơ hội tham vấn kỹ thuật từ các chuyên gia kiến trúc xanh trực tuyến qua website của doanh nghiệp; là nơi giới thiệu và cung cấp nguồn tư liệu và các trang thiết bị có liên quan về công trình xanh.

Nhóm SV 56KDF thực hiện: Phạm Thanh Tuấn; Trịnh Xuân Uyên; Trần Văn Thuận; Đặng Đình Tuệ; Lý Thuýet Chung

Hình 2.12: MỘT TRONG NHỮNG KẾT QUẢ BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHÓA 58KD1-2 KHOA KIẾN TRÚC QUY HOẠCH, ĐHXD



V&I Architects Design & Interior

Ý tưởng khởi nghiệp: Xuất phát từ thực tế về nhu cầu tìm kiếm mẫu mã nội thất phù hợp với giá cả phải chăng của nhiều người, nhưng lại không có kiến thức và kinh nghiệm để lựa chọn. Hình thành một doanh nghiệp với công cụ mạng xã hội để người dân có thể tìm kiếm thông tin về các mặt hàng nội thất mong muốn trong khoảng thời gian ngắn nhất.

Nhóm SV 58KD1 thực hiện: Nguyễn Hồng Quân, Đoàn Hoàng Nam; Nguyễn Đình Lộc; Hoàng Minh Trung; Đường Thị Trang; Nguyễn Thị Hương Giang



Vlight

Ý tưởng khởi nghiệp: Bắt nguồn từ nhu cầu về thẩm mỹ của con người thay đổi phù hợp với sự gia tăng mức thu nhập. Nội thất nhà ở, văn phòng, không chỉ được bố trí đáp ứng yêu cầu về tiện nghi mà còn phải đáp ứng nhu cầu về thẩm mỹ, hướng theo phong cách riêng của chủ sở hữu, trong đó có việc tổ chức chiếu sáng gắn với hình dáng của các loại đèn. Cung cấp cho thị trường vô số các loại đèn với chức năng kết hợp kiểu dáng đa dạng là hướng kinh doanh.

Nhóm SV 58KD2 thực hiện: Nguyễn Thu Vân; Lương Thị Dung; Nguyễn Thị Kim Dung; Phạm Phương Mai; Bùi Anh Tú; Lê Văn Tú; Phạm Văn Cường; Nguyễn Phú Tuấn

3 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1 KẾT LUẬN

1) Khởi nghiệp hiện đã trở thành phong trào rộng khắp trong cả nước và đang đi vào phát triển theo chiều sâu. Khởi nghiệp đang trở thành tầm nhìn của quốc gia, tổ chức, cộng đồng và cá nhân, không tổ chức nào có thể đứng ngoài cuộc, đặc biệt là các cơ sở đào tạo đại học. Khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và gia tăng nhanh chóng số lượng doanh nghiệp.

2) Hoạt động khởi nghiệp đã trở thành các yêu cầu mang tính pháp lý đối với các tổ chức giáo dục đào tạo đại học. Đây không chỉ góp phần thực hiện nâng cấp đào tạo đại học theo Chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016, mà cũng chính là cơ hội để tạo ra các thay đổi mang tính đột phá trong quá trình tự chủ đại học gắn với ĐMST, chuyển giao công nghệ. Khởi nghiệp sẽ tác động đến đội ngũ giảng viên, tổ chức trong nhà trường.

3) Việc đào tạo khởi nghiệp hay đào tạo khởi sự doanh nghiệp bao gồm cả hai dạng đào tạo: Đào tạo khởi sự doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu về số lượng doanh nghiệp và Đào tạo khởi nghiệp ĐMST nhằm tạo ra thế hệ các doanh nghiệp mới có khả năng cạnh tranh và hội nhập.

4) Chương trình khung về đào tạo khởi nghiệp được đề xuất theo nguyên tắc:

- Tính chính thống hay tính pháp lý; Tính chuyên ngành kiến trúc, xây dựng; Tính cập nhật gắn với cuộc CMCN 4.0 và hội nhập; Có tính liên thông; Có tính tương đương và có khả năng kết nối với các Chương trình đào tạo đại học và các Chương trình đào tạo khởi nghiệp khác; Có các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, cơ cấu nội dung môn học, tỷ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, thực tập của một chương trình giáo dục; Cấu trúc kiến thức đảm bảo cân đối, hợp lý; Đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn...

- Hướng về sinh viên, người học; Về người dạy truyền đạt;

- Gắn kết được với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học trong trường;

- Gắn kết với hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý ngoài trường;

5) Đề tài đề xuất Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên với các nội dung cơ bản:

a) Mục tiêu: Đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học theo Khung trình độ quốc gia; Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự chịu trách nhiệm cơ bản về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Qua đó có hiểu biết để hoàn thành bài thi kết thúc học phần. Sau khi ra trường có thể nhanh chóng đáp ứng được các đòi hỏi của thực tế và tạo lập được sự nghiệp.

b) Yêu cầu của học phần:

- Trang bị kiến thức:

- + Kiến thức thực tế và lý thuyết chung về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp; Doanh nghiệp và doanh nhân; Chọn nghề lập nghiệp; ĐMST trong khởi nghiệp; Kiến thức cơ bản về pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp;
- + Kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến CMCN 4.0 gắn với khởi nghiệp;
- + Kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp; Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

- Trang bị kỹ năng:

- + Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết của một người khởi sự kinh doanh;
- + Kỹ năng dẫn dắt, niềm tin khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và người khác;
- + Kỹ năng cần thiết để hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng kinh doanh thành cơ hội kinh doanh, từ đó lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng khai thác có hiệu quả Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh;
- + Tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác thông qua bài tiểu luận lập mô hình mô phỏng hoạt động kinh doanh.

- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khởi nghiệp.

- Về khối lượng học tập: Dự kiến đào tạo 2 tín chỉ, theo dạng chuyên đề (trong khối lượng học tập tối thiểu 120 - 180 tín chỉ theo Chuẩn đầu ra của văn bằng Đại học - bậc 6).

c) Về nội dung cụ thể: gồm 4 nội dung chính:

- Khái niệm chung về khởi nghiệp - Học để hình thành nhận thức về Khởi nghiệp;
- Kiến thức chung về khởi nghiệp - Học để khởi nghiệp hay khởi sự kinh doanh;
- Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp - Học để hình thành cộng đồng khởi nghiệp, tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết;
- Bài tiểu luận kết thúc học phần chuyên đề - Thực hành mô hình mô phỏng khởi nghiệp; Thực hiện theo nhóm.

Các nội dung trên được chia thành các chương mục, thời gian giảng dạy, tài liệu tham khảo...

d) Tổ chức thực hiện học phần:

- Cách thức truyền tải nội dung học phần: Cách thức học và dạy; Các giai đoạn thực hiện học phần;
- Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên và đánh giá học phần;

6) Đề tài đề xuất Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp cho cựu sinh viên với các nội dung cơ bản:

a) Mục tiêu: Trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự chịu trách nhiệm cơ bản

về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, phù hợp với Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa). Sau khi kết thúc khóa học có thể khởi sự doanh nghiệp thành công.

b) Yêu cầu của khóa học:

- Trang bị kiến thức; Trang bị kỹ năng, mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm tương tự như đào tạo sinh viên, song gắn liền với các điều kiện cụ thể của người được đào tạo, điều kiện của địa phương, của dự án.

- Khối lượng học tập: Dự kiến đào tạo 3 tín chỉ cho toàn khóa học; Thời gian học linh hoạt theo nhiều phương án.

c) Về nội dung cụ thể: gồm 4 nội dung chính tương đương như đào tạo sinh viên, song được mở rộng, gắn liền với các điều kiện cụ thể của người được đào tạo, điều kiện của địa phương, của dự án:

- Khái niệm chung về khởi nghiệp - Học để hình thành nhận thức về Khởi nghiệp;

- Kiến thức chung về khởi nghiệp - Học để khởi nghiệp hay khởi sự kinh doanh;

- Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp - Học để hình thành cộng đồng khởi nghiệp, tham gia chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết;

- Bài tiểu luận kết thúc học phần chuyên đề - Thực hành mô hình mô phỏng khởi nghiệp, thực hiện theo cá nhân về một dự án khởi nghiệp cụ thể gắn với điều kiện địa phương.

Các nội dung trên được chia thành các chương mục, thời gian giảng dạy, tài liệu tham khảo...

d) Tổ chức thực hiện khóa học: Tuyển chọn học viên; Số lượng đào tạo; Tổ chức đào tạo và các đơn vị tham gia đào tạo; Thời gian và chi phí đào tạo...

7) Đào tạo khởi nghiệp là lĩnh vực mới, do vậy cần phải có giảng viên phù hợp. Hiện tại, việc triển khai đào tạo khởi nghiệp luôn gắn với việc đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp. Đề tài đề xuất Kế hoạch đào tạo giảng viên nguồn cho đào tạo khởi nghiệp tại trường ĐHXD.

8) Không thể đào tạo Khởi nghiệp thành công nếu không hình thành được Hệ sinh thái khởi nghiệp, kết nối với tổ chức đào tạo, KHCN, các địa phương, trong quốc gia và xuyên biên giới. Trường ĐHXD có đủ điều kiện để sớm hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp và các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp.

9) Đề xuất về Chương trình khung về Đào tạo khởi nghiệp cũng như Hệ sinh thái khởi nghiệp trong đề tài góp phần bổ sung và đổi mới Chương trình khung đào tạo đại học của nhà trường, được cho là khâu đột phá để đổi mới giáo dục đào tạo. Cùng với việc đào tạo khởi nghiệp là từng bước hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy đào tạo khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, là

hạt nhân liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực xây dựng. Qua đó mang lại vị thế mới cho Trường ĐHXD.

3.2 KIẾN NGHỊ

1) Về triển khai Chương trình đào tạo khởi nghiệp:

- Thống nhất trong toàn trường nội dung cơ bản của Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp để sớm đưa việc đào tạo khởi nghiệp vào thực hiện.
- Việc triển khai Chương trình đào tạo khởi nghiệp tại các Khoa, Bộ môn chuyên ngành gắn với việc đào tạo giảng viên nguồn: Cần triển khai ngay.
- Trường là đầu mối cho việc kết nối với các doanh nghiệp, doanh nhân và cộng đồng xã hội để liên kết đào tạo khởi nghiệp ngoài trường và thống nhất về chứng chỉ đào tạo.

2) Do đây là vấn đề mới, thời gian nghiên cứu ngắn và chi phí hạn hẹp, kết quả của đề tài chỉ là một phần nhỏ trong khuôn khổ của Chương trình đào tạo khởi nghiệp. Về lâu dài, để thích ứng với giai đoạn của cuộc CMCN 4.0 và hội nhập, Trường cần quan tâm tới xu hướng phát triển theo mô hình Đại học sáng tạo và khởi nghiệp (Entrepreneurial University) với 7 đặc trưng chính: i) Đào tạo định hướng khởi nghiệp; ii) Nghiên cứu hàn lâm và kết hợp ĐMST; iii) Hoạt động ĐMST gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp; iv) Đại học thông minh dựa trên khoa học dữ liệu và công nghệ kỹ thuật số; v) Cơ chế tự chủ đại học trong mối quan hệ với cơ quan quản lý và doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa); vi) Quá trình quốc tế hóa trong bối cảnh hội nhập và ĐMST; và vii) Phát triển hài hòa giữa mục tiêu vốn hóa tài sản tri thức và gia tăng giá trị kinh tế của đại học qua việc tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp KHCN) và cộng đồng xã hội. Theo quan điểm này, Đề tài mới chỉ đề cập đến nội dung về Đào tạo khởi nghiệp và Hệ sinh thái khởi nghiệp:

Các đặc trưng của Đại học sáng tạo và khởi nghiệp	Các kết quả của Đề tài có liên quan
i) Đào tạo định hướng khởi nghiệp	Đã đề cập, cần triển khai tiếp
ii) Nghiên cứu hàn lâm và kết hợp ĐMST	Cần nghiên cứu tiếp
iii) Hoạt động ĐMST gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp	Đã đề cập, cần triển khai tiếp
iv) Đại học thông minh dựa trên khoa học dữ liệu và công nghệ kỹ thuật số	Cần nghiên cứu tiếp
v) Cơ chế tự chủ đại học trong mối quan hệ với cơ quan quản lý và doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa)	Cần nghiên cứu tiếp
vi) Quá trình quốc tế hóa trong bối cảnh hội nhập và ĐMST	Cần nghiên cứu tiếp
vii) Phát triển hài hòa giữa mục tiêu vốn hóa tài sản tri thức và gia tăng giá trị kinh tế của ĐH qua việc tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp KHCN) và cộng đồng xã hội	Cần nghiên cứu tiếp

Trong giai đoạn tới cần:

a) Nghiên cứu để làm rõ các nhận thức và lý luận về 7 vấn đề nêu trên trong một tổng thể chung. Từ đây đề xuất các mô hình và giải pháp thực hiện đồng bộ theo từng giai đoạn phù hợp với điều

kiện cụ thể của nhà trường.

b) Lập chương trình hay dự án hình thành Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST và các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp trong nhà trường, đặc biệt là Hệ thống cơ sở dữ liệu sẵn sàng về công nghệ và Trung tâm ĐMST và Khởi nghiệp xây dựng.

c) Thúc đẩy thương mại hóa các dự án nghiên cứu khoa học, là cơ sở cho việc đào tạo khởi nghiệp tạo lập doanh nghiệp mới tại các địa phương. Việc đào tạo khởi nghiệp có thể triển khai cả dạng đào tạo khởi nghiệp theo dự án và chuỗi sản phẩm .

d) Lập Chương trình nghiên cứu thị trường lao động trong lĩnh vực xây dựng, trong đó có việc thu thập các thông tin liên quan đến ngành nghề và thu nhập theo ngành nghề, để tạo điều kiện cho việc thu hút người học gắn với thu nhập tương xứng theo ngành nghề.. Chương trình này kết hợp với việc Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 2919/BGDĐT – GDĐH, ngày 10/7/2017), là cơ sở cho việc xây dựng Bộ dữ liệu về thực trạng việc làm sinh viên sau tốt nghiệp và góp phần cụ thể hóa các chương trình đào tạo khởi nghiệp.

3) Về đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Hiện tại Trường đang triển khai Chương trình đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Trong giai đoạn tới, với vị thế của một trường đại học tầm cỡ quốc gia trong lĩnh vực xây dựng, cần thiết phối hợp với các trường, tổ chức quốc tế có liên quan để tham gia Đào tạo về quản trị doanh nghiệp và Chương trình đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng (không phải đào tạo cao học và nghiên cứu sinh).

4 TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Nghị quyết 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020
- (2) Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam
- (3) Nghị quyết 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020
- (4) Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa - Luật số 04/2017/QH14
- (5) Báo cáo Việt Nam 2035 – Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ - Văn phòng Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Thế giới – 2016
- (6) Dan Senor và Saul Singer - Quốc gia khởi nghiệp – Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel (Start-up-nation); NXB Alpha Books, năm 2013
- (7) Lê Thị Khánh Vân; Tạo lập môi trường khởi nghiệp
Nguồn: <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/khoa-hoc/item/34248702-tao-lap-moi-truong-khoi-nghiep.html>
- (8) Hàn Quốc thúc khởi nghiệp để giảm thất nghiệp
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Quoc-te/Han-Quoc-thuc-khoi-nghiep-de-giam-that-nghiep/334318.vgp>
- (9) Liên Phương; Đại học sáng nghiệp - xu hướng mới tại Việt Nam
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/Dai-hoc-sang-nghiep-xu-huong-moi-tai-Viet-Nam/316201.vgp>
- (10) Đặng Đức Thành; Khởi nghiệp không đơn giản
Nguồn: <http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=75&NewsId=396720>
- (11) Hoạt động KH&CN ở đại học cần thay đổi để bám sát thực tiễn
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Khoa-giao/Hoat-dong-KHCN-o-dai-hoc-can-thay-doi-de-bam-sat-thuc-tien/306543.vgp>
- (12) MK; Thị trường KHCN: Cần phát triển nhiều mô hình trung gian mới
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/Thi-truong-KHCN-Can-phat-trien-nhieu-mo-hinh-trung-gian-moi/291569.vgp>
- (13) Tuệ Văn; Phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Khoa-hoc-Cong-nghe/Phat-trien-nguon-tin-khoa-hoc-va-cong-nghe-phuc-vu-nghien-cuu/314562.vgp>
- (14) Phạm Đình Tuyền; Khởi nghiệp thúc đẩy phát triển Công nghiệp văn hóa Việt Nam; Tạp chí Kiến trúc tháng 1/2017
- (15) Phạm Đình Tuyền; Khởi nghiệp trong lĩnh vực kiến trúc; Tạp chí Kiến trúc tháng 2/2017
- (16) Phạm Đình Tuyền; Nghề mới, nghiệp mới, không gian mới giai đoạn CMCN 4.0; Tạp chí Kiến trúc, tháng 2/2018
- (17) Thái Yến; Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp - Có hạn chế được thất nghiệp?
Nguồn: <http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=74&NewsId=400180>
- (18) Thông cáo báo chí về kết quả sơ bộ Tổng điều tra Kinh tế năm 2017
Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=18686>

- (19) Số liệu thống kê và Số liệu điều tra lao động việc làm hàng quý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- (20) Minh Thi; Mô hình đại học của nền giáo dục đổi mới
Nguồn: <http://baodientuchinhphu.vn/Giao-duc/Mo-hinh-dai-hoc-cua-nen-giao-duc-doi-moi/323552.vgp>
- (21) Khái niệm về kỹ năng mềm
Nguồn: https://en.wikipedia.org/wiki/Soft_skills
- (22) Chi tiết chương trình đào tạo cho các ngành/ chuyên ngành áp dụng cho hệ chính quy tại trường ĐHXD
Nguồn: <http://nuce.edu.vn/vi/dao-tao/khung-chuong-trinh-dao-tao.html-0>
- (23) Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Cục Phát triển doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch đầu tư; 2012
- (24) Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (Chủ biên) (2014), Giáo trình Khởi sự kinh doanh, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
- (25) Nhân Đàm; Chiến lược phát triển Startup: Việt Nam có thể học hỏi gì từ người Nhật và Fukuoka?
<https://baomoi.com/chien-luoc-phat-trien-startup-viet-nam-co-the-hoc-hoi-gi-tu-nguoi-nhat-va-fukuoka/c/21891588.epi>
- (26) Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến 2025 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- (27) Công văn 2919/BGDĐT – GDĐH, ngày 10/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp
- (28) TS. Phạm Hồng Quát (Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH và CN (Bộ KH và CN); Mô hình trung tâm ĐMST tại các trường đại học
<http://www.nhandan.com.vn/congnghet/item/35754102-mo-hinh-trung-tam-doi-moi-sang-tao-tai-cac-truong-dai-hoc.html>

5 CÁC SẢN PHẨM THEO THUYẾT MINH ĐÃ ĐĂNG KÝ

TÊN SẢN PHẨM

- 1) Báo cáo tổng kết và tóm tắt (số lượng 2): Đã thực hiện.
- 2) Hướng dẫn sinh viên NCKH (1 đề tài): Chưa thực hiện.
- 3) Bài báo trong nước: Đã viết 3 bài báo có liên quan đến đào tạo Khởi nghiệp đăng trên Tạp chí Kiến trúc.
- 4) Đề xuất Khung chương trình Đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng: Đã thực hiện.

ĐỊA CHỈ CÓ THỂ ỨNG DỤNG

a) Trường Đại học Xây dựng:

- Luận cứ cho các Khoa, Bộ môn hình thành các Chương trình Đào tạo khởi nghiệp phù hợp với yêu cầu đổi mới đào tạo và nhu cầu của thực tiễn;
- Luận cứ cho việc nghiên cứu thành lập các tổ chức liên quan đến hoạt động khởi nghiệp: Trung tâm ĐMST và Khởi nghiệp... Phối hợp với các trường đại học trong lĩnh vực xây dựng về Đào tạo khởi nghiệp, ví dụ như 24 trường đại học có đào tạo sinh viên trong lĩnh vực xây dựng (Đào tạo về giảng viên nguồn);
- Luận cứ cho việc hình thành các sáng kiến mở rộng hợp tác và liên kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ ĐHXD (NUCETECH) với các doanh nghiệp xây dựng...

b) Các cơ quan, tổ chức ngoài trường:

- Kết hợp với Hiệp hội doanh nghiệp địa phương và các tổ chức khác đào tạo khởi nghiệp (dự kiến với một số địa phương: Hà Nam, Quảng Ninh, Thái Bình....)
- Là cơ sở cho việc liên kết với các tổ chức của Trung ương, địa phương; các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên quan đến khởi nghiệp.

6 PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tổng hợp một số hoạt động khởi nghiệp tại tỉnh, thành phố vùng ĐBSH

Bảng PL1: PHONG TRÀO KHỞI NGHIỆP TẠI 10 TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐBSH

TT	Tỉnh, Thành phố	Nội dung các hoạt động Khởi nghiệp cơ bản năm 2017
1	Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: Hà Nội – Thủ đô/Thành phố khởi nghiệp; - Mời chuyên gia Israel tư vấn, xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo StartupCity.vn; - Chương trình: Đào tạo giám đốc điều hành doanh nghiệp (CEO) trên địa bàn Thành phố; Bồi dưỡng kiến thức cho các hộ kinh doanh; Tập huấn cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn thành phố; - Biên soạn và in ấn tài liệu: Cẩm nang về các hiệp định thương mại tự do dành cho doanh nghiệp các nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, cơ khí nhằm tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu... - Tổ chức hội thảo: Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với liên minh kinh tế Á - Âu, cơ hội và thách thức tham gia các Hiệp định thương mại; Hội thảo khởi nghiệp thường niên; - Chợ công nghệ Techmart Hà Nội; - Mô hình, tổ chức: Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ thông tin ĐMST Hà Nội (HBI-IT); CLB Thanh niên khởi nghiệp; Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp... <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://www.nhandan.com.vn/kinhte/thoi_su/item/34993002-ha-noi-ho-tro-doanh-nghiep-khoi-nghiep.html http://baodautu.vn/ha-noi-hop-tac-khoi-nghiep-sang-tao-tim-huong-di-moi-cung-doi-tac-han-quoc-d75960.html http://bssc.vn/ha-noi-se-chuc-hoi-thao-khoi-nghiep-lon-nhat-tu-truoc-den-nay/</p>
2	Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST thành phố Hải Phòng đến năm 2020; - Tổ chức hội thảo: “Liên kết vùng xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST”; - Techfest Hải Phòng 2017; - Mô hình, tổ chức: Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; Cộng đồng khởi nghiệp Việt; CLB khởi nghiệp Hải Phòng. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://www.haiphong.gov.vn/Portal/Detail.aspx?Organization=SKHCN&MenuID=17897&ContentID=125372 http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2017-06-10/haiphong-se-ho-tro-100-du-an-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-44307.aspx</p>
3	Hải Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hội thảo: Hành trang khởi nghiệp tại Đại học Hải Dương; - Mô hình, tổ chức: Nhóm Facebook Phụ nữ Hải Dương Khởi nghiệp; - CLB khởi nghiệp Nông nghiệp Việt Nam tại Hải Dương; Hội Doanh nghiệp trẻ Hải Dương. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://skhdt.haiduong.gov.vn/DangKyDoangNghiep/TinBaiDKDN/Pages/Th%C3%BAC%C4%91%E1%BA%A9ym%E1%BA%A1nhm%E1%BA%BDtinhh%E1%BA%A7nh%E1%BB%9Finghi%E1%BB%87p.aspx http://tuoitrehaiduong.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2858:hi-hng-ta-am-hanh-trang-khi-nghip-nm-2017&catid=169:hot-ng-hi-sv&Itemid=872</p>
4	Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> Mô hình, tổ chức: CLB Doanh nhân trẻ khởi nghiệp Bắc Ninh; CLB Đầu tư và Khởi nghiệp Bắc Ninh; Hỗ trợ phụ nữ, thanh niên khởi nghiệp. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://tinhtdoanbacninh.gov.vn/bai-viet/thanh-nien-khoi-nghiep.html</p>

5	Vĩnh Phúc	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tọa đàm về khởi nghiệp cho Đoàn viên thanh niên, sinh viên các trường: Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc, Cao đẳng Nghề Vĩnh Phúc, Cao đẳng Nghề cơ khí Nông nghiệp, Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải, Cao đẳng Nghề Việt - Xô số 1; - Tỉnh Đoàn đã tổ chức Lễ phát động chương trình khởi nghiệp của thanh niên Vĩnh Phúc và phát động cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp “Start-up Idea”; - Mô hình, tổ chức: CLB Khởi nghiệp Vĩnh Phúc; CLB Thanh niên Vĩnh Phúc khởi nghiệp; Hội đồng chuyên gia tư vấn – hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và trao thưởng cho các Mô hình thanh niên khởi nghiệp tiêu biểu. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://baovinhphuc.com.vn/xa-hoi/45854/nam-khoi-nghiep-cua-thanh-nien-vinh-phuc.html</p>
6	Hưng Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Lễ phát động “Thanh niên Hưng Yên sáng tạo khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2021”; - Tổ chức Festival Sáng tạo và Khởi nghiệp; - Hỗ trợ phụ nữ, nông dân, thanh niên khởi nghiệp. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://hungyentv.vn/chinh-tri-xa-hoi/hung-yen-phat-dong-sang-tao-khoi-nghiep-trong-thanh-nien</p>
7	Thái Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn đàn “Thanh niên khởi nghiệp và sáng tạo phát huy sáng kiến tiên phong thích ứng biến đổi khí hậu”; - Giao lưu khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên; - Hỗ trợ thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp; - Mô hình, tổ chức: CLB Thanh niên khởi nghiệp; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Thái Bình <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://baothaibinh.com.vn/tags/khoi-nghiep http://thaibinhvtv.vn/tin-tuc/thanh-nien-khoi-nghiep-va-sang-tao-phat-huy-sang-kiem-tien-phong-thich-ung-bien-doi-khi-hau-37308.html</p>
8	Nam Định	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn đàn khởi nghiệp làm giàu; - Phát động Chương trình khởi nghiệp; - Mô hình, tổ chức: - CLB Startup Nam Định; Thủ tướng Chính phủ: “Nam Định là đất học mà khởi nghiệp ít quá!” <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://enternews.vn/tuoi-tre-nam-dinh-sang-tao-de-khoi-nghiep-1161.html https://baomoi.com/nam-dinh-la-dat-hoc-ma-khoi-nghiep-it-qua/c/19577996.epi</p>
9	Ninh Bình	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp”; - Khoá đào tạo “Khởi sự kinh doanh”; - Mô hình Thanh niên khởi nghiệp; <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo:</i> http://baoninhbinh.org.vn/tham-nhung-mo-hinh-thanh-nien-khoi-nghiep-20170323031050119p2c112.htm</p>
10	Hà Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch Hỗ trợ khởi nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể với các nội dung: Nâng cao nhận thức về khởi nghiệp; Đào tạo tập huấn về khởi nghiệp; Hỗ trợ pháp lý về khởi nghiệp; Tư vấn khởi nghiệp; - Dự kiến xây dựng các mô hình tổ chức: Câu lạc bộ khởi nghiệp; Quỹ Hỗ trợ khởi nghiệp; Trung tâm Hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp. <p>-----</p> <p><i>Nguồn tham khảo: Kế hoạch "Hỗ trợ khởi nghiệp giai đoạn 2016 - 2020" của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Đảng ủy Khối doanh nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Hà Nam</i></p>

Phụ lục 2: Khảo sát danh sách các trường ĐH có đào tạo trong lĩnh vực xây dựng tại ĐBSH

Bảng PL2: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐH CÓ ĐÀO TẠO SINH VIÊN TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TẠI VÙNG ĐBSH

TT	Tên trường	Số SV tốt nghiệp hàng năm	Địa điểm	TT	Tên trường	Số SV tốt nghiệp hàng năm	Địa điểm
1	Đại học Xây dựng	1500	Hà Nội	13	Đại học Thành Tây		Hà Nội
2	Đại học Kiến trúc Hà Nội	900	Hà Nội	14	Đại học Lâm nghiệp		Hà Nội
3	Viện Đại học Mở Hà Nội	60	Hà Nội	15	Đại học Nguyễn Trãi		Hà Nội
4	Học viện Kỹ thuật Quân sự		Hà Nội	16	ĐH Công nghiệp Việt Hưng		Hà Nội
5	ĐH Mỹ thuật Công nghiệp		Hà Nội	17	Đại học Quốc tế Bắc Hà		Hà Nội
6	Đại học Giao thông Vận tải	650	Hà Nội	18	Đại học Hòa Bình		Hà Nội
7	Đại học Điện lực		Hà Nội	19	Đại học FPT		Hà Nội
8	Học viện Hậu cần		Hà Nội	20	Đại học RMIT		Hà Nội
9	Đại học Dân lập Đông Đô		Hà Nội	21	Đại học Chu Văn An		Hưng Yên
10	Đại học Đại Nam		Hà Nội	22	Đại học Kinh Bắc		Bắc Ninh
11	ĐH Dân lập Phương Đông	150	Hà Nội	23	Đại học Hàng Hải		Hải Phòng
12	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	250	Hà Nội	24	Đại học Hải Phòng		Hải Phòng

Nguồn tổng hợp từ Internet.

Các trường đại học trên có thể liên kết trong hoạt động khởi nghiệp:

- Đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên; Đào tạo giảng viên nguồn cho hoạt động khởi nghiệp;
- Kết nối các Trung tâm ĐMST và khởi nghiệp; Hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động khởi nghiệp và Sẵn sàng về công nghệ liên quan đến lĩnh vực xây dựng;
- Tổ chức chung các hoạt động tuyên truyền về khởi nghiệp; Hội thi các ý tưởng khởi nghiệp...

Phụ lục 3: Khảo sát số lượng doanh nghiệp xây dựng, kiến trúc tại vùng ĐBSH

Bảng PL3: SỐ DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ KIẾN TRÚC TẠI VÙNG ĐBSH

TT	Địa điểm	Số lượng doanh nghiệp ngành Kiến trúc	Số lượng doanh nghiệp ngành Xây dựng	Tổng cộng (doanh nghiệp)
1	Bắc Ninh	60	1816	1876
2	Hà Nam	17	912	929
3	Hà Nội	2535	32272	34807
4	Hải Dương	27	1650	1677
5	Hải Phòng	83	5732	5815
6	Hưng Yên	19	1090	1109
7	Nam Định	23	1165	1188
8	Ninh Bình	18	1284	1302
9	Thái Bình	32	989	1021
10	Vĩnh Phúc	34	2056	2090
	Tổng	2848	48966	51814

Nguồn: <https://infodoanhnghiep.com>

Bảng trên cho thấy:

- Các doanh nghiệp ngành kiến trúc, xây dựng tập trung chủ yếu tại Hà Nội.
- Với quy mô số doanh nghiệp hiện nay tại vùng ĐBSH, khoảng 355 ngàn doanh nghiệp, thì số doanh nghiệp lĩnh vực kiến trúc chiếm khoảng 0,8%, số doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng chiếm khoảng 13,8%, số doanh nghiệp kiến trúc - xây dựng chiếm tổng cộng khoảng 14,6%.

Phụ lục 4: Chương trình đào tạo đại học tại trường Đại học Xây dựng

1) Các chương trình đào tạo

Dưới đây là bảng thống kê Chương trình đào tạo theo các chuyên ngành tại ĐHXD. Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục bổ sung các ngành, nghề mới có liên quan đến lĩnh vực xây dựng, phù hợp với nhu cầu của thực tiễn.

Tại ĐHXD, Chương trình đào tạo đại học áp dụng cho hệ chính quy được xây dựng trên cơ sở mô-đun hóa các kiến thức học tập theo đơn vị tín chỉ, trong đó Chương trình đào tạo kỹ sư được cấu tạo gồm hai khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương (khoảng 33% chương trình đào tạo); Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (khoảng 67% chương trình đào tạo), bao gồm các kiến thức cơ sở ngành (khoảng 45% chương trình đào tạo) và chuyên ngành (khoảng 22% chương trình đào tạo). Đào tạo khởi nghiệp cho sinh viên dự kiến được bố trí vào nhóm kiến thức chuyên ngành (giảng dạy vào những năm cuối của chương trình đào tạo đại học), theo hình thức chuyên đề với quy mô tối đa 2 tín chỉ (30 tiết).

Bảng PL4: KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐHXD

TT	Chương trình đào tạo của Trường ĐHXD	Ghi chú về mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
1	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	F- 41; F-42; F-43; M
2	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Hệ thống kỹ thuật trong công trình	F-42; F-43; M
3	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng Cảng – Đường thủy	F-42; F-43; M
4	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện	F-42; F-43; M
5	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Tin học Xây dựng	J-62; J-63; M
6	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Kỹ thuật XD công trình giao thông	F-42; F-43; M
7	Chương trình đào tạo Ngành Cấp thoát nước	F-42; F-43; M
8	Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	E; M
9	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng Công trình biển – Dầu khí	F-42; F-43; M
10	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng Công trình ven biển	F- 41; F-42; F-43; M
11	Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ Kỹ thuật vật liệu xây dựng	B-08-081-0810; C-23-239; M
12	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Kinh tế xây dựng	K-66; M
13	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý đô thị	K-66; M
14	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý bất động sản	K-66; L-68; M
15	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Công nghệ thông tin	J-62; J-63; M
16	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Máy xây dựng	C-25; C-28; M
17	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Cơ giới hóa xây dựng	C-25; C-28; M
18	Chương trình đào tạo Ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	M-71-7110; M
19	Chương trình đào tạo Ngành Kiến trúc	M-71; M
20	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Nội thất	C-16-162; C-31; M-71; M-74;
21	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Quy hoạch vùng đô thị	M-71; M
22	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Cơ sở hạ tầng giao thông	F-42; F-43; M
23	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Kỹ thuật đô thị	F-42; F-43; M
24	Chương trình đào tạo Chuyên ngành Xây dựng công trình thủy	F-42; F-43; M

Nguồn (22): Chi tiết chương trình đào tạo cho các ngành/ chuyên ngành áp dụng cho hệ chính quy tại trường ĐHXD; <http://nuce.edu.vn/vi/dao-tao/khung-chuong-trinh-dao-tao.html-0>

Ghi chú: Mã ngành lấy theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục 5: Đề cương chi tiết học phần chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng cho sinh viên Khoa Kiến trúc - Quy hoạch

Dưới đây là Đề cương chi tiết học phần chuyên đề: Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên (56KDE và 56KDF; 58KD1 và 58KD2) Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, ĐHXD do Bộ môn KTCN thực hiện.

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH KIẾN TRÚC VÀ QUY HOẠCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHUYÊN ĐỀ: KHỞI NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG “ Ở đâu có chí khí, ở đó có con đường”

1. Thông tin chung:

- Tên học phần chuyên đề: **Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng**
- Mã học phần: 311609; Số tín chỉ: 2 (30 tiết)
- Lớp: 58KD1 và 58KD2, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch
- Năm học 2017-2018 – Học kỳ I

2. Giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách:
- Trợ giảng:

3. Địa điểm và thời gian lên lớp

- Địa điểm: 41.H2
- Thời gian : thứ 7; Tiết dạy: 456; Từ tuần 1 đến tuần 10

4. Phân bố thời gian giảng dạy học phần:

- Lý thuyết: chiếm 80% số tiết
- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: không
- Tiểu luận, bài tập lớn: chiếm 20% số tiết.

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên năm thứ 4

6. Yêu cầu về nội dung học phần:

a) Trang bị kiến thức:

- Kiến thức thực tế và lý thuyết chung về khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp; Doanh nghiệp và doanh nhân; Chọn nghề lập nghiệp; Đổi mới sáng tạo trong khởi nghiệp
- Kiến thức cơ bản về pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp;
- Kiến thức về công nghệ thông tin liên quan đến CMCN 4.0 gắn với khởi nghiệp;
- Kiến thức cơ bản về khởi sự kinh doanh: Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh; Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập doanh nghiệp; Lập kế hoạch kinh doanh; Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp; Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp; Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.

b) Trang bị kỹ năng:

- Hiểu được các kỹ năng mềm cần thiết của một người khởi sự kinh doanh;
- Kỹ năng dẫn dắt, niềm tin khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác
- Kỹ năng cần thiết để hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, biến ý tưởng kinh doanh thành cơ hội kinh doanh, từ đó lập kế hoạch kinh doanh và triển khai các hoạt động kinh doanh; Kỹ năng khai thác có hiệu quả Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh.
- Tăng cường kỹ năng phân biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác thông qua bài tiểu luận lập mô hình mô phỏng hoạt động kinh doanh.

c) Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Hiểu được việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua hoạt động khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp.
- Trải nghiệm việc tự chủ và tự chịu trách nhiệm thông qua việc làm việc độc lập và theo nhóm; Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; Tự định hướng, bảo vệ quan điểm cá nhân... trong quá trình làm bài tiểu luận theo nhóm.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: Có mặt ít nhất 80% số giờ quy định.

- Khác:

8. Giáo trình và tài liệu học tập:

- Giáo án và tài liệu tham khảo do giảng viên biên soạn;

- 6 Chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp theo Chương trình khung về trợ giúp đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC, ngày 13/8/2014, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Tài chính về Hướng dẫn dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa):

- Các tài liệu tham khảo khác tại thư viện của nhà trường về khởi sự doanh nghiệp; các website của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước theo hướng dẫn của giảng viên...; Mục Đào tạo khởi nghiệp tại WEB bmktcn.com:

http://bmktcn.com/index.php?option=com_content&task=blogcategory&id=105&Itemid=223

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Chuyên cần: có

- Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: không

- Thi giữa học phần: không

- Tiểu luận, bài tập lớn: có

- Khác:

10. Đánh giá học phần (ĐHP): Cán bộ phụ trách giảng dạy cho 2 điểm thành phần, gồm:

a) Điểm quá trình học tập (ĐQT), được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến không phẩy năm (0,5), được tổng hợp từ: Điểm đánh giá nhận thức và thái độ học tập; điểm chuyên cần.

b) Điểm thi kết thúc học phần (ĐKT) được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến không phẩy năm (0,5).

Phòng Đào tạo tính điểm tổng hợp đánh giá học phần theo công thức: ĐHP= 0,3 x ĐQT + 0,7 ĐKT.

11. Nội dung chi tiết học phần:

A. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ CÁCH THỨC TRUYỀN ĐẠT

A.1. Mục tiêu:

- Đáp ứng Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học (Bậc trình độ 6) theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, được Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016, trước hết là hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự chịu trách nhiệm cơ bản về Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Qua đó có hiểu biết để hoàn thành bài thi kết thúc học phần; Sau khi ra trường có thể nhanh chóng đáp ứng được các đòi hỏi của thực tế và tạo lập được sự nghiệp.

A.2. Yêu cầu: Sinh viên phải nắm vững được các khái niệm cơ bản về Khởi nghiệp và Tinh thần Khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Qua đó có các hiểu biết để hoàn thành bài thi kết thúc học phần, góp phần hình thành các Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và chịu trách nhiệm, phù hợp với Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, sau khi ra trường có thể nhanh chóng đáp ứng được các đòi hỏi của thực tế và tạo lập được sự nghiệp.

A.3. Cách thức truyền đạt nội dung thực hiện học phần:

1) Cách thức học và dạy:

a) Việc truyền tải nội dung học phần phải gắn liền và đáp ứng được Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp đại học trong lĩnh vực xây dựng, trước hết là hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

b) Việc tiếp thu kiến thức của sinh viên bao gồm cả việc học trên giảng đường và việc tự học ở nhà với các tài liệu tham khảo về khởi nghiệp và các sự kiện khởi nghiệp từ xã hội.

c) Các nội dung học phần được tiến hành giảng dạy song song với việc phân chia nhóm sinh viên thành các tổ chức khởi nghiệp giả định, để tiến hành theo nhóm các dự án thử nghiệm về khởi nghiệp. Vừa học lý thuyết vừa thực hành.

d) Khởi nghiệp không phải vấn đề mang tính đơn ngành, vì vậy khi giảng dạy, giảng viên cần mở rộng thêm các kiến thức về kinh tế, xã hội, thể chế và văn hóa; kiến thức công nghệ thông tin và liên ngành có liên quan;

e) Giảng viên trong quá trình giảng dạy phải kết hợp được truyền tải niềm tin khởi nghiệp với các kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp phù hợp với từng chuyên ngành. Tăng cường trao đổi giữa sinh viên và giảng viên, giữa sinh viên và sinh viên.

f) Cùng cố các kiến thức chuyên ngành đã học có liên quan; Tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm (đã có được từ các học phần khác trong quá trình đào tạo).

g) Thúc đẩy gắn kết giữa sinh viên với cộng đồng trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp (trong và ngoài trường), để sinh viên làm quen với việc chủ động tìm kiếm hỗ trợ, khai thác trong quá trình học tập tại trường và sau này khi ra trường.

2) Các giai đoạn thực hiện học phần: gồm 4 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Giảng viên cung cấp cho sinh viên các nhận thức về khởi nghiệp, phương thức đổi mới tư duy, chọn nghề

lập nghiệp, rèn luyện kỹ năng mềm, ĐMST dưới góc nhìn khởi nghiệp.

b) Giai đoạn 2: Giảng viên cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khởi nghiệp (theo 6 nội dung được cho là cốt lõi của khởi sự doanh nghiệp); Cách thức khai thác và kết nối trong Hệ sinh thái Khởi nghiệp. Sinh viên tự học ở nhà để hoàn thiện các kiến thức học được trên giảng đường. Giai đoạn này bắt đầu cùng với việc phân chia lớp thành các nhóm để tiến hành dự án khởi nghiệp thử nghiệm.

c) Giai đoạn 3: Các nhóm tiến hành thực hiện dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong một môi trường mô phỏng, dưới sự trợ giúp của các chuyên gia (các nhà tư vấn dẫn dắt). Đây cũng là bài thi hay bài luận để giảng viên (kết hợp với các chuyên gia) đánh giá và cho điểm kết thúc học phần.

d) Giai đoạn 4: Sau khi kết thúc học phần, giảng viên và chuyên gia lựa chọn các dự án khởi nghiệp có ý tưởng độc đáo để sinh viên tiếp tục hoàn thiện, tham gia các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp trong và ngoài nước; giới thiệu với các tổ chức doanh nghiệp, doanh nhân để có thể thương mại hóa (trước hết là thương mại hóa tài sản trí tuệ). Đây cũng là khởi nguồn cho việc hình thành hệ thống các doanh nghiệp xây dựng mới trong tương lai.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT:

B1. Nội dung học phần

Nội dung chi tiết học phần, thời gian giảng dạy theo bảng sau:

BẢNG PHÂN BỐ NỘI DUNG ĐÀO TẠO, SỐ TIẾT

TT	Tên học phần	Số tiết	Ghi chú
C1	Tổng quan về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức chung về khởi nghiệp)	6	
1	Khái niệm chung về khởi nghiệp	3	
1.1	Khái niệm về khởi nghiệp và đào tạo khởi nghiệp		
1.2	Doanh nghiệp và doanh nhân		
2	Nhận thức chung về khởi nghiệp	3	
2.1	Niềm tin khởi nghiệp và kỹ năng mềm về khởi nghiệp		Chuyên gia ngoài trường
2.2	Chọn nghề, lập nghiệp		
2.3	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		
C2	Kiến thức chung về khởi nghiệp (học để hình thành nhận thức và ý tưởng kinh doanh)	12	
1	Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh	2	
2	Kiến thức và kỹ năng cần thiết thành lập doanh nghiệp	2	
3	Lập kế hoạch kinh doanh trong khởi sự doanh nghiệp	2	
4	Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp	2	
5	Tổ chức sản xuất và vận hành doanh nghiệp	2	
6	Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp	2	
7	Các tài liệu cần đọc bổ sung (tự học tại nhà)	0	WEB bmkctcn.com
C3	Khởi nghiệp gắn với Hệ sinh thái khởi nghiệp (học để tham gia cộng đồng khởi nghiệp, chuỗi sản xuất, chuỗi liên kết)	6	Giảng viên ĐHXD
1	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP VÀ HỆ SINH THÁI KINH DOANH	3	
1.1	Khái niệm chung về Hệ sinh thái khởi nghiệp và Hệ sinh thái kinh doanh		
1.2	Một số mô hình trong Hệ sinh thái khởi nghiệp tại các trường đại học		
2	HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐHXD	3	
2.1	Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐHXD		
2.2	Các tổ chức dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp		
C4	Bài tiểu luận kết thúc học phần (thực hành mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp)	6	Giảng viên ĐHXD và chuyên gia bên ngoài
1	Tạo lập mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp		
2	Đánh giá mô hình mô phỏng khởi sự doanh nghiệp		
	Tổng cộng	30	

B.2 Bài thi kết thúc học phần chuyên đề

1) Yêu cầu: Cụ thể hóa và làm rõ các nội dung lý thuyết trong quá trình học tập chuyên đề Khởi nghiệp trong xây dựng, về

cả kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Bài thi kết thúc học phần theo dạng một bài tiểu luận về hình thành một **Dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong môi trường mô phỏng.**

2) Cách thức thực hiện:

a) Chia lớp thành các nhóm, từ 5 - 7 sinh viên; quy mô đủ lớn để có thể thực hiện được các nội dung của học phần và tổ chức làm việc theo nhóm.

b) Các nhóm sinh viên vận dụng kiến thức được truyền đạt trên giảng đường, tự học để hình thành ý tưởng về một dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, ví dụ như: doanh nghiệp tư vấn kiến trúc, quy hoạch, kinh doanh bất động sản, xây dựng....

c) Thời gian thực hiện:

- Bắt đầu: Khi kết thúc Bài 3 của mục C.2 (sau 12 tiết học; bắt đầu từ tuần thứ 5);

- 4 tuần tiếp theo (12 tiết): vừa học lý thuyết vừa trao đổi với giảng viên về dự án khởi nghiệp;

- 2 tuần cuối cùng (6 tiết): thời gian trao đổi với các nhà tư vấn dẫn dắt để thực hiện dự án thử nghiệm.

3) Nội dung của bài tiểu luận kết thúc học phần: Dự án khởi nghiệp thử nghiệm trong môi trường mô phỏng:

a) *Nội dung chính của bài tiểu luận:*

- Tên của Doanh nghiệp (tên, thương hiệu, biểu tượng, trang WEB);

- Mục tiêu của doanh nghiệp (ngắn hạn, dài hạn, kinh doanh hay phục vụ cộng đồng...);

- Ý tưởng hình thành sản phẩm và ý tưởng kinh doanh;

- Lập kế hoạch kinh doanh: Kế hoạch hình thành sản phẩm, gắn với quá trình tạo lập sản phẩm: Sản phẩm; Tổ chức sản xuất (gắn với lựa chọn công nghệ quản lý và kỹ thuật; dòng tiền; địa điểm...); Tiêu dùng sản phẩm (gắn với thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm);

- Tổ chức điều hành doanh nghiệp;

- Dự báo cơ hội thành công và thất bại (lợi nhuận, vị thế) của doanh nghiệp.

Các nội dung trên gắn với việc phân công thực hiện của các thành viên trong nhóm để có thể cụ thể hóa mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

b) *Các nội dung liên quan đến ĐMST: Ý tưởng về các công nghệ mang tính đổi mới và mang lại sản phẩm/dịch vụ mới, làm tăng khả năng cạnh tranh, mang lại cơ hội tồn tại và phát triển cho doanh nghiệp khởi nghiệp;*

c) *Các nội dung mang tính thực tiễn: Ý tưởng của khởi nghiệp có khả năng triển khai thành hiện thực (có thể tham gia các cuộc thi về khởi nghiệp trong và ngoài nước).*

4) Hỗ trợ sinh viên thực hiện tiểu luận kết thúc học phần: Ngoài giảng viên giảng dạy lý thuyết, việc thực hiện học phần của sinh viên còn được hỗ trợ qua việc tận dụng các ưu thế của Hệ sinh thái khởi nghiệp trong nhà trường và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp: Các tổ chức thúc đẩy khởi nghiệp; Nhà tư vấn dẫn dắt; Nhà đầu tư thiên thần; Hệ thống sẵn sàng về công nghệ trong và ngoài nước có liên quan; Liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước khác; Mạng xã hội về khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng...

5) Đánh giá bài tiểu luận kết thúc học phần: Nhóm sinh viên khởi nghiệp sẽ trình bày Dự án khởi nghiệp trước Hội đồng đánh giá, gồm: Bộ môn KTCN và các đơn vị hỗ trợ như: Trung tâm Startup NUCETECH; Các doanh nghiệp có liên quan... Bộ môn KTCN tổng hợp các ý kiến của các chuyên gia và chịu trách nhiệm cho điểm đánh giá cuối cùng.

Điểm đánh giá với từng nội dung:

- Có sản phẩm với nội dung nêu trên: điểm cao nhất 6 điểm.

- Có tính ĐMST: điểm cao nhất 1,5 điểm.

- Có tính thực tiễn và khả năng triển khai thành hiện thực: điểm cao nhất 1,5 điểm.

- Điểm trình bày dự án, báo cáo, bảo vệ trước hội đồng: 1 điểm.

Giảng viên phụ trách học phần

Phụ lục 6: Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BẢN PL6; DANH MỤC CÁC CHUYÊN ĐỀ

TT	Chuyên đề	Ghi chú
I	Các chuyên đề đào tạo khởi sự doanh nghiệp	
1	Nhận thức kinh doanh và ý tưởng kinh doanh	Nội dung được sử dụng cho đào tạo khởi nghiệp hay khởi sự doanh nghiệp
2	Lập kế hoạch kinh doanh	
3	Những vấn đề về thị trường và marketing trong khởi sự doanh nghiệp	
4	Tổ chức sản xuất và điều hành doanh nghiệp	
5	Kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành lập DN	
6	Quản trị tài chính trong khởi sự doanh nghiệp	
II	Các chuyên đề đào tạo về quản trị doanh nghiệp	
7	Những vấn đề cơ bản về quản trị doanh nghiệp	
8	Quản trị chiến lược	
9	Quản trị nhân sự	
10	Quản trị marketing	
11	Quản trị dự án đầu tư	
12	Quản trị tài chính	
13	Quản trị sản xuất	
14	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	
15	Quản lý chất lượng	
16	Quản trị hậu cần kinh doanh	
17	Thương hiệu và sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ	
18	Vấn đề cơ bản về hoạt động tham gia hội chợ, triển lãm thương mại của doanh nghiệp	
19	Đàm phán và ký kết hợp đồng	
20	Ứng dụng công nghệ thông tin cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa	
21	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	
22	Kỹ năng bán hàng	
23	Kỹ năng làm việc nhóm	
24	Kỹ năng quản trị của chủ doanh nghiệp	
25	Văn hóa doanh nghiệp	
26	Tâm lý học lãnh đạo, quản lý	
27	Một số vấn đề kinh doanh trên thị trường quốc tế	
28	Lập dự án, phương án kinh doanh	
29	Các chuyên đề về hội nhập kinh tế	

Nguồn: Cục Phát triển Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TÓM TẮT NỘI DUNG 6 CHUYÊN ĐỀ ĐÀO TẠO KHỞI SỰ KINH DOANH

Chuyên đề 1: NHẬN THỨC KINH DOANH VÀ Ý TƯỞNG KINH DOANH

<p>1. CHƯƠNG I: BẢN VÀ Ý TƯỞNG KINH DOANH CỦA BAN</p> <p>1.1 Nhóm tổ chất kinh doanh 1.2. Nhóm kỹ năng tổ chức thực hiện 1.3. Nhóm kỹ năng quản lý</p> <p>2. CHƯƠNG II: THỬ NGHIỆM Ý TƯỞNG KINH DOANH</p> <p>2.1. Thấy rõ ràng những ý tưởng kinh doanh của mình trong tương lai 2.2. Nhận biết được những khó khăn 2.3. Cách thức giải quyết khó khăn - Kế hoạch hành động 2.4. Phát triển ý tưởng kinh doanh thành kế hoạch</p> <p>3. CHƯƠNG III: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH</p> <p>3.1. Kế hoạch kinh doanh 3.1.1. Tại sao cần lập một kế hoạch kinh doanh 3.1.2. Thời điểm lập kế hoạch kinh doanh 3.2. Nội dung của bản kế hoạch kinh doanh</p> <p>4. CHƯƠNG IV: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG</p> <p>4.1. Thị trường và cơ chế thị trường 4.1.1. Thị trường là gì 4.1.2. Cơ chế thị trường 4.2. Nghiên cứu (phân tích) thị trường 4.2.1. Những yêu cầu khi nghiên cứu thị trường 4.2.2. Đặc điểm của việc nghiên cứu thị trường 4.2.3. Các phần chủ yếu của nghiên cứu (phân tích) thị trường 4.2.4. Dự đoán diễn biến của thị trường 4.2.5. Nghiên cứu cạnh tranh - đối thủ cạnh tranh</p>	<p>5. CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH BÁN HÀNG</p> <p>5.1. Xác định khách hàng tiềm năng và lý do mua hàng của họ (P - sản phẩm) 5.1.1. Xác định khách hàng tiềm năng 5.1.2. Lý do mua hàng 5.1.3. Xác định phương pháp tiếp xúc tiếp cận (P - quảng cáo) 5.2. Quyết định giá cả/lợi nhuận (P - Price) 5.3. Phân phối sản phẩm dịch vụ - Thu hẹp các phương án lựa chọn (P - Place) 5.4. Phát triển kế hoạch tiếp xúc và tổ chức việc bán hàng 5.5. Phân tích cạnh tranh 5.6. Dự tính doanh số bán hàng</p> <p>6. CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH MARKETING</p> <p>6.1. Lợi ích của việc lập kế hoạch marketing 6.2. Mục đích và mục tiêu của kế hoạch marketing 6.3. Nội dung của bản kế hoạch marketing 6.3.1. Mô tả sản phẩm 6.3.2. Khách hàng mục tiêu 6.3.3. Phạm vi (Khu vực) thị trường 6.3.4. Dự báo doanh số 6.3.5. Chiến lược sản phẩm 6.3.6. Địa điểm 6.3.7. Chiến lược giá cả 6.3.8. Chiến lược xúc tiến bán hàng 6.3.9. Tổng chi phí marketing 6.3.10. Kiểm tra marketing 6.3.11. Các giả định</p>
--	--

Chuyên đề 2: LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

<p>1. CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VỀ LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH</p> <p>1.1. Mục tiêu 1.2. Lý thuyết 1.2.1. Khái niệm kế hoạch kinh doanh 1.2.2. Các bước lập bản kế hoạch kinh doanh 1.2.3. Ý nghĩa của bản kế hoạch kinh doanh 1.3. Thực hành 1.3.1. Tính cách của các chủ doanh nghiệp thành đạt 1.3.2. Bạn đã sẵn sàng kinh doanh chưa? 1.3.2. Danh mục các vấn đề của người chủ sở hữu để khởi nghiệp</p> <p>2. CHƯƠNG II: NHẬN DIỆN CƠ HỘI VÀ HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH</p> <p>2.1. Mục tiêu 2.2. Lý thuyết</p>	<p>2.2.1. Khái niệm cơ bản 2.2.2. Nhận diện cơ hội kinh doanh 2.2.3. Kỹ thuật hình thành ý tưởng kinh doanh 2.2.4. Đánh giá ý tưởng kinh doanh 2.3. Thực hành</p> <p>3. CHƯƠNG III: NỘI DUNG KẾ HOẠCH KINH DOANH</p> <p>3.1. Mục tiêu 3.2. Lý thuyết 3.2.1. Nội dung bản kế hoạch kinh doanh 3.2.2. Mẫu bản kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng Thế giới 3.2.3. Những điều cần tránh trong bản kế hoạch kinh doanh 3.2.4. Đánh giá bản kế hoạch kinh doanh 3.3. Thực hành 3.3.1. Lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ 3.3.2. Đánh giá kế hoạch kinh doanh của mình</p>
--	---

Chuyên đề 3: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ THỊ TRƯỜNG VÀ MARKETING TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

<p>1. CHƯƠNG I: HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH</p> <p>1.1 Mô tả ý tưởng kinh doanh</p> <p>1.2 Đánh giá ý tưởng kinh doanh</p> <p>1.3 Phát triển ý tưởng kinh doanh thành kế hoạch</p> <p>2. CHƯƠNG II: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP</p> <p>2.1 Sự cần thiết phải nghiên cứu thị trường</p> <p>2.2 Những yêu cầu khi nghiên cứu thị trường</p> <p>2.3 Quy trình nghiên cứu thị trường</p> <p>2.4. Những vấn đề cơ bản về thị trường cần nghiên cứu</p> <p>2.4.1 Nghiên cứu thị trường tổng thể</p> <p>2.4.2 Nghiên cứu thị trường chi tiết</p> <p>2. 5 Các nguồn thông tin</p>	<p>3. CHƯƠNG III: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ MARKETING TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1 Lợi ích của việc lập kế hoạch marketing</p> <p>3.2 Những vấn đề cần quan tâm trong bản kế hoạch marketing</p> <p>3.2.1 Phân tích tình hình</p> <p>3.2.2 Mục tiêu</p> <p>3.2.3 Chiến lược marketing</p> <p>3.2.4 Dự tính doanh số bán hàng</p> <p>3.2.5 Hỗ trợ Marketing</p> <p>3.2.6 Ngân sách Marketing</p> <p>3.2.7 Kế hoạch thực hiện</p> <p>3.2.8 Kiểm soát</p> <p>3.2.9 Kế hoạch dự phòng</p>
--	---

Chuyên đề 4: TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

<p>1. CHƯƠNG I: TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Khái quát về tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>1.1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.2. Ý nghĩa và mục đích của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>1.1.3. Nội dung của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>1.1.4. Một số nguyên tắc tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>1.2. Nội dung của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>1.2.1. Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp</p> <p>1.2.2. Bộ trí sản xuất trong doanh nghiệp</p> <p>2. CHƯƠNG II: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN TRỊ TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>2.1. Đối tượng, nội dung nghiên cứu của tổ chức bộ máy quản trị trong doanh nghiệp</p> <p>2.2. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp</p> <p>2.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp</p> <p>2.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị trực tuyến</p> <p>2.3.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị chức năng</p> <p>2.3.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị trực tuyến - chức năng</p> <p>2.3.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị ma trận</p> <p>2.4. Chế độ một cấp trong quản trị doanh nghiệp</p> <p>2.5. Mối quan hệ giữa các chức danh thủ trưởng trong doanh nghiệp</p> <p>2.6. Những nhân tố cản trở tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp</p> <p>3. CHƯƠNG III: ĐIỀU HÀNH TÁC NGHIỆP TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1. Thực chất và những nội dung của điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp</p> <p>3.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp</p>	<p>3.3. Lập lịch trình sản xuất theo lô</p> <p>3.4. Sắp xếp thứ tự thực hiện các hợp đồng kinh tế</p> <p>3.5. Những phương pháp chủ yếu sử dụng trong điều hành tác nghiệp trong doanh nghiệp</p> <p>3.5.1. Phương pháp kinh tế</p> <p>3.5.2. Phương pháp tổ chức, hành chính</p> <p>3.5.3. Phương pháp giáo dục, động viên</p> <p>3.5.4. Phương pháp tâm lý - xã hội</p> <p>3.5.5. Các phương pháp khác</p> <p>4. CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CUNG ỨNG NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>4.1. Thực chất và nội dung của tổ chức, quản lý cung ứng nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</p> <p>4.2. Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</p> <p>4.2.1. Nhiệm vụ và yêu cầu của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</p> <p>4.2.2. Trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu trong doanh nghiệp</p> <p>4.3. Tổ chức đảm bảo nguyên vật liệu cho doanh nghiệp</p> <p>4.3.1. Lựa chọn phương thức cung ứng</p> <p>4.3.2. Lựa chọn nhà cung ứng</p> <p>4.3.3. Tổ chức điều chuyển và tiếp nhận nguyên vật liệu</p> <p>5. CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ HÀNG DỰ TRỮ TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>5.1. Hàng hóa dự trữ và các chi phí có liên quan đến quản trị hàng dự trữ</p> <p>5.1.1. Hàng dự trữ và vai trò của hàng dự trữ đối với doanh nghiệp</p> <p>5.1.2. Những chi phí có liên quan đến hàng dự trữ</p> <p>5.2. Kỹ thuật phân tích ABC trong quản trị hàng dự trữ</p> <p>5.3. Mô hình lượng đặt hàng kinh tế cơ bản (EOQ)</p> <p>5.3.1. Xác định lượng đặt hàng tối ưu</p> <p>5.3.2. Xác định điểm đặt hàng lại ROP (Reorder Point)</p>
--	--

Chuyên đề 5: KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Chương I: TỔNG QUAN KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

- 1.1 Xây dựng viễn cảnh
- 1.2 Xác định những điểm mạnh của bạn và những việc bạn muốn làm
- 1.3 Lựa chọn Ban giám đốc
- 1.4 Những vấn đề cơ bản khi mua lại doanh nghiệp
 - 1.4.1 Các báo cáo tài chính
 - 1.4.2 Các khoản phải chi và phải thu
 - 1.4.3 Đội ngũ nhân viên
 - 1.4.4 Khách hàng
 - 1.4.5 Địa điểm kinh doanh
 - 1.4.6 Tình trạng cơ sở vật chất
 - 1.4.7 Các đối thủ cạnh tranh
 - 1.4.8 Đăng ký kinh doanh, các giấy phép và việc phân chia khu vực kinh doanh
 - 1.4.9 Hình ảnh công ty
- 1.5 Những vấn đề cơ bản về nhượng quyền thương hiệu
 - 1.5.1 Nhượng quyền thương hiệu là gì? Nó vận hành như thế nào?
 - 1.5.2 Những lợi ích của kinh doanh nhượng quyền thương hiệu
 - 1.5.3 Những bất lợi của kinh doanh nhượng quyền thương hiệu
- 1.6 Danh mục các vấn đề chuẩn bị khởi nghiệp
 - 1.6.1 Danh mục các vấn đề của người chủ sở hữu để khởi nghiệp
 - 1.6.2 Danh mục các vấn đề liên quan đến việc thuê địa điểm
 - 1.6.3 Danh mục các vấn đề về Hợp đồng thuê bất động sản
 - 1.6.4 Danh mục những vấn đề cần lưu ý khi thuê thiết bị
 - 1.6.5 Danh mục những điều khoản hợp đồng nhượng quyền thương hiệu
 - 1.6.6 Danh mục tự đánh giá ưu nhược điểm cá nhân
 - 1.6.7 Danh mục các vấn đề đánh giá điểm mạnh và điểm yếu
 - 1.6.8 Tiêu chí lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

2. Chương II: LỰA CHỌN MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH

- 2.1 Doanh nghiệp một chủ - thuận lợi và khó khăn
 - 2.1.1 Doanh nghiệp tư nhân
 - 2.1.2 Hộ kinh doanh cá thể
 - 2.1.3 Công ty TNHH 1 thành viên là cá nhân
 - 2.1.4 Công ty hợp danh
- 2.2 Doanh nghiệp nhiều chủ
 - 2.2.1 Hợp tác xã
 - 2.2.2 Công ty

- 2.3 Cơ sở lựa chọn loại hình doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp

- 2.3.1 Thành lập, quản lý doanh nghiệp và góp vốn
- 2.3.2 Thành lập doanh nghiệp tư nhân
- 2.3.3 Thành lập, góp vốn vào công ty hợp danh
- 2.3.4 Thành lập và góp vốn vào công ty TNHH, công ty cổ phần
- 2.3.5 Một số nhận xét và lưu ý
- 2.4 Chế độ trách nhiệm của nhà đầu tư
 - 2.4.1 Trách nhiệm vô hạn
 - 2.4.2 Trách nhiệm hữu hạn
 - 2.4.3 Trách nhiệm liên đới
 - 2.4.4 Trách nhiệm vô hạn của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh
 - 2.4.5 Trách nhiệm hữu hạn của thành viên góp vốn trong công ty hợp danh, công ty TNHH và công ty cổ phần
- 2.4.6 Nhận xét và lưu ý
- 2.5 Tổ chức quản lý
 - 2.5.1 Quản lý doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh
- 2.6 Thuế
- 2.7 Tài chính
 - 2.7.1 Huy động vốn đối với doanh nghiệp tư nhân
 - 2.7.2 Huy động vốn đối với công ty hợp danh, công ty TNHH
 - 2.7.3 Huy động thêm vốn đối với công ty cổ phần
 - 2.7.4 Nhận xét
- 2.8 Thời hạn đầu tư và tổ chức lại
- 2.9 Giải thể và phá sản

3. Chương III: NHỮNG VẤN ĐỀ QUẢN LÝ CƠ BẢN VÀ CHỦ YẾU

- 3.1 Phương pháp quản trị kinh doanh
- 3.2 Các phương pháp quản trị nội bộ doanh nghiệp
 - 3.2.1 Các phương pháp giáo dục
 - 3.2.2 Các phương pháp hành chính
 - 3.2.3 Các phương pháp kinh tế
 - 3.2.4 Các phương pháp tác động lên các yếu tố khác của doanh nghiệp

4. Chương IV: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ PHÁP LÝ

- 4.1 Đăng ký kinh doanh
- 4.2 Quy định về khắc dấu
- 4.3 Đăng ký thuế và cấp mã số thuế
- 4.4 Quy định liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu
- 4.5 Quy định mua hóa đơn

5. Chương V: KINH NGHIỆM TRIỂN KHAI VÀ NHỮNG BÀI HỌC THỰC TIỄN

- 5.1 Kinh nghiệm thành lập Ban giám đốc
- 5.2 Những sai lầm phổ biến khi khởi nghiệp
- 5.3 Những kinh nghiệm về nhượng quyền thương hiệu

Chuyên đề 6: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

1. Chương I. CON ĐƯỜNG KHỞI NGHIỆP VÀ CÁC VẤN

ĐỀ TÀI CHÍNH LIÊN QUAN

I. XÂY DỰNG MỘT DOANH NGHIỆP MỚI

- 1.1. Ý tưởng kinh doanh và kế hoạch kinh doanh
 - 1.1.1. Ý tưởng kinh doanh
 - 1.1.2. Kế hoạch kinh doanh
- 1.2. Kế hoạch tài chính (Trong kế hoạch kinh doanh)
 - 1.2.1. Dự báo lỗ lãi hàng tháng
 - 1.2.2. Bảng cân đối kế toán dự báo
 - 1.2.3. Dự báo dòng tiền mặt theo tháng
 - 1.2.4. Phân tích tỷ lệ tài chính
 - 1.2.5. Sự ảnh hưởng của các rủi ro chính lên các chỉ số tài chính

2. MUA LẠI DOANH NGHIỆP

- 2.1. Tại sao nên mua một doanh nghiệp đang hoạt động
- 2.2. Vấn đề định giá doanh nghiệp trong mua bán doanh nghiệp

3. KHỞI NGHIỆP BẰNG CÁCH NHẬN NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

- 3.1. Hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại
 - 3.1.1. Hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại trên thế giới và Việt Nam
 - 3.1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh nhượng quyền thương mại
 - 3.1.3. Ưu nhược điểm của nhượng quyền thương mại
- 3.2. Khởi nghiệp bằng cách nhận nhượng quyền thương mại
 - 3.2.1. Trước khi nhận nhượng quyền
 - 3.2.2. Ưu nhược điểm của nhận nhượng quyền kinh doanh
 - 3.2.3. Các bước nhận nhượng quyền kinh doanh
- 3.3. Những vấn đề tài chính quan trọng khi nhận nhượng quyền
- 3.4. Một số lầm tưởng về nhượng quyền thương mại

2. Chương II: CẤP VỐN CHO HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

1. CẤP VỐN KHỞI NGHIỆP

- 1.1. Tầm quan trọng của việc huy động vốn cho khởi nghiệp
- 1.2. Các hình thức cấp vốn cho khởi nghiệp

2. NGUỒN TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

- 2.1. Tiền của các thành viên sáng lập
- 2.2. Huy động từ gia đình, bạn bè, người thân
- 2.3. Huy động bằng cách tự xoay sở

3. VAY NỢ TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

- 3.2. Xác định nguồn vốn vay phù hợp
 - 3.2.1. Vay vốn từ ngân hàng thương mại
 - 3.2.2. Các khoản vay được bảo lãnh
- 3.3. Chuẩn bị hồ sơ vay vốn

4. VỐN TỪ QUỸ ĐẦU TƯ MẠO HIỂM

- 4.1. Hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm
- 4.2. Một số vấn đề cần lưu ý khi tiếp cận vốn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm

4.3. Đầu tư mạo hiểm từ doanh nghiệp

5. MỘT SỐ HÌNH THỨC HUY ĐỘNG VỐN SÁNG TẠO KHÁC

- 5.1. Thuê tài chính
- 5.2. Các hình thức tài trợ khác
 - 5.2.1. Tín dụng từ người bán
 - 5.2.2. Bán hàng trả trước
 - 5.2.3. Đối tác chiến lược trong khởi nghiệp
 - 5.2.4. Tín dụng vi mô

6. CÁC HÌNH THỨC CẤP VỐN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

- 6.1. Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
- 6.2. Liên minh chiến lược trong phát triển doanh nghiệp

3. Chương III: GIỚI THIỆU CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

1. GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

- 1.1. Mục tiêu của quản trị tài chính
- 1.2. Quy trình quản trị tài chính

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 2.1. Tầm quan trọng của báo cáo tài chính
- 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 2.3. Bảng cân đối kế toán
- 2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 2.5. Phân tích các chỉ số tài chính

3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH DỰ TOÁN

- 3.1. Tầm quan trọng của báo cáo tài chính dự toán
- 3.2. Dự báo doanh thu – chi phí
- 3.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dự toán
- 3.4. Bảng cân đối kế toán dự toán
- 3.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự toán
- 3.6. Phân tích các chỉ số tài chính dự toán

<p>4. Chương IV: DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>1. CHI PHÍ CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ sản phẩm</p> <p>1.1.1. Chi phí sản xuất</p> <p>1.1.2. Chi phí tiêu thụ</p> <p>1.1.3. Giá thành sản phẩm</p> <p>1.2. Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động bất thường của doanh nghiệp</p> <p>2. DOANH THU TIÊU THỤ SẢN PHẨM</p> <p>2.1. Vấn đề tiêu thụ sản phẩm và doanh thu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp</p> <p>2.2. Doanh thu của doanh nghiệp</p> <p>3. LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1. Khái niệm lợi nhuận của doanh nghiệp</p> <p>3.1.1. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp</p> <p>3.1.2. Lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp</p> <p>3.2. Phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp</p> <p>4. MỘT SỐ LOẠI THUẾ, PHÍ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP</p> <p>4.1. Thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.3. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.1.4. Miễn giảm thuế giá trị gia tăng</p> <p>4.2. Thuế tiêu thụ đặc biệt</p> <p>4.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>4.3.1. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>4.3.2. Thu nhập chịu thuế</p> <p>4.3.3. Phương pháp tính thuế</p> <p>4.3.4. Các trường hợp ưu đãi, miễn giảm thuế</p> <p>4.4. Thuế xuất – nhập khẩu</p> <p>4.4.1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế</p> <p>4.4.2. Phương pháp tính thuế xuất – nhập khẩu</p> <p>4.4.3. Miễn giảm thuế xuất – nhập khẩu</p> <p>4.5. Một số loại thuế và phí khác</p> <p>4.5.1. Thuế môn bài</p> <p>4.5.2. Lệ phí trước bạ</p> <p>4.5.3. Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp</p>	<p>5. Chương V: RA CÁC QUYẾT ĐỊNH TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>1. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH TRỢ GIÚP VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH</p> <p>1.1. Khả năng thanh toán</p> <p>1.2. Khả năng cân đối vốn và khả năng trả nợ</p> <p>1.2.1. Các tỷ số về khả năng cân đối vốn</p> <p>1.2.2. Hệ số nguy cơ phá sản</p> <p>1.3. Khả năng hoạt động</p> <p>1.4. Khả năng sinh lời trên vốn đầu tư</p> <p>1.4.1. Tỷ suất sinh lời trên tài sản</p> <p>1.4.2. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu</p> <p>1.4.3. Tỷ suất sinh lời trên vốn hoạt động và trên vốn dài hạn</p> <p>2. DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ</p> <p>2.1. Hoạt động đầu tư và dự án đầu tư</p> <p>2.1.1. Quan niệm về đầu tư và dự án đầu tư</p> <p>2.1.2. Giá trị thời gian của tiền</p> <p>2.2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính sự án đầu tư</p> <p>2.2.1. Chỉ tiêu Giá trị hiện tại ròng (NPV)</p> <p>2.2.2. Chỉ tiêu Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR)</p> <p>2.2.3. Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn</p> <p>3. NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</p> <p>3.1. Xác định giá trị doanh nghiệp</p> <p>3.2. Quy trình xác định giá trị doanh nghiệp</p> <p>3.3. Các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp</p> <p>3.3.1. Phương pháp giá trị tài sản</p> <p>3.3.2. Phương pháp hệ số giá/thu nhập (P/E)</p> <p>3.3.3. Phương pháp định giá theo giá trị sổ sách</p> <p>3.3.4. Xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF)</p>
---	--

Nguồn: (23) Tài liệu dành cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Cục Phát triển doanh nghiệp; Bộ Kế hoạch đầu tư; Năm 2012

Ghi chú: Nội dung Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng về cơ bản được thực hiện theo các chuyên đề trên, song được rút ngắn lại, hạn chế các nội dung trùng lặp, gắn với chuyên ngành xây dựng và phù hợp với thời gian giảng dạy. Đây là tài liệu cơ bản cho sinh viên, học viên tự học. Tài liệu được đăng tải trên WEB bmkctn.com. Mục học liệu mở.

Phụ lục 7: Hệ thống ngành kinh tế có liên quan đến lĩnh vực xây dựng

BẢNG PL7: HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM

Danh mục Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Chính phủ) gồm 5 cấp:

- Ngành cấp 1 gồm 21 ngành được mã hóa theo bảng chữ cái lần lượt từ A đến U;
- Ngành cấp 2 gồm 88 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng hai số theo ngành cấp 1 tương ứng;
- Ngành cấp 3 gồm 242 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng ba số theo ngành cấp 2 tương ứng;
- Ngành cấp 4 gồm 486 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng bốn số theo ngành cấp 3 tương ứng;
- Ngành cấp 5 gồm 734 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng năm số theo ngành cấp 4 tương ứng.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
A					NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	
	1				Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	
		11			Trồng cây hàng năm	
			118		Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	xx
			119		Trồng cây hàng năm khác	x
		12			Trồng cây lâu năm	
		13			Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	x
		14			Chăn nuôi	x
		15	150	1500	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	x
		16			Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	x
		17	170	1700	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	x
	2				Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	
		22	220	2200	Khai thác gỗ	x
		24	240	2400	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	x
	3				Khai thác, nuôi trồng thủy sản	x
B					KHAI KHOÁNG	
	5				Khai thác than cứng và than non	x
	6				Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	x
	7				Khai thác quặng kim loại	x
	8				Khai khoáng khác	
		81	810		Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	xxx
	9				Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng	
		91	910	9100	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	xxx
		99	990	9900	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	xx
C					CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	
	10				Sản xuất, chế biến thực phẩm	xx
	11	110			Sản xuất đồ uống	x
	12	120	1200		Sản xuất sản phẩm thuốc lá	x
	13				Dệt	xx
	14				Sản xuất trang phục	x
	15				Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	x
	16				Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tét bện	
		161	1610		Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	xx

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
		162			Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	
			1621	16210	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	xxx
			1622	16220	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	xxx
			1623	16230	Sản xuất bao bì bằng gỗ	xx
			1629		Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	xx
	17	170			Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	x
	18				In, sao chép bản ghi các loại	xxx
	19				Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	x
	20				Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	
		201			Sản xuất hoá chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	x
		202			Sản xuất sản phẩm hoá chất khác	x
		203	2030	20300	Sản xuất sợi nhân tạo	xx
	21				Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	x
	22				Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	
		221			Sản xuất sản phẩm từ cao su	x
		222	2220		Sản xuất sản phẩm từ plastic	xx
	23				Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	
		231	2310		Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	xxx
		239			SX sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	
			2391	23910	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	xxx
			2392	23920	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	xxx
			2393	23930	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	xxx
			2394		Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	xxx
			2395	23950	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, XM à thạch cao	xxx
			2396	23960	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	xxx
	24				Sản xuất kim loại	x
	25				Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	
		251			Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	xxx
		259			Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	x
	26				SX sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	x
	27				Sản xuất thiết bị điện	
		271	2710		Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	x
		272	2720	27200	Sản xuất pin và ắc quy	x
		273			Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn	xx
		274	2740	27400	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	xx
		275	2750	27500	Sản xuất đồ điện dân dụng	xx
	28				Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	
		281			Sản xuất máy thông dụng	x
		282			Sản xuất máy chuyên dụng	x

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
			2824	28240	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	xxx
				28291	Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	xxx
	29				Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	x
	30				Sản xuất phương tiện vận tải khác	x
	31	310	3100		Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	xxx
	32				Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	x
	33				Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	x
D					SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ	
	35				Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	
		351			Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	x
		352	3520		Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	x
		353	3530		Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	x
E					CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI	
	36	360	3600	36000	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	xxx
	37	370	3700		Thoát nước và xử lý nước thải	xxx
	38				Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu	xxx
	39	390	3900	39000	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	xxx
F					XÂY DỰNG	
	41	410			Xây dựng nhà các loại	xxx
	42				Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	xxx
		421			Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	xxx
		422			Xây dựng công trình công ích	xxx
		429			Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	xxx
	43				Hoạt động xây dựng chuyên dụng	
		431			Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng	xxx
		432			Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác	xxx
		433	4330	43300	Hoàn thiện công trình xây dựng	xxx
		439	4390	43900	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	xxx
G					BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	
	45				Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	
		451			Bán ô tô và xe có động cơ khác	
			4511		Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	x x
		452	4520	45200	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	x
		453	4530		Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	
				45301	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	xx
		454			Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	x

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
	46				Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
		461	4610		Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	xxx
		462	4620		Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	x
		463			Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	x
		464			Bán buôn đồ dùng gia đình	xx
		465			Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	x
			4651	46510	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	xx
				46591	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	xxx
				46594	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	xx
		466			Bán buôn chuyên doanh khác	x
				46622	Bán buôn sắt, thép	xx
				4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	xxx
				4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	x
		469	4690	46900	Bán buôn tổng hợp	x
	47				Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	
H					VẬN TẢI KHO BÃI	
	49				Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống	
		491			Vận tải đường sắt	x
		492			Vận tải hành khách bằng xe buýt	x
		493			Vận tải đường bộ khác	x
				49331	Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	xxx
		494	4940	49400	Vận tải đường ống	xxx
	50				Vận tải đường thủy	
		501			Vận tải ven biển và viễn dương	
			5011		Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	x
			5012		Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	xx
		502			Vận tải đường thủy nội địa	
			5021		Vận tải hành khách đường thủy nội địa	x
			5022		Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	x
				50221	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới	xx
	51				Vận tải hàng không	x
	52				Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	
		521	5210		Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	xx
		522			Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	x
			5221	52210	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	xx
			5222		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	x
				52222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương	xx
				52224	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa	xx

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
			5223		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	x
				52239	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không	xx
			5224		Bốc xếp hàng hóa	x
			5225		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	x
				52252	Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ	xx
				52253	Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	xx
				52259	Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	xx
			5229		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	x
				52292	Logistics	xx
	53				Bưu chính và chuyển phát	x
I					DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ẨM UỐNG	
	55				Dịch vụ lưu trú	
		551	5510		Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	x
				55101	Khách sạn	xx
				55102	Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	xx
				55103	Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	xx
				55901	Ký túc xá học sinh, sinh viên	xxx
	56				Dịch vụ ăn uống	x
J					THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
	58				Hoạt động xuất bản	
		581			Xuất bản sách, ấn phẩm định kỳ và các hoạt động xuất bản khác	xxx
		582	5820	58200	Xuất bản phần mềm	xxx
	59				Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc	
		591			Hoạt động điện ảnh và sản xuất chương trình truyền hình	
			5911		Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	xxx
			5912	59120	Hoạt động hậu kỳ	x
			5913	59130	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	xxx
			5914		Hoạt động chiếu phim	x
		592	5920	59200	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	x
	60				Hoạt động phát thanh, truyền hình	
		601	6010	60100	Hoạt động phát thanh	x
		602			Hoạt động truyền hình và cung cấp chương trình thuê bao	
			6021	60210	Hoạt động truyền hình	xxx
	61				Viễn thông	x
	62	620			Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	xxx
	63				Hoạt động dịch vụ thông tin	
		631			Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan; cổng thông tin	xxx
		639			Dịch vụ thông tin khác	x

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
K					HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ BẢO HIỂM	
	64				Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	x
	65				Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	
	66				Hoạt động tài chính khác	
		661			Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	xx
		662			Hoạt động hỗ trợ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội	
		663	6630	66300	Hoạt động quản lý quỹ	xx
L					HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	
	68				Hoạt động kinh doanh bất động sản	
		681	6810		Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	xxx
		682	6820		Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	xxx
M					HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
	69				Hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán	xxx
	70				Hoạt động của trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý	
	71				Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật	xxx
		711	7110		Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	xxx
		712	7120	71200	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	xxx
	72				Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	
		721			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	
			7211	72110	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	xx
			7212	72120	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	xxx
			7213	72130	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	x
			7214	72140	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	xx
		722			Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn	xxx
	73				Quảng cáo và nghiên cứu thị trường	xxx
	74				Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	
		741	7410	74100	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	xxx
				74901	Hoạt động khí tượng thủy văn	xxx
N					HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	
	77				Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	x
	78				Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	xxx
	79				Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	
	80				Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
		802	8020	80200	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	xxx
	81				Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	xxx
	82				Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	
		821			Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	
			8211	82110	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	xxx
			8219		Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	x
		823	8230	82300	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	xxx
O					HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, AN NINH QUỐC PHÒNG; BẢO ĐẢM XÃ HỘI BẮT BUỘC	
	84				Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đối ngoại và bảo đảm xã hội bắt buộc	
		841			Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước và quản lý chính sách kinh tế, xã hội	
			8411		Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp	
				84112	Hoạt động quản lý nhà nước nói chung và kinh tế tổng hợp	x
			8412	84120	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa và các dịch vụ xã hội khác (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)	x
			8413	84130	Hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế chuyên ngành	x
P					GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
	85				Giáo dục và đào tạo	
		851			Giáo dục mầm non	x
		852			Giáo dục phổ thông	x
		853			Giáo dục nghề nghiệp	x
		854			Giáo dục đại học	xxx
		855			Giáo dục khác	x
		856	8560	85600	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	xxx
Q					Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI	
	86				Hoạt động y tế	x
	87				Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung	x
	88				Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung	
R					NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	
	90	900	9000	90000	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	xxx
	91				Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác	
		910			Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác	
			9101	91010	Hoạt động thư viện và lưu trữ	xxx
			9102	91020	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	xxx
			9103	91030	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn	x

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành	Mức liên quan đến lĩnh vực Xây dựng
					tự nhiên	
	92	920	9200		Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc	x
	93				Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí	x
S					HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ KHÁC	
	94				Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác	
		941			Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh, nghiệp chủ và nghề nghiệp	xxx
		942	9420	94200	Hoạt động của công đoàn	xxx
	95				Sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	
	96				Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	
		963			Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác chưa được phân vào đâu	
			9632	96320	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	x
			9633	96330	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	x
T					HOẠT ĐỘNG LÀM THUÊ CÁC CÔNG VIỆC TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH, SẢN XUẤT SẢN PHẨM VẬT CHẤT VÀ DỊCH VỤ TỰ TIÊU DÙNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH	
	97	970	9700	97000	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	
	98				Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	
U					HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC VÀ CƠ QUAN QUỐC TẾ	
	99	990	9900	99000	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	xx
21	88	242	486	734		

Ghi chú: Mọi quan hệ giữa ngành xây dựng với các ngành khác, phục vụ cho việc chọn nghề, lập nghiệp của sinh viên, đặc biệt trong hoạt động khởi nghiệp; tạo lập hệ thống sẵn sàng về công nghệ cho các ngành có liên quan:

- x: Liên quan gián tiếp, là dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ hạ tầng cho ngành đó;

- xx: Liên quan mang tính kết nối, liên ngành, vừa là dịch vụ hỗ trợ vừa có khả năng tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh tế của ngành;

- xxx: Liên quan trực tiếp, là lĩnh vực hoạt động sản xuất và dịch vụ chính hay hoạt động kinh tế của chuyên ngành xây dựng.

Bảng trên đã xóa bỏ một số ngành cấp 3, cấp 4, cấp 5 không có liên quan đến ngành xây dựng.